

[BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2015**]

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2015**



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ

Trụ sở chính

Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: **+84.8 3790 7565** | Fax: **+84.8 3790 7566**

Chi nhánh

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: **+84.66 389 9537** | Fax: **+84.66 389 9536**

Văn phòng đại diện

Địa chỉ: 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation
Tên giao dịch	Century Corp
Mã chứng khoán	STK
Trụ sở chính	B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	465.358.350.000 VND
Điện thoại	+84.8 3790 7565 +84.66 389 9537
Fax	+84.8 3790 7566 +84.66 389 9536
Email	csf@century.vn
Website	www.thekey.vn
Mã số doanh nghiệp	0302018927

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Bảng cân đối kế toán

ĐVT: tỷ VNĐ	2011	2012	2013	2014	2015
Tài sản ngắn hạn	289	312	404	463	467
Tài sản dài hạn	585	704	621	782	1.252
Tổng tài sản	874	1.016	1.025	1.245	1.719
Nợ ngắn hạn	315	267	306	207	401
Nợ dài hạn	169	280	216	363	628
Tổng nợ	484	547	522	570	1.029
Vốn chủ sở hữu	390	469	503	675	690

Báo cáo kết quả kinh doanh

ĐVT: tỷ VNĐ	2011	2012	2013	2014	2015
DT thuần	935	1.099	1.453	1.458	1.035
Lãi gộp	178	174	177	213	187
LN từ HĐKD	107	97	95	135	86
DT tài chính	26	3	7	2	14
Chi phí tài chính	(48)	(18)	(21)	(13)	(53)
LNTT	107	97	95	136	87
LNST	83	84	74	106	71

Báo cáo luân chuyển tiền tệ

ĐVT: tỷ VNĐ	2011	2012	2013	2014	2015
Lợi nhuận trước thuế	107	97	95	136	87
Khấu hao phân bổ	57	65	84	81	85
Tiền từ HĐKD sau điều chỉnh	183	177	191	228	208
Tiền thuần từ KD	187	52	125	172	(95)
Tiền thuần từ ĐT	(47)	(184)	0,4	(112)	(539)
Tiền thuần từ TC	(107)	87	(73)	13	492
Tăng/Giảm tiền thuần trong năm	33	(45)	51	72	(142)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	69	24	76	148	6.6

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với quý vị báo cáo thường niên năm 2015 của STK. Chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

STK đã trải qua một năm kinh doanh đầy biến động với rất nhiều thách thức. Trong 6 tháng đầu năm 2015, tình hình kinh doanh khá thuận lợi khi chúng ta duy trì được tốc độ giảm giá bán chậm hơn tốc độ giá nguyên vật liệu đầu vào.

Tuy nhiên, trong 6 tháng cuối năm 2015, thị trường đã có những diễn biến rất bất lợi. Do giá dầu liên tục sụt giảm nên các hãng thời trang có xu hướng chờ đợi giá dầu ổn định trước khi quyết định đặt hàng. Việc trì hoãn xuống đơn hàng này đã làm sụt giảm đơn hàng trong toàn chuỗi cung ứng sợi, dệt. Cầu về sợi càng sụt giảm hơn nữa khi một loạt nhà máy dệt - nhuộm - hoàn tất tại Trung Quốc phải đóng cửa trong tháng 7/2015 và tháng 11/2015 khi Chính phủ Trung Quốc siết qui định về bảo vệ môi trường và ban hành Kế hoạch Bảo vệ Nguồn Nước. Trước sức cầu về sợi yếu, để giải phóng hàng tồn kho, các công ty sợi Trung Quốc đã bán phá giá gay gắt trên thị trường quốc tế và Việt Nam, làm cho tốc độ giảm giá bán sợi diễn ra nhanh hơn so với tốc độ giảm giá nguyên vật liệu đầu vào.

Thêm vào đó, các công ty sợi của Việt Nam nói chung và STK nói riêng còn gặp thêm khó khăn khi Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ quyết định khởi xướng điều tra vụ chống phá giá đối với mặt hàng sợi DTY của Việt Nam vào tháng 5/2015. Quyết định này đã làm cho một số khách hàng từ Thổ Nhĩ Kỳ giảm đơn hàng do lo ngại việc Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ có thể áp thuế tạm thời đối với mặt hàng sợi DTY của Việt Nam.

Việc Chính phủ Việt Nam điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng của VND/USD và nới biên độ giao dịch tỷ giá cũng đã gây tác động bất lợi tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bất chấp những khó khăn kể trên, STK vẫn duy trì được lợi nhuận trong 6 tháng cuối năm 2015 và hoàn thành được 62% kế hoạch lợi nhuận của cả năm 2015.

Công ty cũng đã thực hiện được các kế hoạch kinh doanh khác trong năm 2015 như đưa toàn bộ nhà máy Trảng Bàng 3 vào hoạt động chính thức từ tháng 9/2015, phát triển khách hàng mới và sản phẩm mới và niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM.

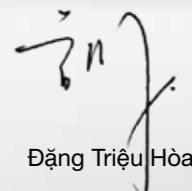
Năm 2016 sẽ vẫn còn nhiều thử thách đối với các công ty sợi nói chung và STK nói riêng khi sức cầu về sản phẩm dệt may ở các thị trường lớn như Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc còn rất yếu và rủi ro của biến động giá cả, tỷ giá và lãi suất còn rất cao.

Tuy nhiên, Công ty vẫn đặt ra quyết tâm sẽ vượt qua các khó khăn tạm thời để tận dụng triệt để các cơ hội mới mà các hiệp định tự do thương mại ("FTA") với Hàn Quốc (VKFTA), Châu Âu (EVFTA) và Hiệp Định Thương Mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) mang lại. Bên cạnh việc duy trì các thị trường hiện hữu và danh mục sản phẩm hiện có, STK sẽ tích cực phát triển các khách hàng mới ở các thị trường mới cũng như phát triển các sản phẩm sợi có tính năng đặc biệt nhằm sử dụng tối đa công suất của các nhà máy hiện có. Công ty sẽ tiếp tục tiến trình tối ưu hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành.

Công ty cũng sẽ tiếp tục chiến lược liên doanh liên kết với khách hàng và đối tác trong việc phát triển ngành dệt nhuộm nhằm mở rộng chuỗi tích hợp sản xuất theo chiều dọc, mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Ngoài ra, nhằm chuyển hóa sự cạnh tranh trong ngành sợi, STK sẽ triển khai chiến lược hợp tác kinh doanh với công ty cùng ngành để phát triển các sản phẩm mới.

Chúng tôi tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng vượt bậc của ngành sợi dài polyester nói chung và ngành dệt may Việt Nam nói riêng trong những năm tới. Chúng tôi mong rằng với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành và CBCNV và sự ủng hộ mạnh mẽ của cổ đông, STK sẽ đạt được sự phát triển bền vững trong những năm tới.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Đặng Triệu Hòa

MỤC LỤC

Tâm nhìn - Sứ mạng	10
Địa bàn Kinh doanh	11
Cột mốc Hình thành và Phát triển	14
Quá trình tăng vốn điều lệ	17
Sơ đồ Thành lập	18
Sơ đồ cơ cấu Tổ chức	20
Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2013 - 2018	22
Ban Điều hành	24
Ban Kiểm soát	26
Nhân sự và Người lao động	28
Định hướng Phát triển	30
Quản trị rủi ro	37
Tình hình HDSXKD	38
Các hoạt động nổi bật năm 2015	40
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	44
Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ 2015	54
Lịch sử chi trả Cổ tức	60
Kế hoạch HKKD năm 2016	61
Báo cáo Quản trị	66
Báo cáo của Ban Kiểm soát	72
Báo cáo Phát triển bền vững	74
Báo cáo Tài chính Kiểm toán	92

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTN	Báo cáo thường niên	LNBR	Lợi nhuận biên ròng
BHXH	Bảo hiểm xã hội	LNST	Lợi nhuận sau thuế
BHYT	Bảo hiểm y tế	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
BKS	Ban Kiểm Soát	POY	Sợi nguyên liệu
BTGD	Ban Giám Đốc	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT	Bộ Tài Nguyên Môi Trường	QC	Bộ phận kiểm soát chất lượng
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	QĐ-BYT	Quy định Bộ Y Tế
CC	Nhà máy Củ Chi	ROA	Tỉ số lợi nhuận trên tổng tài sản
CP	Cổ phiếu	ROE	Tỉ số lợi nhuận trên VCSH
DT	Doanh thu thuần	ROS	Tỉ số lợi nhuận trên doanh thu thuần
DTY	Sợi xơ dài	SOP	Quy trình hoạt động chuẩn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	Spining	Máy kéo sợi
EPS	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	STK, CENTURY, Công ty	Công Ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ Công ty
ESOP	Chương trình bán cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV	TB	Nhà máy Trảng Bàng
ERP	Phần mềm quản lý doanh nghiệp hiệu quả	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
EVFTA	Hiệp định thương mại Việt Nam - EU	TCVSLĐ	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
FDY	Sợi kéo duỗi hoàn toàn	TGD	Tổng Giám Đốc
FIFO	Nguyên tắc quản lý hàng tồn kho	TPP	Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương
FTA	Hiệp định thương mại tự do	VCSH	Vốn chủ sở hữu
HĐQT	Hội Đồng Quản Trị	VND	Đồng Việt Nam
Inverter	Máy biến áp	USD	Đô la Mỹ
KVFTA	Hiệp định thương mại Việt Nam - Hàn Quốc	Winder	Máy cuốn sợi

[ĐỒNG TÂM DỆT LỖI | HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI]

TẦM NHÌN & SỨ MẠNG

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống

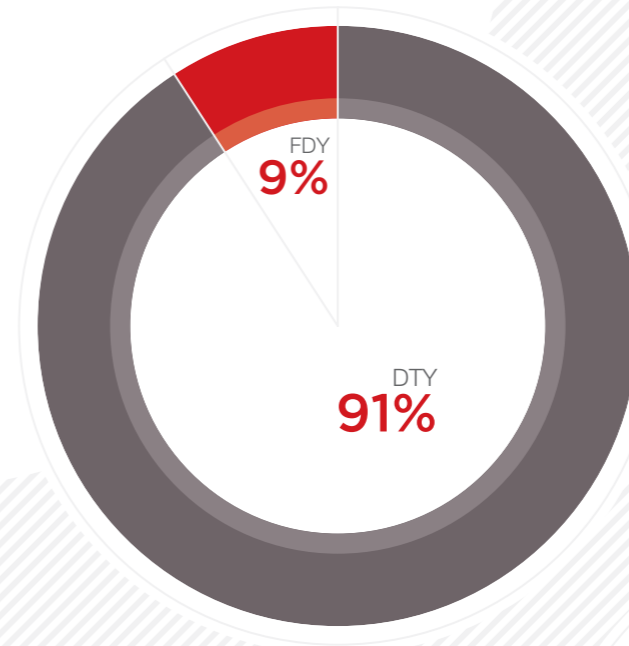
CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY

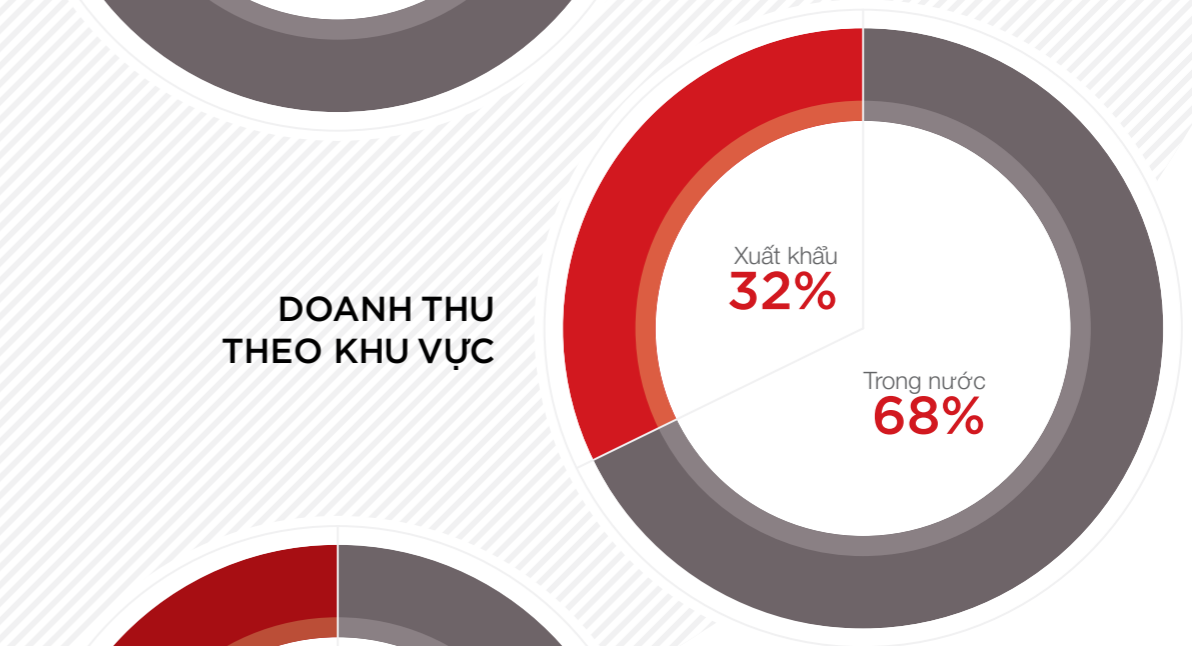
CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

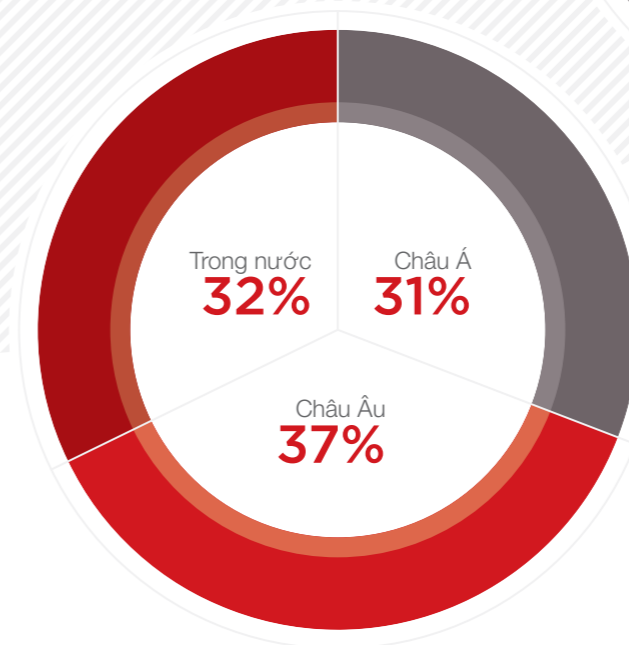
ĐỊA BÀN KINH DOANH



DOANH THU THEO SẢN PHẨM



DOANH THU THEO KHU VỰC



DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG

GIẢI THƯỞNG & CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH



2011

- Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ Việt Nam do đã có nhiều thành tích trong công tác tổ chức kêu gọi thu hút đầu tư và tham gia xây dựng, phát triển các Khu chế xuất và công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội TP. HCM.

2010

- Giấy khen của Sở Lao động Thương binh Xã hội do có thành tích tốt trong công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động năm 2010.
- Bằng khen của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do có thành tích xuất sắc trong công tác đầu tư, góp phần tích cực xây dựng phát triển kinh tế đất nước năm 2010.

2009

- Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP. HCM do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009.
- Danh hiệu "Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2009" do Bộ Công Thương trao tặng.

2008

- Danh hiệu "Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2008" do Bộ Công Thương trao tặng.
- Bằng khen của Bộ Công thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008.
- Huy chương bảo vệ người tiêu dùng do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng năm 2008.
- Tổng Giám đốc Đặng Triệu Hòa được bình chọn là doanh nhân tiêu biểu năm 2008 bởi tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam.
- Danh hiệu Top Ten ngành hàng năm 2008 do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật bình chọn.
- Danh hiệu Top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2008 do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.

2007

- Bằng khen của Bộ Công Thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.
- Tổng Giám đốc Đặng Triệu Hòa nhận Bằng khen của Bộ Công Thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

2005

- Bằng khen Ủy ban nhân dân TP. HCM do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2004.
- Giấy khen của Ban Quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp TP. HCM (HEPZA) do có thành tích đóng góp xây dựng và phát triển khu công nghiệp năm 2005.

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000 Thành lập ngày 01/06/2000
 Sản phẩm chính: Draw Textured Yarn (DTY)
 Chưa có quy trình sản xuất khép kín mà phải nhập khẩu bán thành phẩm Partially Oriented Yarn (POY) để sản xuất DTY.
 Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/năm

2003 Tăng công suất sản xuất lên gấp đôi so với lúc mới thành lập, tương đương 9.600 tấn sợi DTY/năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2005 Ngày 11/04/2005, Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ. Sự thay đổi mang tính chiến lược này giúp STK đa dạng hóa các nguồn vốn huy động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của công ty.

2008 Công ty đầu tư xây dựng thêm nhà máy sản xuất nguyên liệu bán thành phẩm POY, lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất từ hạt nhựa chip, tạo nên một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển để gia tăng chuỗi giá trị và nâng cao lợi nhuận, giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Với sự kiện này, STK chính thức trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất sợi microfilament từ polyester chips nhập khẩu.
 Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/năm & 15.000 tấn DTY/năm

2008 LẦN ĐẦU TIÊN KHÉP KÍN QUY TRÌNH SẢN XUẤT

2005 CỔ PHẦN HÓA - SỰ THAY ĐỔI MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC

2003 ĐẦU TƯ MỞ RỘNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT

2000 THÀNH LẬP NHÀ MÁY KÉO SỢI ĐẦU TIÊN TẠI CÙ CHI

2011 Đầu tư nhà máy sản xuất sợi POY, DTY, FDY tại Chi nhánh Trảng Bàng, tăng công suất sản xuất DTY, POY thêm 11.000 tấn/năm. Nhà máy này được khởi công xây dựng vào 28/11/2009 và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất từ 18/01/2011.

Ngoài POY và DTY, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới FDY để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường. Với dự án này đã nâng tổng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

Để đáp ứng cho chiến lược phát triển dài hạn của công ty, từ đầu năm 2012, công ty đã chính thức áp dụng hệ thống quản trị ERP-SAP All in one.

2014 Để nắm bắt cơ hội từ xu thế dịch chuyển đại trà các nhà sản xuất từ Trung Quốc qua Việt Nam, cơ hội tăng thêm do Hiệp định TPP mang lại đồng thời để tối ưu hóa quy mô sản xuất của công ty, STK đã triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng tại Trảng Bàng với tổng vốn đầu tư 34,2 triệu USD.

Huy động vốn thuận lợi, IPO thành công ra công chúng 3 triệu cổ phiếu thu được 75 tỷ đồng để tài trợ cho dự án xây dựng mở rộng nhà máy Trảng Bàng - Giai đoạn 3.

2015 Ngày 30/09/2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại HOSE. Uy tín thương hiệu STK và giá trị công ty được nâng cao;

Ngày 18/09/2015, Nhà máy mở rộng Trảng Bàng - Giai đoạn 3 chính thức đi vào hoạt động.

Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm vào cuối năm 2016.

Công ty đã hợp tác với một doanh nghiệp hàng đầu trong ngành nhằm phát triển thành công sản phẩm Sợi tái chế từ hạt nhựa tái chế, bước đầu triển khai thành công chiến lược đa dạng hóa phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.

Nắm bắt cơ hội ở các thị trường mới nhờ hưởng ưu đãi thuế suất thông qua các Hiệp định Tự Do Thương mại ("FTAs").

2015 NIÊM YẾT TRÊN SỞ GDCK TP. HỒ CHÍ MINH (HOSE), PHÁT TRIỂN THÀNH CÔNG SẢN PHẨM MỚI SỢI TÁI CHẾ

2014 ĐÓN ĐẦU XU HƯỚNG, NẮM BẮT CƠ HỘI

2011 PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI FDY ỨNG DỤNG HỆ THỐNG QUẢN TRỊ ERP-SAP ALL IN ONE

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

ĐVT: 1.000 VNĐ

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn điều lệ sau phát hành
05/2005	Cổ phần hóa: VDL ban đầu		50.000.000
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động	15.000.000	65.000.000
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược	26.500.000	91.500.000
01/2008	Đối tác chiến lược	8.500.000	100.000.000
12/2008	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%)	12.000.000	112.000.000
11/2009	Cổ đông hiện hữu (phát hành thêm tỷ lệ: 25%)	28.000.000	140.000.000
01/2010	Đối tác chiến lược (phát hành riêng lẻ)	40.000.000	180.000.000
09/2010	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%)	17.326.400	197.326.400
06-07/2011	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động (ESOP 2010)	32.561.940	229.888.340
05/2012	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%)	45.026.570	274.914.910
06/2013	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%)	40.510.930	315.425.840
06/2014	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	77.627.520	393.053.360
12/2014	Đấu giá ra công chúng	30.000.000	423.053.360
12/2015	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42.304.990	465.358.350

[MUÔN SỢI MỘT ĐƯỜNG | DỆT LỐI THÀNH CÔNG]



SƠ ĐỒ THÀNH LẬP

Công ty, Chi nhánh, Công ty Liên doanh & Văn phòng Đại diện

2000

Ngày 01/06/2000
STK được thành lập.

2009

Thành lập chi nhánh STK.
Khởi công xây dựng nhà máy tại chi
nhánh Trảng Bàng Tây Ninh.

2011

Tháng 01/2011 đưa vào
sản xuất Giai đoạn 1 chi nhánh
Trảng Bàng Tây Ninh.

2012

Tháng 06/2012 đưa vào sản xuất Giai đoạn 2
chi nhánh Trảng Bàng Tây Ninh.

2014

Tháng 05/2014 tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy mở
rộng tại Trảng Bàng Tây Ninh với chi phí đầu tư 34,2 triệu
USD.

2015

Tháng 9/2015 đưa vào sản xuất Giai đoạn 3 chi
nhánh Trảng Bàng - Tây Ninh.
Đầu tư góp vốn thành lập công ty cổ phần Sợi Dệt
Nhuộm Unitex.

ĐÔI NÉT VỀ UNITEX CORPORATION

- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng
- Ngành nghề kinh doanh:
Sản xuất xơ, sợi và vải thành phẩm nhằm khai
thác cơ hội do TPP mang lại và tận dụng lợi thế
của mảng kinh doanh sợi.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

NHIỆM KỲ 2013 - 2018



ÔNG ĐẶNG TRIỆU HÒA

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 47 tuổi

Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung. Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Với vai trò Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") kiêm Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

ÔNG ĐẶNG HƯỚNG CƯỜNG

Thành viên Hội đồng Quản trị | 40 tuổi

Ông Đặng Hướng Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.



BÀ ĐẶNG MỸ LINH

Thành viên Hội đồng Quản trị | 44 tuổi

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.



ÔNG THÁI TUẤN CHÍ

Thành viên Hội đồng Quản trị | 53 tuổi

Ông Thái Tuấn Chí tham gia làm thành viên HĐQT của STK từ khi Công ty chuyển đổi hình thức thành công ty cổ phần vào năm 2005. Ông Thái Tuấn Chí cũng là người sáng lập, đồng thời đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Tuấn.

Ông Thái Tuấn Chí là một trong những doanh nhân tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh, đã được trao tặng Huân chương lao động hạng 3; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có nhiều thành tích 5 năm liền đạt danh hiệu Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu từ 2004 - 2008, Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2006.



BÀ CAO THỊ QUẾ ANH

Thành viên Hội đồng Quản trị | 50 tuổi

Bà Cao Thị Quế Anh tham gia HĐQT Sợi Thế Kỳ từ ngày 12/01/2015. Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.



ÔNG LEE CHIEN KUAN

Thành viên Hội đồng Quản trị | 54 tuổi

Ông Lee Chien Kuan tham gia HĐQT của STK từ năm 2008. Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc, Ông Lee Chien Kuan đã có những đóng góp tích cực cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG ĐẶNG TRIỆU HÒA

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | Năm sinh: 1969

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

- 06/2000 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
- 1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
- 1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.



ÔNG LƯU YÊN KUN

Giám đốc Sản xuất và Công nghệ | Năm sinh: 1952

Trình độ học vấn: Chuyên gia lĩnh vực sản xuất

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

- 11/2012 - nay: Giám đốc Sản xuất và Công nghệ, STK.
- 10/2010 - 03/2012: Phó Tổng Giám đốc, Xianglu Petrochemical Enterprise, Trung Quốc.
- 02/2005 - 03/2009: Phó Tổng Giám đốc, Hangzhou Xiangsheng Textile Limited Company, Trung Quốc.
- 11/2002 - 01/2004: Giám đốc, Xianglu Petrochemical Enterprise, Trung Quốc.
- 03/2000 - 10/2002: Giám đốc Sản xuất, Xianglu Petrochemical Enterprise, Trung Quốc.
- 04/1999 - 02/2000: Trợ lý cấp cao, Tuntex Distinct Corporation, Tuntex Group, Đài Loan.



BÀ NGUYỄN PHƯƠNG CHI

Giám đốc bộ phận Phát triển Chiến lược | Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

- 01/2015 - nay: Giám đốc Bộ phận Phát triển Chiến lược, STK
- 03/2008 - 12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
- 04/2005 - 02/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
- 10/2004 - 02/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
- 10/2002 - 10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.
- 03/1997 - 03/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà nội.



ÔNG PHAN NHƯ BÍCH

Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng | Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

- 11/2010: Kế toán trưởng, STK.
- 03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
- 1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.



ÔNG BÙI TƯỜNG HIỀN

Phó Giám đốc Tổng Quản lý 2 kiêm Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ | Năm sinh: 1976

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

- 01/2010 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ, STK.
- 07/2009 - 12/2009: Trợ lý Tổng giám đốc về Tài chính, STK.
- 05/2008 - 06/2009: Trợ lý Giám đốc Tài chính, RKW Group.
- 05/2007 - 04/2008: Trưởng phòng Môi giới, Công ty CP Chứng khoán Đại Việt.
- 1999 - 04/2007: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Phước Thọ.
- 1998: Kế toán tiền lương, Công ty XNK Thêu may Giày An Phước.
- 1997: Kế toán viên, Tổng công ty Xây Dựng Sài Gòn.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN TỰ LỰC

Trưởng Ban kiểm soát | Năm sinh: 1952

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

- 01/2015 - nay: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Mai Hoàng Vũ
- 2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát, STK
- 2006 - nay: Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
- 2000 - 2006: Kế toán trưởng, STK
- 1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
- 1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP. HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn



ÔNG LÊ ANH TUẤN

Thành viên Ban kiểm soát | Năm sinh: 1951

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

- 2013 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát, STK
- 1999 - 2012: Phó Ban Quản lý các KCX-KCN TP. HCM (HEPZA)
- 1998 - 1999: Chuyên viên, Ban tổ chức thành ủy TP. HCM



BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC LINH

Thành viên Ban kiểm soát | Năm sinh: 1976

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng. Sau đại học, Chuyên ngành Tài chính công, Trường Fulbright - John F. Kennedy School of Government thuộc Đại học Havard (Hoa Kỳ).

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

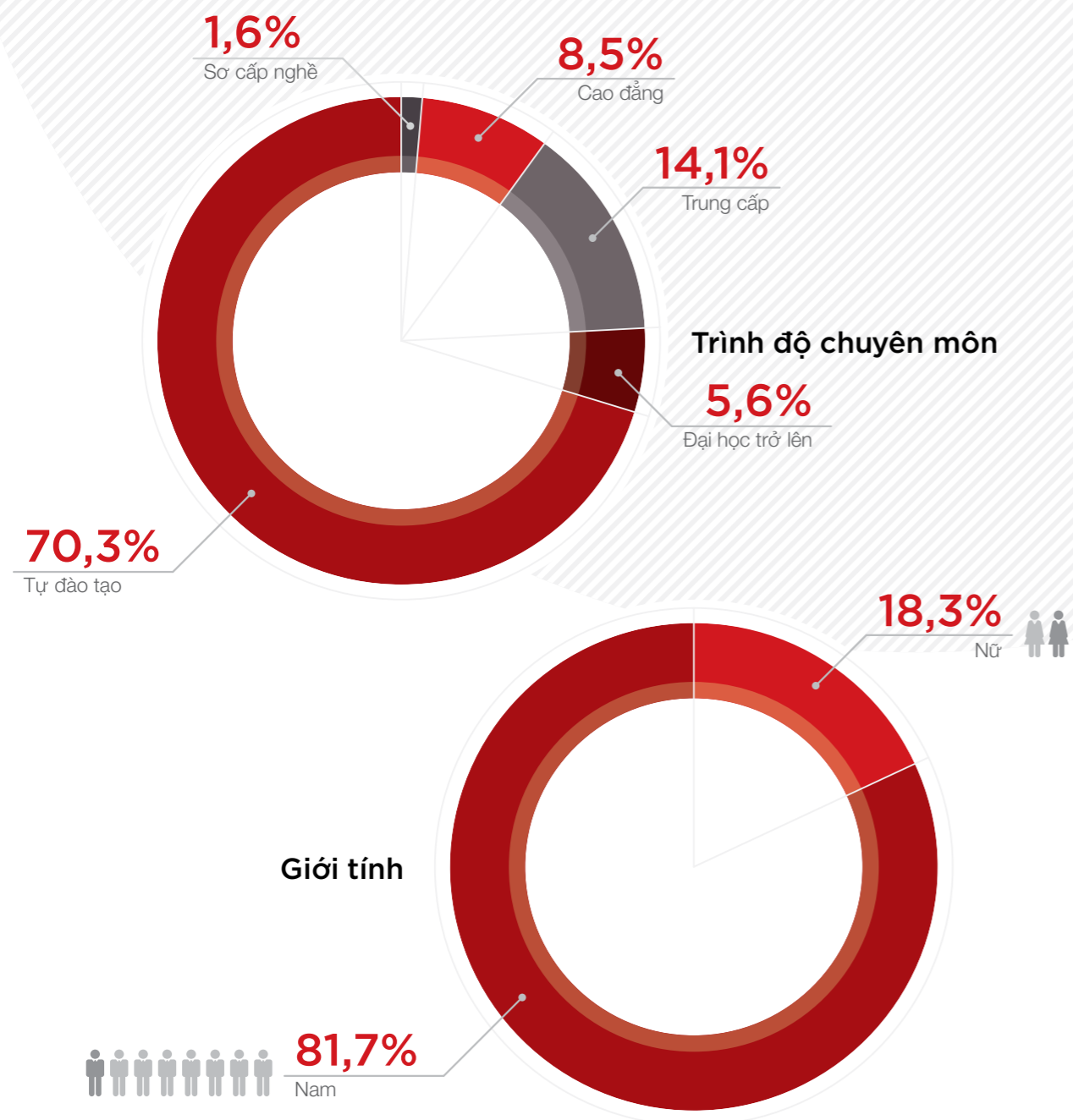
- 2007 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát, STK
- 2006 - 2014: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Incomfish, Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè...
- 2004 - 2014: Giám đốc Dịch vụ Khách hàng Tổ chức kiểm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á



[DỆT NÊN HIỆN TẠI | NỐI CHỈ CHO TƯƠNG LAI]

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LIỆU THỐNG KÊ NHÂN SỰ **896** 
 Tổng số lao động chính thức đến hết 31/12/2015:



THỐNG KÊ THU NHẬP BÌNH QUÂN

HẠNG MỤC	Thực hiện 12 tháng/2015	Kế hoạch 12 tháng/2015
Thu nhập bình quân/tháng		
Quản lý		
- Quản lý cấp cao	71.324.909	69.769.902
- Quản lý cấp trung	22.504.798	21.879.366
- Quản lý cấp cơ sở	9.393.768	8.995.627
Nhân viên văn phòng	5.831.010	5.942.510
Công nhân	6.352.922	5.992.901



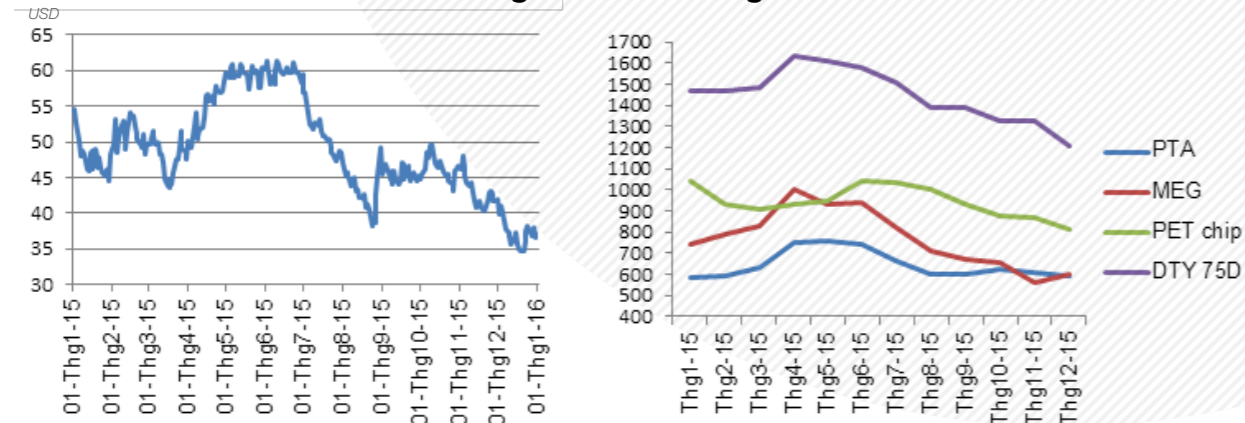
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. BỐI CẢNH KINH DOANH

Tình hình kinh tế toàn cầu đã trải qua một năm 2015 đầy bất ổn, với những diễn biến trái chiều xảy ra tại các khu vực trọng điểm. Diễn hình là sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ dẫn đến Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) nâng lãi suất cơ bản 0,25 điểm lần đầu tiên kể từ năm 2006.

Bên cạnh đó, do lo ngại về dự báo tăng trưởng toàn cầu chậm lại trước một nền kinh tế Châu Âu già cỗi đang bên bờ suy thoái và sự bất ổn kinh tế, môi trường xảy ra ở Trung Quốc, nhu cầu về hàng hóa suy giảm và giá dầu thô cũng như giá nhiều mặt hàng khác liên tục xuống dốc.

Diễn biến giá dầu thô trong năm 2015



Nguồn: Bloomberg, VCOSA

Sự suy thoái của nền kinh tế Trung Quốc và sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Trung Quốc đã dẫn đến hàng loạt nhà đầu tư rút vốn đầu tư khỏi đất nước này và sự phá giá đồng Nhân dân tệ. Cú sốc về tỷ giá này đã buộc nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam phải phá giá đồng tiền của mình nhằm duy trì sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Bảng so sánh biến động các đồng tiền trong khu vực châu Á: CNY (Trung Quốc), Rupee (Ấn độ), VNĐ (Việt Nam), và Rupiah (Indonesia) trong năm 2015



Nguồn: Yahoo Finance

Ghi chú:

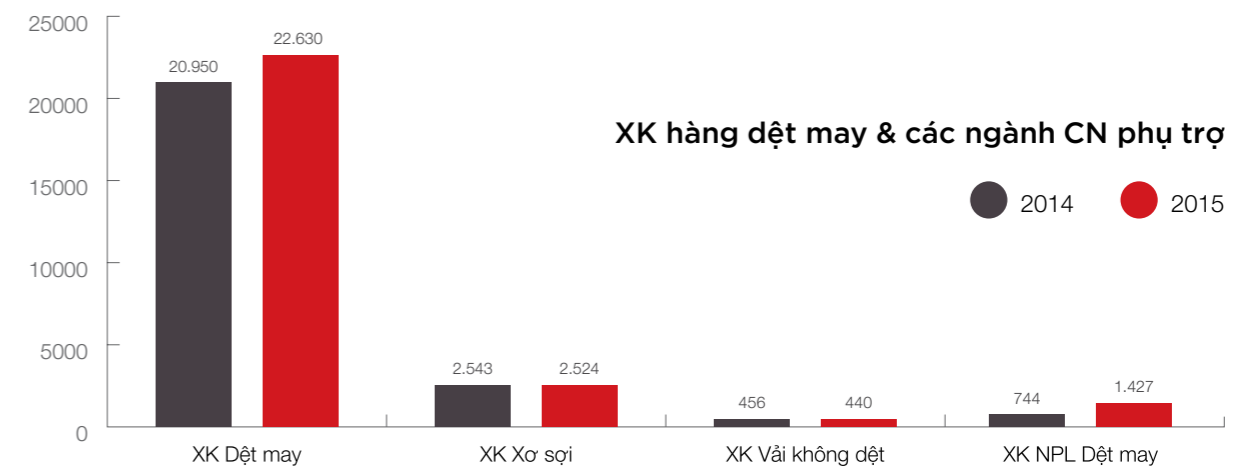
- CNYex là biến động tỷ giá của đồng Nhân dân tệ so với USD theo ngày (tính theo tỷ lệ %)
- INdex là biến động tỷ giá của đồng Rupee Ấn độ so với USD theo ngày (tính theo tỷ lệ %)
- VNDex là biến động tỷ giá của VNĐ so với USD theo ngày (tính theo tỷ lệ %)
- IDRex là biến động tỷ giá của đồng Rupiah Indonesia so với USD theo ngày (tính theo tỷ lệ %)

Đối với ngành dệt may nói riêng, trong năm 2015, chính phủ Trung Quốc ban hành các chính sách bảo vệ nguồn nước và hạn chế ô nhiễm môi trường đã đẩy nhiều doanh nghiệp, trong đó có nhiều nhà máy dệt nhuộm đã phải đóng cửa hoặc phải chuyển đơn hàng khỏi Trung Quốc để đưa sang gia công tại các nước khác, nơi có chi phí rẻ hơn, trong đó có Việt Nam. Động thái này đã dẫn đến sự sụt giảm nhu cầu về sợi và thúc đẩy hành vi bán phá giá tàn khốc của các công ty sợi Trung Quốc trong ngắn hạn.

Tuy nhiên trong dài hạn làn sóng dịch chuyển các cơ sở sản xuất dệt may ra khỏi Trung Quốc và chọn Việt Nam là một điểm đến đầu tư nhằm đón đầu hiệp định TPP và giải quyết các bài toán về chi phí, nhân công, môi trường sẽ có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển của ngành dệt may Việt Nam.

Mặc dù kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, thế nhưng kinh tế Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức để đạt được những kết quả quan trọng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng năm 2015 đạt 6,68%, vượt kế hoạch đề ra và cao nhất trong vòng 5 năm trở lại. Bên cạnh đó chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,63% so với năm 2014, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2001, giúp ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế bền vững.

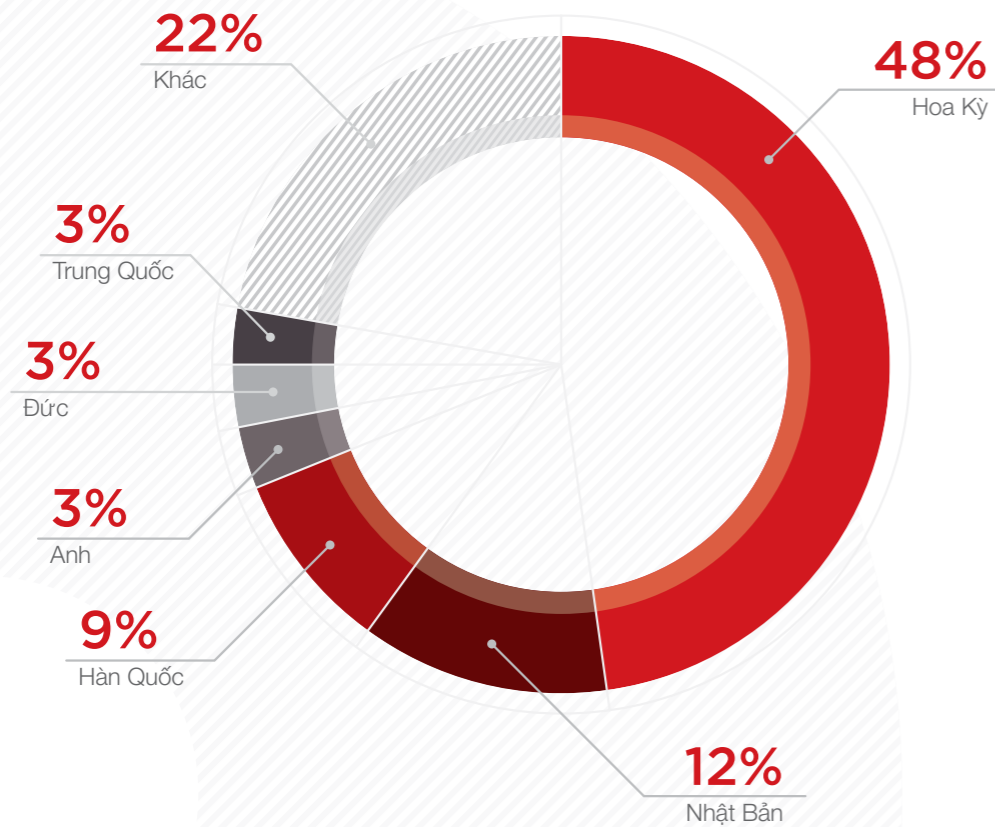
Bối cảnh của ngành dệt may, xơ sợi Việt Nam trong năm 2015 thể hiện những gam màu sáng tối đan xen nhau. Bên cạnh những thách thức từ sức cầu yếu, giá bán sụt giảm, làn sóng bán phá giá của các công ty sợi Trung Quốc trên thị trường quốc tế và Việt Nam, các công ty sợi của Việt Nam còn bị ảnh hưởng bởi quyết định điều tra bán phá giá đối với các mặt hàng sợi dún DTY của Việt Nam. Vì vậy, giá trị xuất khẩu xơ sợi của Việt Nam đã giảm 0,75% so với 2014. Trong khi đó, ngành may mặc Việt Nam đã có những tín hiệu đáng khích lệ. Theo VITAS, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam ra thị trường nước ngoài đạt trên 22,63 tỷ USD, tăng trưởng 8,02% so với năm 2014.



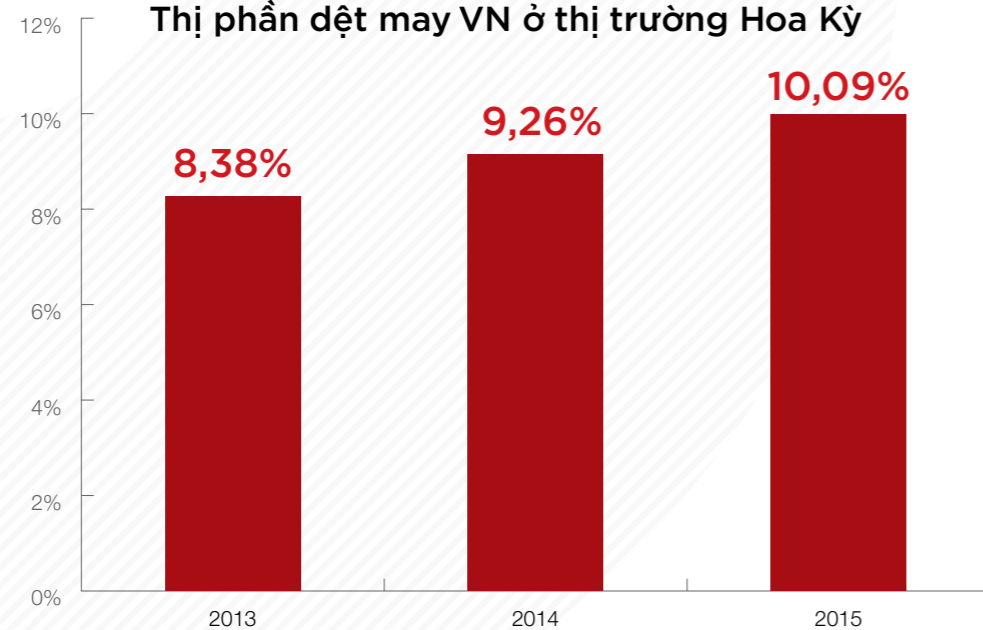
Nguồn: VITAS

Ở các thị trường xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam bao gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Đức, Trung Quốc xuất khẩu dệt may của Việt Nam vẫn giữ được mức tăng trưởng khá dù các nền kinh tế như Nhật Bản, châu Âu đang đối phó với tốc độ tăng trưởng chậm chạp và kinh tế Trung Quốc gặp bất ổn (Nhật Bản và khối các nước EU có tốc độ tăng trưởng chỉ 0,3% trong quý 3/2015, trong khi Trung Quốc phá giá mạnh đồng Nhân dân tệ). Việc hàng dệt may Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu xuất khẩu cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng bình quân của các thị trường chủ chốt khẳng định xu thế dịch chuyển đơn hàng từ các quốc gia khác sang Việt Nam.

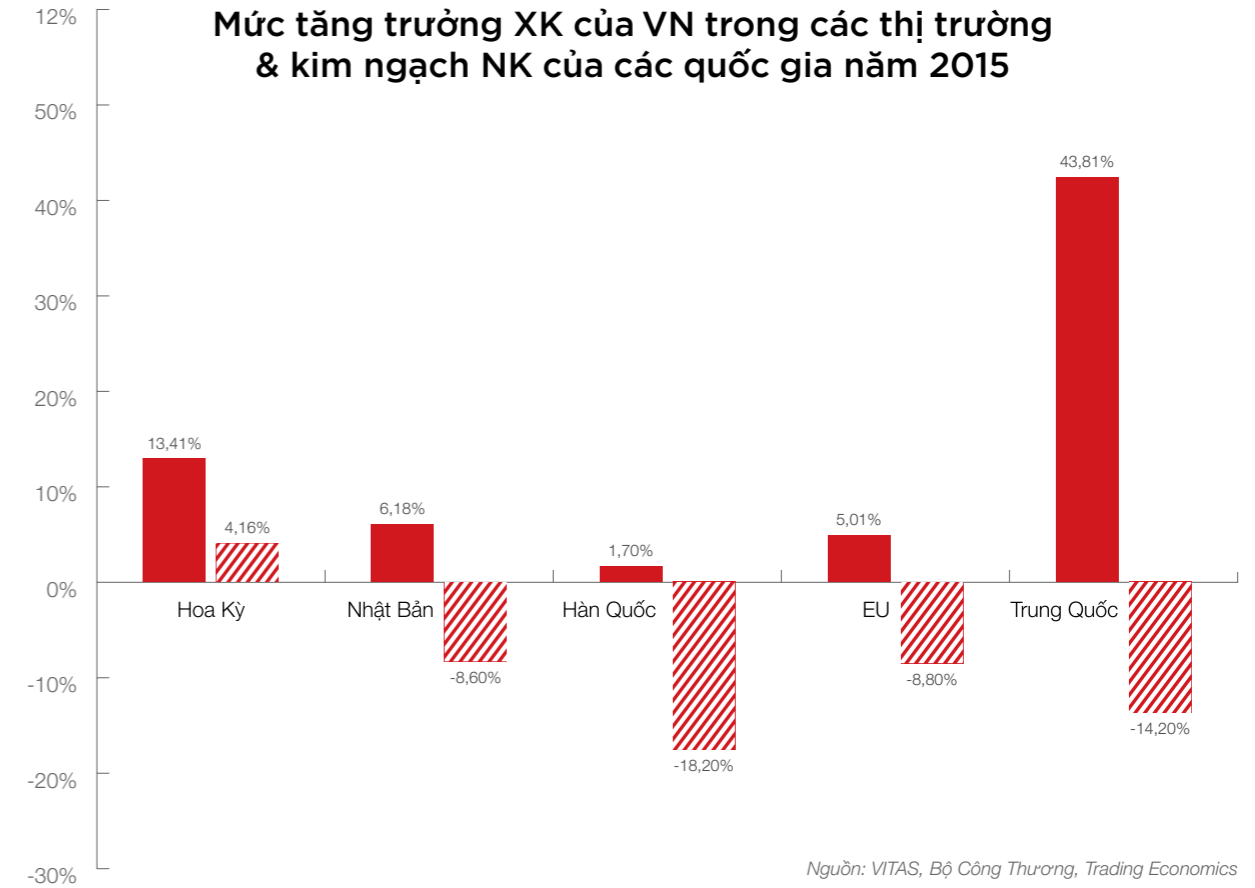
Các thị trường tiêu thụ hàng dệt may



Thị phần dệt may VN ở thị trường Hoa Kỳ



Mức tăng trưởng XK của VN trong các thị trường & kim ngạch NK của các quốc gia năm 2015



Năm 2015 cũng là năm dấu ấn của các hiệp định thương mại tự do qua việc Việt Nam đã ký kết và kết thúc hàng loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA) cả song phương và đa phương quan trọng, chưa kể các FTA đã có hiệu lực và đang trên lộ trình cắt giảm thuế quan. Đây là cơ hội rất lớn đối với ngành dệt may và các ngành công nghiệp phụ trợ dệt may khi các hiệp định thương mại này sẽ thúc đẩy xuất khẩu và gỡ bỏ hàng rào thuế quan vốn rất nặng nề như hiện nay.

Các quốc gia đã và đang ký FTAs với Việt Nam	Tình trạng	Việt Nam	Trung Quốc
Nhật Bản (ROO*: Từ vải trở đi)	Sợi	0%	5%
	May mặc	0%	8,4% - 10,9%
Hàn Quốc (ROO: Từ vải trở đi)	Sợi	0%	8%
	May mặc	0%	13%
Châu Âu (ROO: Từ vải trở đi)	Sợi	0%	4%
	May mặc	0%	12%
TPP (ROO: Từ sợi trở đi)	Sợi	0%	10%
	May mặc	0%	17,5%

ROO: nguyên tắc xuất xứ

Thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp dệt may của Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông... đã nhanh chóng xây nhà máy sợi, dệt, nhuộm... ở Việt Nam để đón đầu các lợi ích từ các hiệp định thương mại, đặc biệt là TPP. Theo thông tin từ VCOSA, tính đến nay, tổng số vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào ngành dệt may Việt Nam là 3.837 tỷ USD. Năm 2015 có 07 dự án đầu tư mới chiếm 1.767 tỷ USD trong tổng số vốn đầu tư, trong đó các nhà đầu tư chủ yếu là Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc. Ngoài việc tận dụng cơ hội từ TPP, các doanh nghiệp này còn tận dụng nguồn lao động giá rẻ để sản xuất nguyên liệu tại Việt Nam sau đó xuất ngược về nước họ.

PHÂN TÍCH S.W.O.T

Điểm mạnh

- Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược được xác định rõ ràng.
- Cơ sở vật chất hiện đại với công nghệ và máy móc tiên tiến nhất trên thế giới do công ty Barmag (của Đức) cung cấp;
- Ứng dụng các công nghệ thông tin hiện đại như SAP-All-in-One và hệ thống điều khiển trung tâm POC vào quy trình sản xuất, góp phần làm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm;
- Đội ngũ lao động lành nghề và trung thành;
- Hệ thống quản trị hiện đại và văn hóa doanh nghiệp lành mạnh;
- Thương hiệu nổi tiếng trên thị trường nội địa và quốc tế;
- Có quan hệ tốt với nhà cung cấp và mạng lưới khách hàng đa dạng;
- Tình hình tài chính lành mạnh đảm bảo cho việc phát triển kinh doanh bền vững.

Điểm yếu

- Năng lực nghiên cứu phát triển còn chưa mạnh cần được đầu tư nhiều hơn với sự chuyển giao công nghệ của chuyên gia quốc tế;
- Thiếu hụt nhân sự cấp cao có kinh nghiệm hoạt động trong môi trường quốc tế;
- Hệ thống kiểm soát nội bộ mới được hình thành nên cần có thời gian đào tạo để làm việc hiệu quả hơn.

S

W

O

T

Cơ hội

- Nhu cầu sản phẩm dệt may tiếp tục tăng trên toàn cầu;
- Sợi polyester filament dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng cao nhờ ưu thế hóa lý và giá cả cạnh tranh;
- Dệt May Việt Nam sẽ tăng trưởng mạnh mẽ nhờ những ưu thế về chi phí sản xuất và ưu đãi của các hiệp định tự do thương mại;
- Ngành dệt nhuộm sẽ có tăng trưởng vượt bậc để bù đắp nguồn cung thiếu hụt trầm trọng hiện nay;
- Nhu cầu về sợi ở thị trường nội địa sẽ tăng lên nhờ sự phát triển của ngành dệt nhuộm.

Thách thức

- Thiếu hụt nguồn lao động có trình độ chuyên môn và kỹ luật lao động;
- Nguy cơ thiếu hụt điện trong tương lai;
- Cơ sở hạ tầng yếu kém làm tăng chi phí vận chuyển và chi phí hoạt động của doanh nghiệp;
- Môi trường pháp lý không ổn định có thể gây ra những rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp (tăng thuế, mất ưu đãi thuế, hoặc tăng chi phí hoạt động);
- Nguy cơ lạm phát quay trở lại sẽ làm tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp.

2. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Phát triển và nghiên cứu sản phẩm mới (R&D): sợi tái chế, sợi chống cháy, sợi chống tia UV, sợi rỗng nhằm đem lại giá trị gia tăng cao cho Công ty.

Nâng cao sức cạnh tranh trong nội tại doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty, hướng đến những sản phẩm thân thiện với môi trường, hài hòa sự phát triển với cộng đồng và xã hội.

Triển khai các chiến lược liên kết hợp tác để tạo nền tảng phát triển bền vững và vượt bậc. Thứ nhất, liên kết, liên minh với khách hàng/đối tác để phát triển ngành dệt nhuộm, tạo nên ưu thế nhờ tích hợp trực dọc trong chuỗi cung ứng. Thứ hai, liên kết chiến lược với doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong cùng ngành nghề để phát triển sản phẩm sợi đặc biệt, đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và cả thị trường quốc tế và khai thác các lợi ích từ các FTA.

[CHUNG TAY, ĐỒNG LÒNG
DỆT NÊN THẮNG LỢI]



QUẢN TRỊ RỦI RO

1. RỦI RO KINH TẾ

- **Rủi ro khủng hoảng kinh tế:** Khủng hoảng kinh tế toàn cầu có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may và do đó có thể ảnh hưởng tới khả năng bán hàng của doanh nghiệp. Để hạn chế rủi ro này, STK đã nỗ lực đa dạng hóa khách hàng và xây dựng danh mục khách hàng thân thiết, xây dựng thương hiệu uy tín về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, kiểm soát chi phí chặt chẽ nhằm đảm bảo khả năng bán hàng khi có khủng hoảng kinh tế.
- **Rủi ro cạnh tranh:** Xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư để đón cơ hội từ TPP sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi. Với mô hình kinh doanh chú trọng vào cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiện đại, STK tin tưởng sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.

2. RỦI RO TÀI CHÍNH (RỦI RO THỊ TRƯỜNG, RỦI RO TÍN DỤNG, RỦI RO THANH KHOẢN)

- **Rủi ro tỷ giá:** Nguyên vật liệu hạt nhựa polyester chiếm khoảng 75%-80% trong giá vốn hàng bán của STK và hiện nay STK phải nhập khẩu mặt hàng này bằng USD. Ngoài ra, tất cả các khoản vay dài hạn của STK đều bằng USD. Tuy nhiên nguy cơ STK gặp rủi ro tỷ giá (nếu VND bị phá giá so với USD) khá thấp, vì STK có thể duy trì tỷ trọng hàng xuất khẩu ở mức 70%-80% tổng doanh thu, nên công ty có thể chủ động nguồn USD để phục vụ cho việc nhập nguyên liệu và trả nợ. Rủi ro tỷ giá chỉ tác động đến việc Công ty phải trích lập dự phòng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện có liên quan đến việc đánh giá lại các khoản vay gốc ngoại tệ vào cuối kỳ kế toán. Các khoản trích lập dự phòng này chỉ ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo của Công ty trong kỳ nhưng không ảnh hưởng tới dòng tiền mặt của Công ty.
- **Rủi ro giá cả:** Sự biến động giá cả trên thị trường thế giới có thể ảnh hưởng tới giá mua nguyên vật liệu và giá bán thành phẩm của công ty. Tuy nhiên, nhờ vào chính sách đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nên STK có thể duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.
- **Rủi ro lãi suất:** Sự biến động của lãi suất (USD và VND) có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính của công ty vì lãi suất áp dụng đối với các khoản vay USD hay VND của công ty đều áp dụng lãi suất biến đổi. Tuy nhiên, do công ty luôn duy trì chính sách vay nợ thận trọng với dòng tiền mặt dồi dào nên STK có thể trả bớt các khoản nợ khi lãi suất tăng.
- **Rủi ro tín dụng:** Việc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng có thể gây tổn thất tài chính đối với STK. Tuy nhiên, nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng, Công ty yêu cầu hầu hết các khách hàng phải trả tiền mặt khi giao hàng và chỉ cấp tín dụng thương mại cho một số ít khách hàng truyền thống.

3. RỦI RO SẢN XUẤT (RỦI RO HOẠT ĐỘNG)

- **Rủi ro tài sản:** Thiên tai (động đất, bão, lụt) hay cháy nổ hoặc hành động phá hoại có thể làm tổn thất tài sản. STK đã mua bảo hiểm toàn bộ cho các rủi ro này cũng như mua bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh.
- **Rủi ro vận hành:** Việc nhân viên không tuân thủ các quy trình sản xuất có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Để giảm thiểu rủi ro này, STK rất chú trọng đến công tác đào tạo kỹ năng tay nghề tại hiện trường, thường xuyên cập nhật các quy trình hoạt động chuẩn ("SOP") và bộ phận quản lý chất lượng ("QC") tiến hành kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ SOP của bộ phận sản xuất.

4. RỦI RO PHÁP LUẬT

- Sự thay đổi của các chính sách pháp luật về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp. STK đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất đối với những thay đổi này.
- **Rủi ro bị kiện bán phá giá tại các thị trường xuất khẩu:** trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ. Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian. Do đó, để hạn chế rủi ro này, STK áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá. Ngoài ra, công ty cũng thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp trong cùng ngành và Hiệp hội Sợi Việt Nam để cập nhật thông tin thị trường cũng như bảo vệ quyền lợi chính đáng của STK và các đồng nghiệp Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2014	Năm 2015			
		Kế hoạch	Thực hiện	KQ thực hiện/ kế hoạch	Thực hiện 2015/2014
1. Sản lượng sợi DTY, FDY tiêu thụ (tấn)	33.053	40.939	26.885	66%	81,4%
2. Doanh thu thuần về bán hàng (tỷ VNĐ)	1.458	1.695	1.035	61%	71%
3. Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	106,1	116	71,3	61%	67%

Trong quý 4/2015, nhu cầu chung của toàn thị trường rất yếu do khách hàng cuối cùng tiếp tục hoãn xuống đơn hàng vì e ngại giá nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục giảm.

Mặt khác, việc chính phủ Trung Quốc siết qui định về bảo vệ môi trường và ban hành Kế hoạch Bảo vệ Nguồn Nước trong năm 2015 đã buộc nhiều công ty dệt nhuộm của Trung Quốc phải đóng cửa trong năm 2015 và làm thâm hụt hơn nửa nhu cầu về sợi trên thị trường. Để giải phóng hàng tồn kho, các công ty sợi Trung Quốc đã bán phá giá gay gắt trên thị trường quốc tế và Việt Nam.

Thêm vào đó, các công ty sợi của Việt Nam nói chung và STK nói riêng còn gặp phải thêm khó khăn khi các khách hàng từ Thổ Nhĩ Kỳ giảm đơn hàng do lo ngại bị áp thuế chống bán phá giá tạm thời từ sản phẩm sợi Việt Nam

Công ty phải trích lập thêm dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2015 khoảng 36,5 tỷ VNĐ so với ngân sách đầu năm khi VNĐ bị phá giá so với USD khoảng 5,3% (cao hơn kế hoạch đầu năm là 3%). Tuy nhiên nhờ có sự bù đắp từ các khoản chênh lệch lãi tỷ giá thực hiện (13,1 tỷ VNĐ) và lãi tiền gửi (681 triệu VNĐ) nên chi phí tài chính trong cả năm 2015 chỉ tăng thêm 22,7 tỷ VNĐ.

2. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Chính thức đưa nhà máy Trảng Bàng - giai đoạn 3 đi vào hoạt động vào ngày 18-09-2015

Tính đến ngày 31/12/2015, dự án Trảng Bàng - Giai đoạn 3 đã chính thức hoàn thành và được đưa vào sử dụng 100% tổng công suất. Tổng giá trị dự án được đầu tư là **751 tỷ VNĐ** tương đương **34,2 triệu USD**, trong đó 24 triệu USD (tỷ giá VNĐ/USD 21.907) là từ nguồn vốn vay dài hạn ngân hàng, phần còn lại là vốn tự có của Thế Kỷ. Như vậy so với ngân sách dự án đã xây dựng (33,9 triệu USD) tổng giá trị dự án vượt ngân sách 0,3 triệu USD⁽¹⁾, tương đương 1,14%.

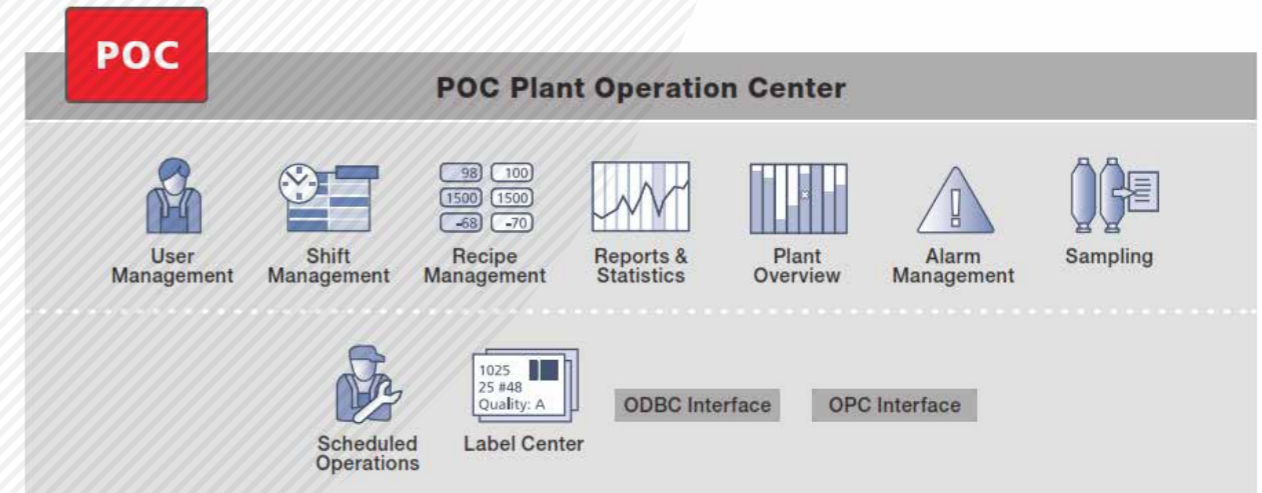
Dự án này giúp cho Công ty nâng tổng công suất lên **52.000 tấn/năm**

Trong đó:

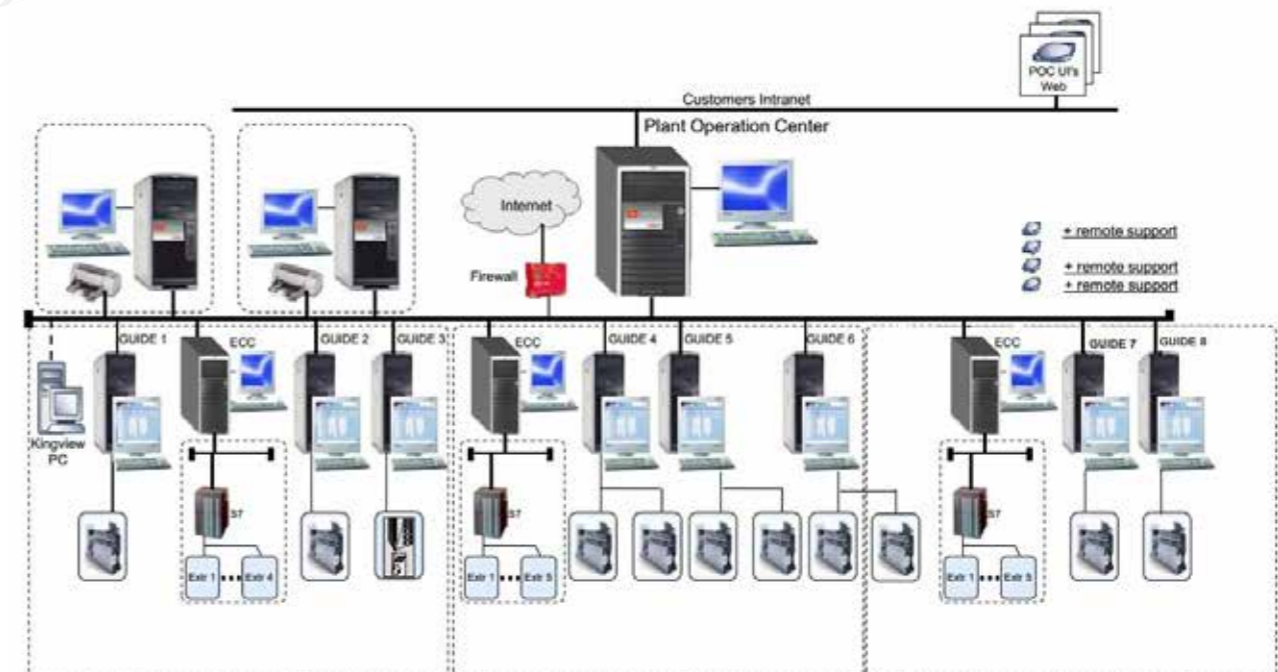


Dự án mới tại nhà máy Trảng Bàng 3 có áp dụng hệ thống điều khiển trung tâm POC của nhà cung cấp Oerlikon Barmag. Đây là hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến trên thế giới, kết nối được toàn bộ các dây chuyền sản xuất với hệ thống điều hành trung tâm và hệ thống kế toán SAP All in one.

POC có các ứng dụng (module) như quản lý điều kiện sản xuất (recipe management), kiểm soát hiệu quả sản xuất (job management or reports and statistics), kiểm soát chất lượng (quality management). Hệ thống POC sẽ giúp STK tăng cường hiệu quả sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm, hơn nữa nhằm đem lại sự hài lòng tốt nhất cho khách hàng đồng thời giúp gia tăng năng suất sản xuất cho Công ty. Hệ thống POC sẽ được triển khai cho toàn Công ty ở tất cả các nhà máy trong năm sau.



Một điểm nổi bật khác của dàn máy kéo sợi DTY lần này là hệ thống xuống sợi tự động sẽ góp phần nâng cao tỷ lệ sợi đều cỡ và chất lượng sản phẩm. Dây chuyền sản xuất hiện đại được lắp đặt tại Trảng Bàng 3 sẽ cho phép Công ty sản xuất các sản phẩm chất lượng rất cao và các sản phẩm mới như côn sẵn cho nhuộm chỉ (soft package for dyed yarn), và với tốc độ sản xuất nhanh cùng chi phí tiết giảm.

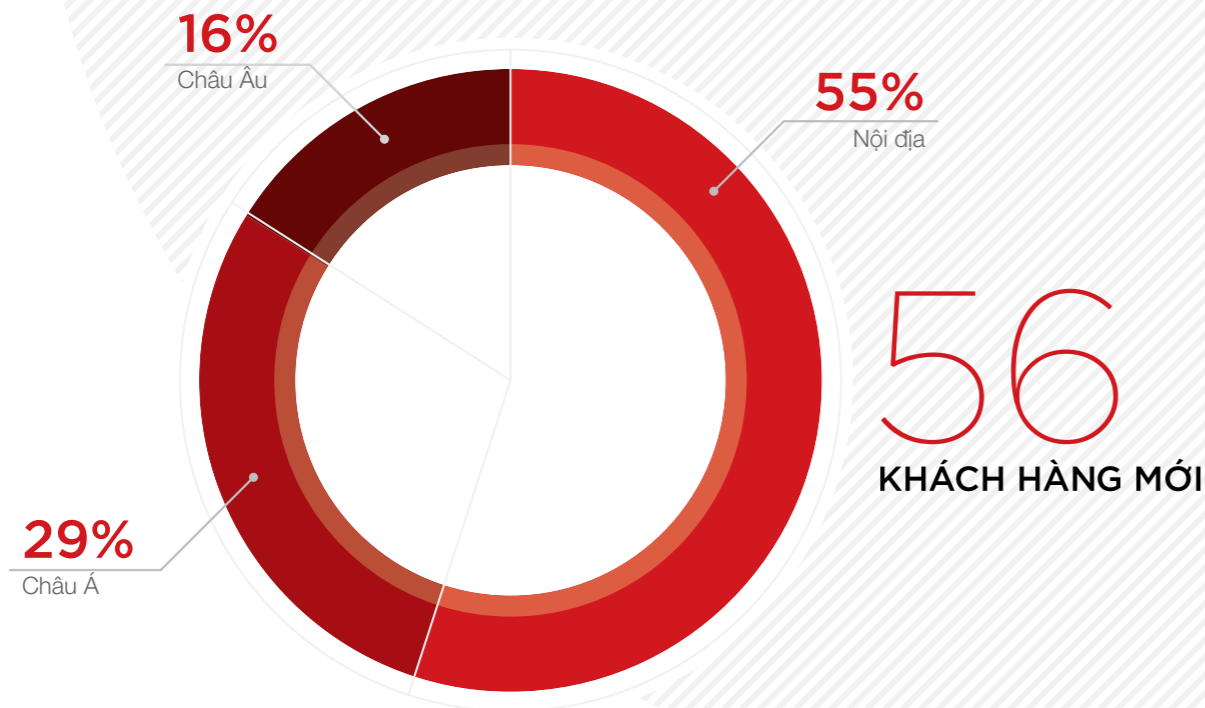


¹ Dự án Trảng Bàng - giai đoạn 3 vượt ngân sách tổng là 300 nghìn USD do Công ty đầu tư thêm một máy nén khí

CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT TRONG NĂM 2015

BÁN HÀNG

• **Khách hàng:** trong năm 2015, bộ phận bán hàng đã phát triển được thêm **56** khách hàng mới mua hàng và sử dụng mẫu thử vải của Công ty, tỷ trọng đóng góp doanh thu của các khách hàng mới này là **7%**.



- **Thị trường:** nhu cầu thị trường 06 tháng cuối năm 2015 chỉ đạt 60-70% so với cùng kỳ năm ngoái là do biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào (ảnh hưởng diễn biến giá dầu) dẫn đến quyết định đặt hàng may mặc của các hãng hiệu cho giao hàng năm sau cũng chậm hơn và hoãn thời điểm đặt hàng.
- **Chăm sóc khách hàng:** kết hợp với bộ phận Quản lý chất lượng (QA) thường xuyên đến thăm, thu thập ý kiến của khách hàng về mức độ hài lòng đối với những sản phẩm Sợi của Công ty Thế Kỷ đang cung cấp.
- **Thu thập cơ sở dữ liệu khách hàng:** bám sát các khách hàng hiện hữu, theo sát các kế hoạch, tiến độ đầu tư mở rộng để tăng năng suất ở phía khách hàng và các kế hoạch phát triển sản phẩm mới của khách hàng.

SẢN XUẤT

- **Máy móc:** nâng cấp các thiết bị cũ nhằm mục đích tiết kiệm năng lượng, nâng cao chất lượng hướng tới mục tiêu chuẩn hóa đối với tất cả các quy trình sản xuất và giảm thiểu tối đa khiếu nại khách hàng. Đồng nhất về thời gian bảo dưỡng định kỳ, tuổi thọ các vật tư linh kiện để đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và gia tăng tính đồng nhất của sản phẩm.
- **Nhân lực:** Triển khai đào tạo lớp sản xuất tinh gọn cho khối quản lý trực tiếp tham gia quá trình sản xuất nhằm mục đích giảm thiểu lãng phí, tăng năng suất lao động tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.
- **Phát triển sản phẩm mới:** tháng 10/2015 đã sản xuất thử loại sợi tái chế và kết quả hoàn toàn đáp ứng được về mặt MMTB và công nghệ. Công ty cũng mời các chuyên gia nước ngoài hỗ trợ để phát triển khâu dệt, nhuộm, đáp ứng được các yêu cầu cao và khắt khe của thị trường.

Cải tiến kỹ thuật & nâng cao chất lượng sản phẩm:

Nâng tiêu chí để đánh giá chất lượng sản phẩm, cụ thể là nâng cao hệ màu để đạt chất lượng AAA thay vì AA.

Kiểm soát quá trình tác nghiệp của Tác Nghiệp Viên trong nhà máy, giảm thiểu sai sót trong quá trình thao tác, can thiệp kịp thời để xử lý lỗi. Quản lý sản xuất gia tăng kiểm soát quá trình sản xuất, thay đổi cơ cấu khâu dệt, nhuộm, phân màu để đảm bảo vấn đề kiểm soát hàng đúng chuẩn.

KẾ HOẠCH SẢN TIÊU

• Do thị trường có sự biến động giảm sút về nhu cầu trong 06 tháng cuối năm 2015 và khách hàng đặt ra yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng, nhưng nhà máy chưa thay đổi theo kịp dẫn đến chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng hoàn toàn được yêu cầu khách hàng, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nên một số máy phải ngưng để cải tiến thiết bị dẫn đến không khai thác và tối ưu hóa hết công suất của máy móc thiết bị.

THU MUA

- Đã tìm kiếm các nhà cung ứng mới trong nước có các sản phẩm thay thế đáp ứng được chất lượng yêu cầu của Công ty nhưng giá thấp hơn sản phẩm gốc, qua đó giúp Công ty tiết giảm được 500 triệu VNĐ.
- Việc sử dụng sản phẩm thay thế của các nhà cung ứng trong nước giúp cho Công ty ngoài việc tiết giảm được chi phí, mà còn tiết kiệm được thời gian đặt hàng, từ đó tiết kiệm được chi phí quản lý hàng hóa, mặt bằng để lưu trữ hàng.

IT

- Phát triển giao diện website mới hiện đại, thân thiện với người xem cho cả 02 ngôn ngữ Anh và Việt.
- Quy trình đánh giá ISO 27001 về an toàn thông tin đã đi vào giai đoạn chuẩn bị tài liệu và đánh giá nội bộ.
- Tích hợp hệ thống điều khiển trung tâm POC đã được thực hiện và hoàn thành giai đoạn cấu hình và lắp đặt cho nhà máy Trảng Bàng 1,2,3.

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- **Chi phí bán hàng, chi phí QLDN:** Chia nhỏ hạng mục phí để mỗi phòng phòng ban tự theo dõi sử dụng, bộ phận Tài chính bám sát từng mục tiêu nhằm hạn chế lãng phí trong việc sử dụng chi phí và mang lại hiệu quả cho Cty.
- **Chi phí lãi vay:** Linh hoạt trong việc thanh toán nợ dài hạn, đảm bảo an toàn vốn và nguồn vốn cho HD SXKD, lãi suất cho vay giảm; đảm bảo lãi suất đi vay thấp hơn so với các Công ty cùng ngành hoặc các Công ty có quy mô tương tự.

NHÂN SỰ

Đào tạo 2015:

Thực hiện đào tạo tập trung để nâng cao năng suất làm việc và hướng dẫn những kỹ năng cơ bản cho nhân viên trước khi chuyển cho đơn vị sản xuất.

Phát triển văn hóa chia sẻ, nhà máy đã phối hợp cùng với đào tạo tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề định kỳ và trưởng ca đứng lớp đào tạo trực tiếp để có thể truyền tải sống động hơn công việc thực tế tại nhà máy.

Dựa vào quy chế bậc tay nghề thì những Tác Nghiệp Viên - Kỹ Thuật Viên nào đạt bậc tay nghề sẽ được phân công công việc theo tiêu chuẩn từng bậc giúp tăng năng suất lao động, qua đó giảm lỗi quy trình nâng cao hiệu xuất máy tăng thu nhập cho công nhân.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi 2015:

Điều chỉnh tăng lương ký hợp đồng bình quân là 15% so với 2014 đối với Củ Chi và 31% đối với Trảng Bàng (Trảng Bàng được điều chuyển từ vùng 3 lên thành vùng 2 từ năm 2015).

Điều chỉnh tăng thu nhập bình quân là 10% so với 2014 nhằm duy trì vị thế cạnh tranh dẫn đầu trên thị trường lao động của STK so với các công ty trong cùng ngành và khu vực.

Nâng số ngày nghỉ phép năm từ 12 ngày/năm lên 14 ngày/năm đối với các đơn vị như đóng gói, kiểm phẩm, winder, QC, Cung ứng nhằm tạo điều kiện nghỉ ngơi và tái tạo sức lao động cho công nhân.

[CÙNG CHUNG TAY | DỆT NÊN BẢN SẮC]



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

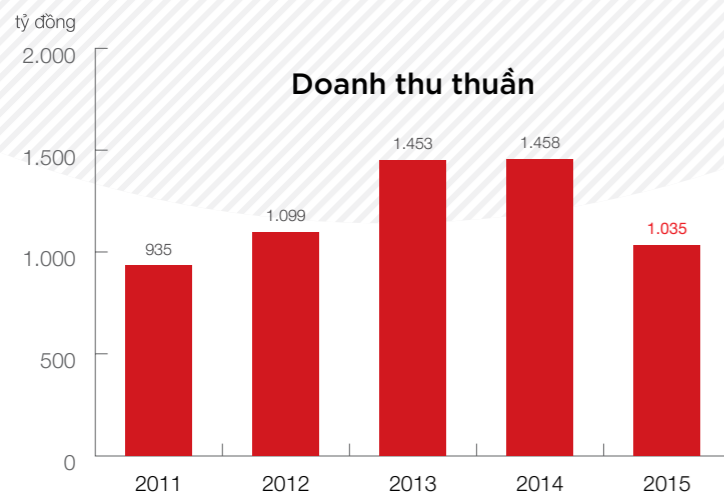
	2011	2012	2013	2014	2015
Năng lực sản xuất (tấn/năm)	26.000	37.000	37.000	37.000	40.200
Số ngày máy hoạt động thực tế	299,30	288,35	328,50	345,74	313,04
Năng suất khai thác (%)	82%	79%	90%	94%	85,77%
Sản lượng sản xuất thực tế (tấn)	17.833	23.080	30.375	32.442	34.783
Sản lượng bán ra (tấn)	16.900	22.930	31.525	33.053	26.885

• Từ giữa cuối năm 2015, nhu cầu thị trường sợi toàn cầu sụt giảm mạnh dẫn đến sản lượng bán ra chỉ đạt **26.885 tấn**, trong khi đó sản lượng sản xuất của công ty tăng lên do đã đưa vào vận hành chính thức nhà máy Trảng Bàng - giai đoạn 3. Điều này đã dẫn đến lượng hàng tồn kho của Công ty tăng mạnh khoảng **7.658 tấn** (tương đương với 02 tháng tồn kho bình quân).

• Công ty cũng đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là **2 tỷ VNĐ** cho khoản mục này (vui lòng xem thêm thuyết minh hàng tồn kho trong BCTC đã kiểm toán)

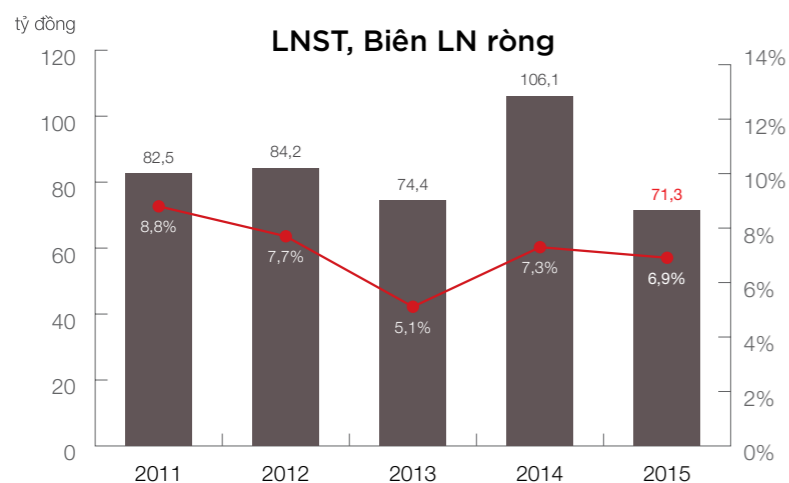
TÌNH HÌNH KINH DOANH

1. Hiệu quả kinh doanh



Năm tài chính 2015

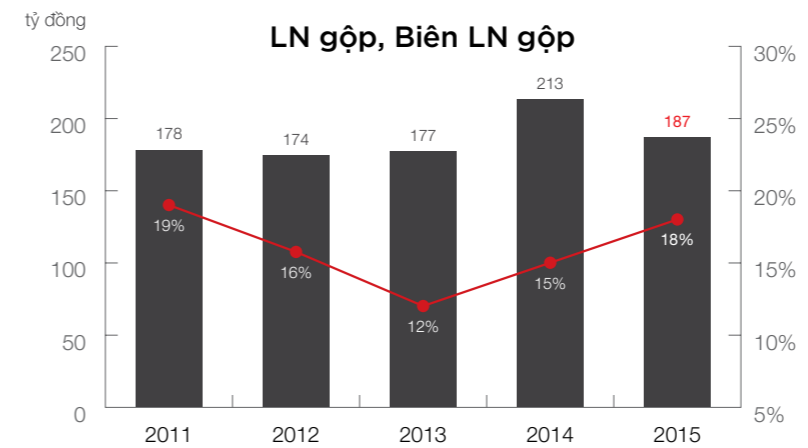
↓ Doanh thu thuần **29%** so với cùng kỳ



Năm tài chính 2015

↓ Lợi nhuận sau thuế **33%** so với cùng kỳ

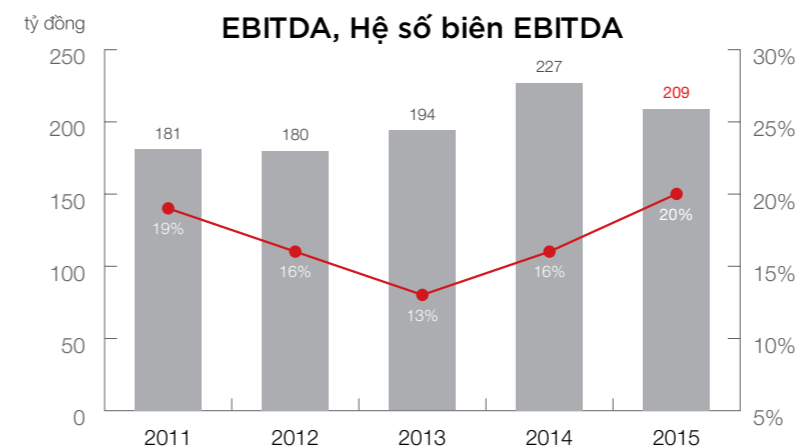
Biên LN ròng **6,9%**



Năm tài chính 2015

↓ Lợi nhuận gộp **12,2%** so với cùng kỳ

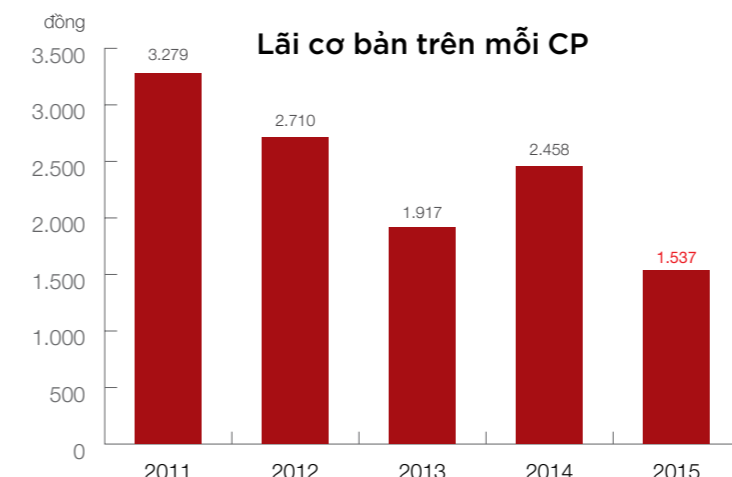
Biên LN gộp **18%**



Năm tài chính 2015

↓ EBITDA **8,3%** so với cùng kỳ

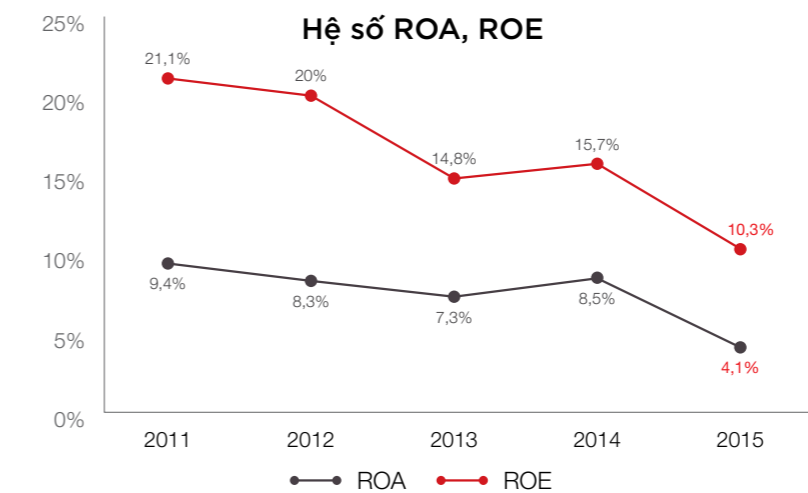
Hệ số biên EBITDA **20%**



Năm tài chính 2015

↓ Lãi cơ bản trên mỗi CP **37%** so với cùng kỳ

• Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2015 giảm tương ứng 27% đến từ sự giảm sút của KQHĐKD và 10% đến từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu



Năm tài chính 2015

Hệ số ROA **4,1%**

Hệ số ROE **10,3%**

2. Phân tích DuPont

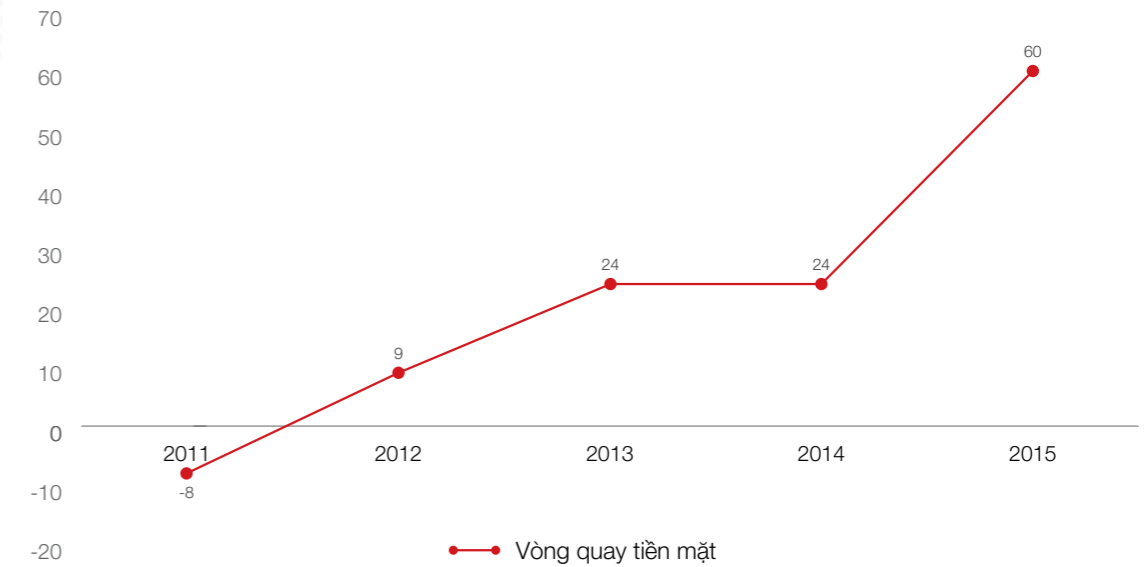
STT	Khoản mục	2011	2012	2013	2014	2015	Ghi chú
1	LNST/LNTT	77,4%	87,0%	78,1%	78,0%	82,3%	Gánh nặng thuế
2	LNTT/LNBR	83%	86%	87%	93%	69%	Tác động thu nhập từ lãi
3	LNBR/DT	13,7%	10,2%	7,5%	10%	12%	Tỷ suất lợi nhuận biên ròng
4	Tỷ suất lợi nhuận ròng [(1)x(2)x(3)]	8,8%	7,7%	5,1%	7,3%	6,9%	
5	DT/Tổng TS	1,07	1,08	1,42	1,17	0,60	Hiệu suất sử dụng tài sản
6	ROA [(4)x(5)]	9,4%	8,3%	7,3%	8,5%	4,1%	Khả năng sinh lời trên tổng TS
7	Tổng TS/Tổng VCSH	2,24	2,17	2,04	1,84	2,49	Đòn bẩy tài chính
8	ROE [(6)x(7)]	21,1%	19,9%	14,8%	15,7%	10,3%	Khả năng sinh lời trên VCSH

- Trong năm 2015, do Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi từ dự án mở rộng nhà máy Trảng Bàng cho nên gánh nặng thuế giảm xuống so với năm 2014.
- Do chi phí tài chính tăng lên nên hệ số LNTT/LNBR giảm từ 93% (2014) xuống còn 69% (2015).
- Mặc dù tỷ suất lợi nhuận biên ròng (LNBR/Doanh thu) được cải thiện từ 10% (2014) lên 12% (2015), nhưng do tác động của chi phí tài chính làm cho tỷ suất lợi nhuận ròng năm 2015 chỉ đạt 6,9%, giảm 0,4% so với năm 2014.
- Khả năng sinh lời trên tổng tài sản (ROA) năm 2015 chỉ đạt 4,1%, giảm mạnh 52% so với năm 2014 là do hiệu suất sử dụng tài sản không hiệu quả bằng cùng kỳ năm trước cũng như do tỷ suất lợi nhuận ròng suy giảm.
- Khả năng sinh lời trên VCSH đạt 10,3%, giảm 34% so với năm 2014 là do hệ số ROA giảm mạnh. Tuy nhiên, việc Công ty sử dụng hệ số đòn bẩy tài chính cao hơn góp phần làm hệ số ROE có mức giảm ít hơn hệ số ROA.

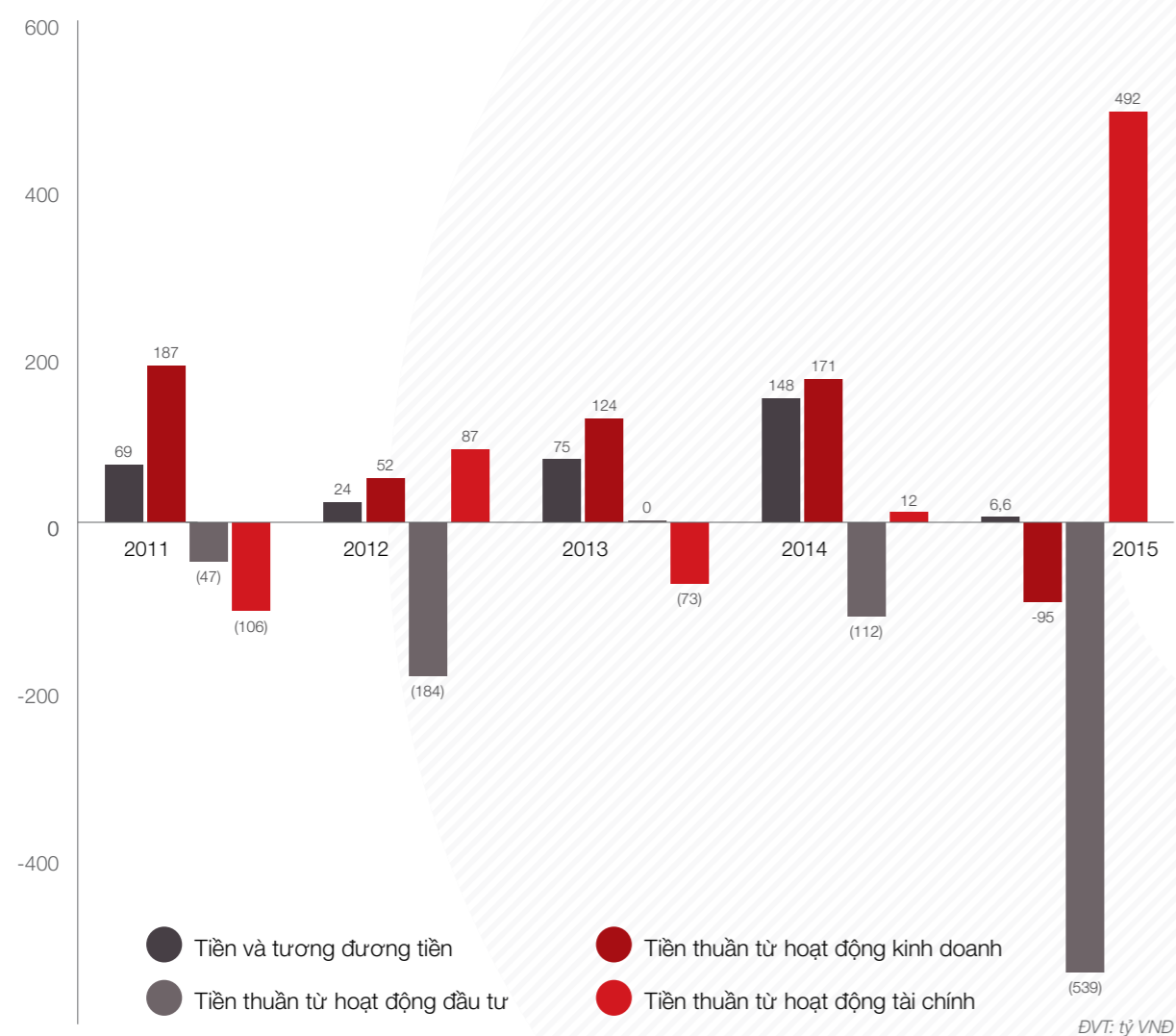
3. Hiệu suất sử dụng tài sản

	2011	2012	2013	2014	2015
Số ngày hàng tồn kho bình quân	52	67	58	57	116
Số ngày phải thu bình quân	14	20	22	18	13
Số ngày phải trả bình quân	74	78	56	51	69
Vòng quay tiền mặt	-8	9	24	24	60

- Do thị trường may mặc nửa 06 tháng cuối năm không thuận lợi, dẫn đến hàng tồn kho tăng mạnh trong năm 2015. Số ngày hàng tồn kho bình quân tăng mạnh lên 116 ngày (năm 2015) so với chỉ 57 ngày (năm 2014).
- Số ngày phải thu bình quân năm 2015 là 13 ngày, giảm 05 ngày từ mức 18 ngày năm 2014. Nguyên nhân là do Công ty đẩy mạnh việc thu hồi công nợ sớm. Thêm vào đó, số ngày phải trả bình quân tăng thêm 18 ngày là do Công ty thương lượng trả chậm cho người bán do tình hình kinh doanh không thuận lợi.
- Vòng quay tiền mặt của Công ty tăng mạnh từ 24 ngày (năm 2014) lên 60 ngày (năm 2015) thể hiện sự luân chuyển chưa hiệu quả trong việc tối ưu nhu cầu sử dụng vốn lưu động.



4. Khả năng sinh tiền



- Do doanh thu thuần giảm 29% và hàng tồn kho tăng mạnh nên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh đã giảm từ 171 tỷ VND (2014) xuống âm 95 tỷ VND (2015).
- Do chi phí tài chính tăng lên nên hệ số LNNT/LNBR giảm từ 93% (2014) xuống còn 69% (2015).
- Dòng tiền từ hoạt động đầu tư âm 539 tỷ, tăng mạnh 381% so với năm 2014 là do Công ty có đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị cho dự án nhà máy Trắng Bàng mở rộng - giai đoạn 3 và góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi Dệt Nhuộm Unitex.
- Do đó, tiền và tương đương tiền năm 2015 của Công ty chỉ còn lại 6,6 tỷ đồng giảm mạnh so với 148 tỷ đồng năm 2014.

	2011	2012	2013	2014	2015
Tỉ số thanh toán hiện hành	0,94	1,21	1,33	2,25	1,16
Tỉ số thanh toán nhanh	0,48	0,45	0,64	1,36	0,28

5. Phân tích các biến động lớn trên bảng KQHĐKD

	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu thuần	100%	100%	100%	100%	100%
Giá vốn hàng bán	81%	84%	87,6%	85,4%	82%
Lợi nhuận gộp	19%	16%	12,4%	14,6%	18%
Doanh thu hoạt động tài chính (không bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng)	0,3%	0,3%	0,4%	0,2%	1,3%
Chi phí tài chính (không bao gồm lãi vay)	3,1%	0,1%	0,5%	0,4%	5,1%
Chi phí bán hàng	2,1%	2,5%	2,3%	2,2%	2,3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,2%	3,1%	2,3%	2,4%	3,7%
Thu nhập khác	0,0%	0,0%	0,0%	0,1%	0,1%
Lợi nhuận trước thuế và lãi (EBIT)	13,7%	10,2%	7,5%	10%	12%
Chi phí lãi vay	1,9%	1,5%	1%	0,5%	0,5%
Lợi nhuận trước thuế	11,4%	8,8%	6,5%	9,3%	8,4%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,6%	1,1%	1,4%	2,0%	1,5%
Lợi nhuận sau thuế	8,8%	7,7%	5,1%	7,3%	6,9%

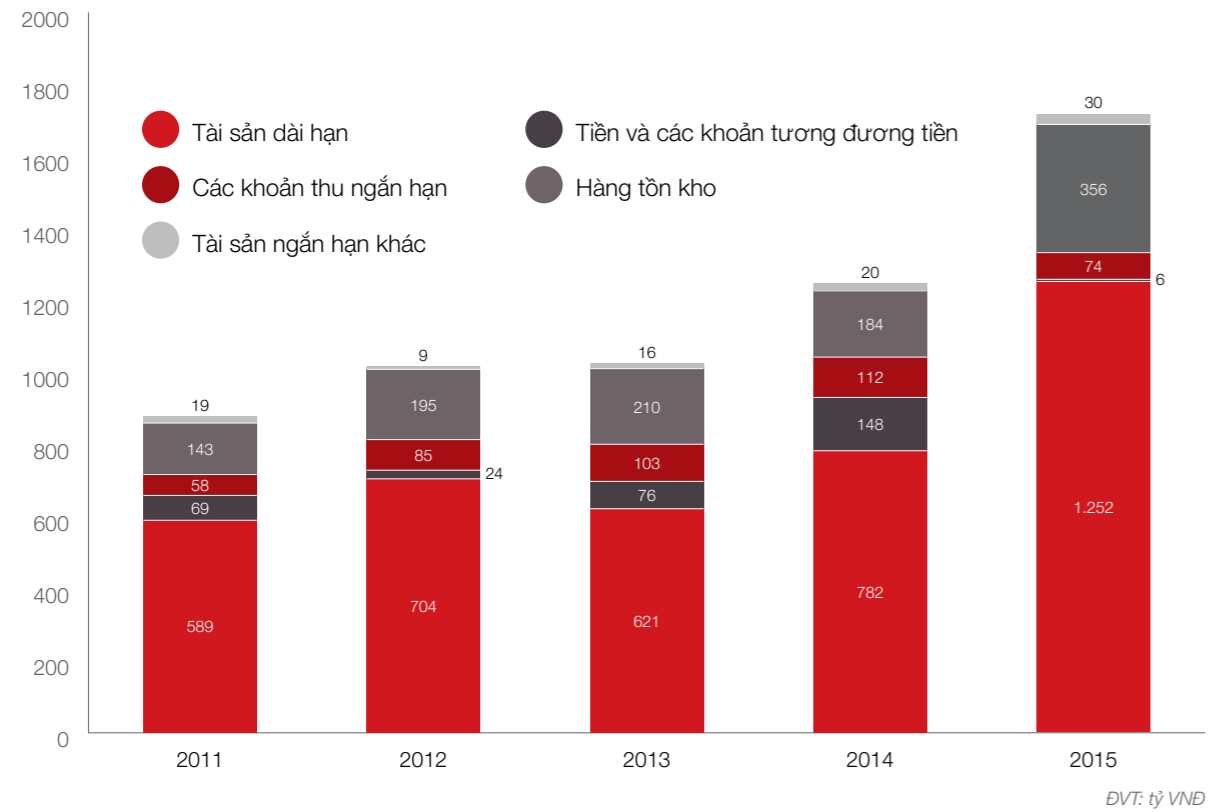
- Chi phí tài chính/Doanh thu năm 2015 chiếm tỷ trọng 5,1% tăng mạnh so với tỷ trọng năm 2014 (chỉ 0,4%) là do Công ty phải trích lập thêm dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu năm 2015 chiếm tỷ trọng 3,7%, tăng so với năm 2014 (chỉ 2,4%) là do chi phí lương tăng 10% và Công ty phải thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi Công ty trong vụ kiện chống bán phá giá ở thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong khi doanh thu bán hàng không bằng so với cùng kỳ.

6. Khả năng trả nợ

	2011	2012	2013	2014	2015
Hệ số vốn vay trên vốn chủ sở hữu	0,59	0,67	0,57	0,35	1,18
Hệ số thanh toán lãi vay	7,08	6,25	7,89	19,23	24,39

- Hệ số Vốn Vay trên Vốn Chủ Sở Hữu tăng mạnh từ 0,35 lần (2014) lên mức 1,18 lần (2015) do công ty phát sinh khoản vay dài hạn cho dự án nhà máy mở rộng Trắng Bàng - giai đoạn 3.
- Hệ số khả năng thanh toán lãi vay (Lợi nhuận trước lãi và thuế/chi phí lãi vay (EBIT/interest expense)) tăng từ 19,23 lần (2014) lên 24,39 lần (2015) do lãi suất vay giảm nhẹ và Công ty tích cực trả bớt nợ gốc trước thời hạn mặc dù KQHĐKD không bằng so với cùng kỳ.

7. Phân tích cấu trúc tài sản

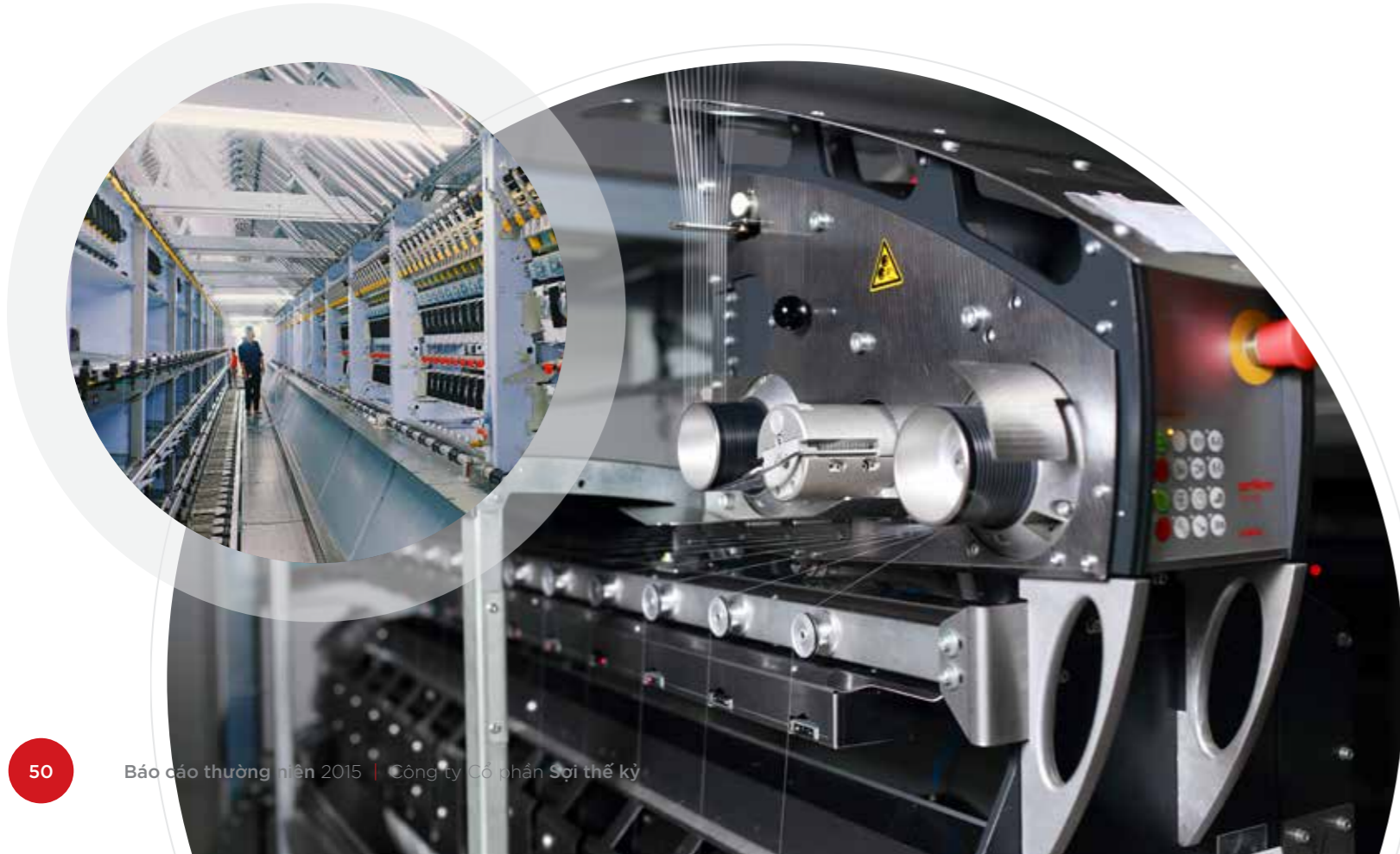
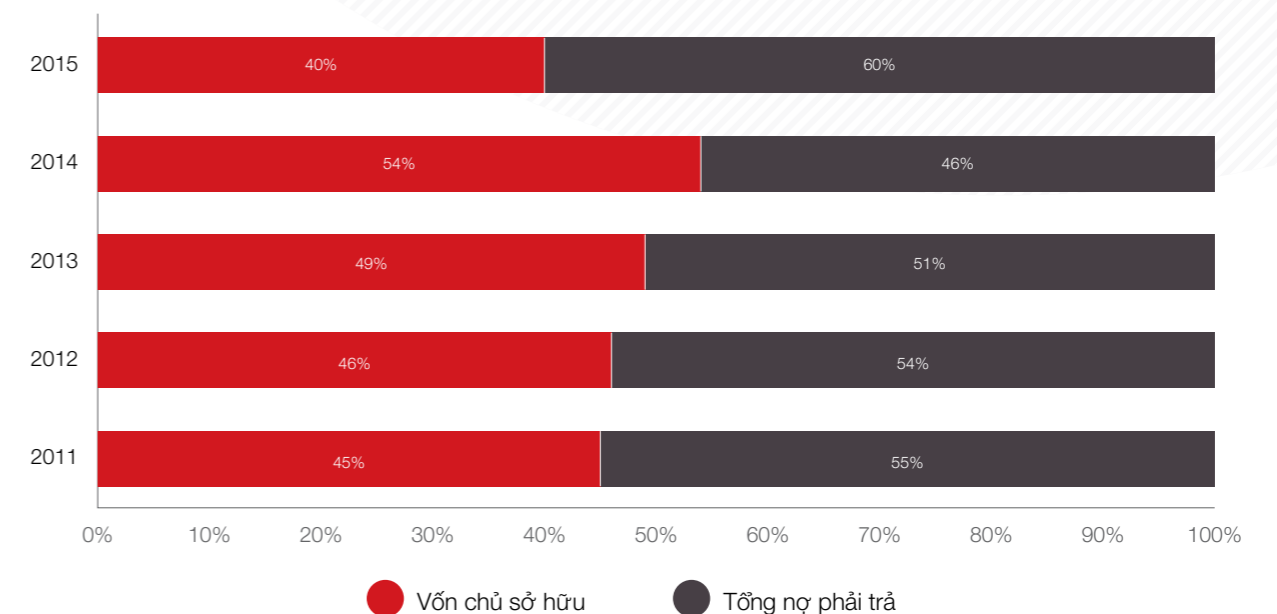


- Trong năm 2015 do phát sinh khoản đầu tư vào nhà máy mở rộng Trảng Bàng - giai đoạn 3 cho nên quy mô tổng tài sản tăng mạnh 38% lên 1.719 tỷ VNĐ so với 1.245 tỷ VNĐ (năm 2014). Tuy nhiên quy mô tài sản bằng tiền cũng như tỷ trọng tài sản bằng tiền trên tổng tài sản đã giảm mạnh từ 11,9% (2014) xuống 0,4% (2015). Thêm vào đó, do nhu cầu sơ sệt giảm mạnh cho nên tỷ trọng hàng tồn kho trên tổng tài sản cũng tăng mạnh từ 14,7% (2014) lên 20,7% (2015).
- Do chi phí xây dựng dở dang của nhà máy Trảng Bàng 3 tăng nên quy mô tài sản dài hạn đã tăng 60% lên 1.252 tỷ VNĐ và dẫn đến tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng từ 63% (2014) lên 73% (2015).

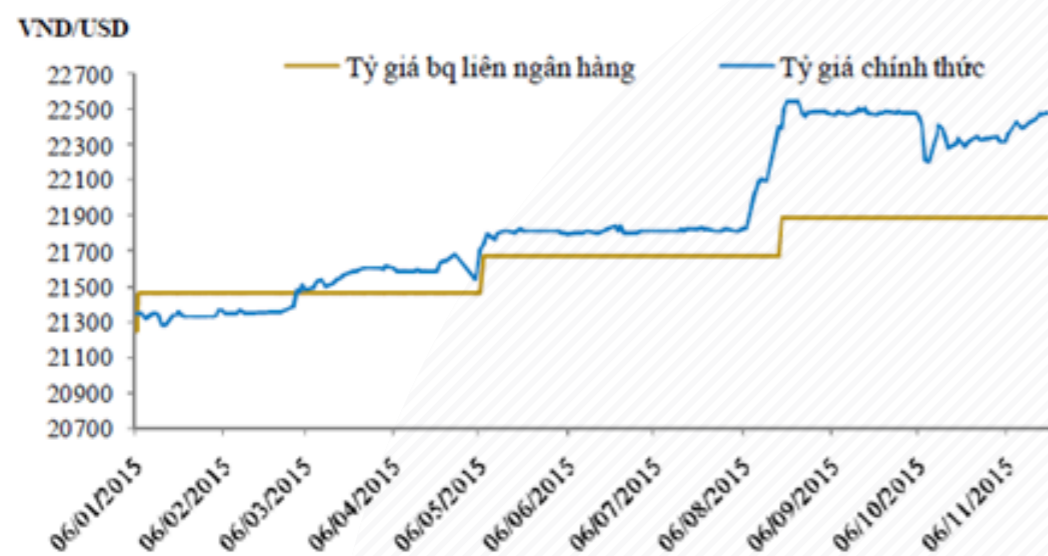
	2011	2012	2013	2014	2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,9%	2,4%	7,4%	11,9%	0,4%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	6,6%	8,3%	9,9%	9,0%	4,3%
Hàng tồn kho	16,4%	19,1%	20,5%	14,7%	20,7%
Tài sản ngắn hạn khác	2,1%	0,9%	1,6%	1,6%	1,7%
TỔNG TÀI SẢN NGẮN HẠN	33,0%	30,7%	39,4%	37,2%	27,1%
TÀI SẢN DÀI HẠN					
Các khoản phải thu dài hạn	0,1%	0,1%	0,1%	0,0%	0,0%
Tài sản cố định	61,4%	64,9%	56,3%	59,8%	68,2%
Bất động sản đầu tư	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	2,3%
Tài sản dài hạn khác	5,5%	4,3%	4,2%	3,0%	2,4%
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
TỔNG TÀI SẢN DÀI HẠN	67,0%	69,3%	60,6%	62,8%	72,9%
TỔNG TÀI SẢN	100%	100%	100%	100%	100%

8. Phân tích cấu trúc nguồn vốn

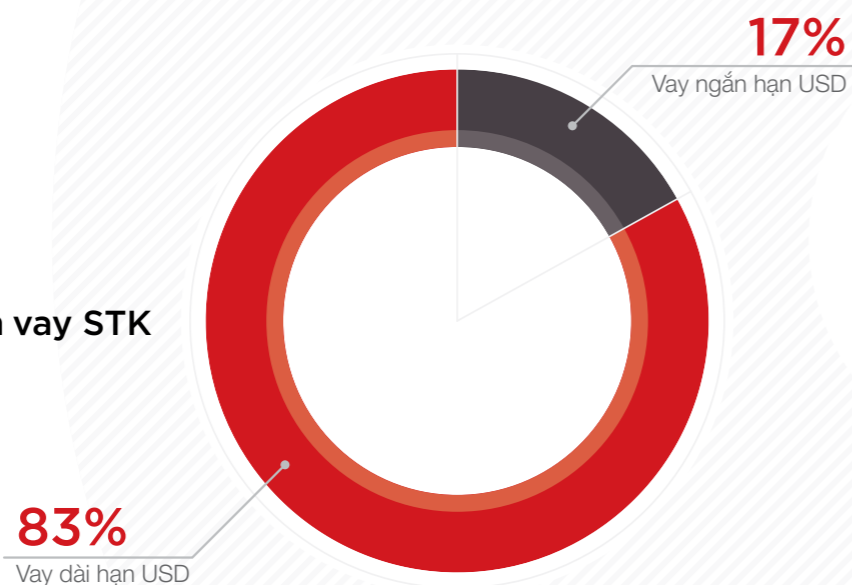
- Trong năm 2015, do quy mô tổng tài sản tăng mạnh cho nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản giảm 14% xuống còn 40%.
- Tổng nợ phải trả cũng tăng mạnh từ mức 46% (năm 2014) lên 60% (năm 2015) do Công ty phát sinh khoản vay dài hạn để đầu tư vào dự án nhà máy Trảng Bàng mở rộng - giai đoạn 3.



9. Phân tích ảnh hưởng từ biến động của tỷ giá hối đoái



Cơ cấu các khoản vay STK



• Trong năm 2015, Ngân hàng nhà nước đã thực hiện 3 lần điều chỉnh tỷ giá, khiến cho VNĐ mất giá khoảng 5,3% so với USD. Việc điều chỉnh tỷ giá mạnh như trên đã gây ảnh hưởng mạnh tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của STK do Công ty phải trích lập dự phòng chênh lệch tỷ giá cho các khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty.

	Thay đổi tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (tỷ VNĐ)
Năm nay		
USD	+5,3%	-34,7 ⁽²⁾
Năm trước		
USD	+2%	-3,5

² Sau khi đã bù trừ doanh thu và chi phí tài chính của biến động tỷ giá

	Năm 2015 (tỷ VNĐ)	Năm 2014 (tỷ VNĐ)	So sánh 2015 với 2014 (%)
Doanh thu tài chính	13,8	2,1	557%
- Lãi tiền gửi	0,7	0,7	0%
- Lãi chênh lệch tỷ giá	13,1	1,4	836%
Chi phí tài chính	52,9	12,5	323%
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ	30,8	3,1	894%
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	17	1,8	844%
- Chi phí lãi vay	5,1	7,6	-33%

10. Kế hoạch đầu tư

Công suất (tấn)	2014	Q4/2015	Q1/2017	
Củ Chi +TB1 + TB2	37.000			
TB3		15.000		
TB4			8.000	
Tổng công suất (tấn)	37.000	52.000	60.000	
Vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	2014	2015	2016	2017
TB3	115	636		
TB4			274	
Sợi/Dệt/Nhuộm	Đang nghiên cứu tính khả thi			

Tiến độ dự án Trảng Bàng - Giai đoạn 4:

Tính đến ngày 31/12/2015, Công ty đã ký hợp đồng mua máy móc thiết bị với tổng trị giá là 10,9 triệu USD chiếm 91,36% ngân sách (12 triệu USD). Tiến độ lắp máy: Quý 1 ~ Quý 2/2016



TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2015

QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Năm	Tồn đầu năm	Trích lập	Chi sử dụng	Tồn cuối năm
2010	186.284.408	4.700.686.009	4.013.463.946	873.506.471
2011	873.506.471	4.949.560.426	(1.644.902.207)	7.467.969.104
2012	7.467.969.104	4.800.000.000	4.490.362.674	7.777.606.430
2013	7.777.606.430	4.380.000.000	9.488.936.508	2.668.669.922

Ghi chú: Hàng năm công ty chi trả khen thưởng cho CBCNV ở mức tương đương mức 6% lợi nhuận sau thuế. Kể từ năm 2014, sau khi HĐQT ban hành quy chế tài chính, Công ty đã trích quỹ thưởng và hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm nên sẽ không trích quỹ này từ lợi nhuận sau thuế nữa.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Chỉ tiêu	Tỉ lệ trích lập 2015	Số tiền VNĐ
Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu		71.320.629.019
Chia cổ tức 2015	5% tiền mặt	23.267.917.500
	10% cổ phiếu	46.535.835.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.516.876.519

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

I. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG: 395 người (tính đến 26/02/2016)

1. Số lượng cổ phiếu niêm yết: **46.535.835** cổ phiếu.

2. Cơ cấu cổ đông:

Loại hình cổ đông	Số lượng CPH	Số lượng CP có thể giao dịch	Tỉ lệ %
I. Cổ đông đặc biệt	14.542.203	14.542.203	31,25%
1. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	14.407.712	14.407.712	30,96%
2. Ban Kiểm soát	103.004	103.004	0,22%
3. Kế toán trưởng	31.487	31.487	0,07%
4. Người được ủy quyền CBTT			0,00%
I. Cổ phiếu quỹ			0,00%
II. Cổ đông khác	31.993.632	31.993.632	68,75%
1. Trong nước	24.648.061	24.648.061	52,97%
1.1 Cá nhân	13.982.107	13.982.107	30,05%
1.2 Tổ chức	10.665.954	10.665.954	22,92%
- Trong đó Nhà nước			0,00%
2. Nước ngoài	7.345.571	7.345.571	15,78%
2.1 Cá nhân	89.805	89.805	0,19%
2.2 Tổ chức	7.255.766	7.255.766	15,59%
Tổng cộng	46.535.835	46.535.835	100,00%

3. Danh sách cổ đông lớn (tính đến 26/02/2016):

Tên cổ đông	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	9.381.534	20,16
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	6.469.560	13,09
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	3.969.076	8,53
Đặng Hướng Cường	Cá nhân	VN	3.969.076	8,53
VietNam Holding Limited	Tổ chức	Cayman Islands	3.545.655	7,62
Tổng cộng			46.535.835	100,00%

4. **Kết quả phát hành cổ phiếu:** 4.230.499 cổ phiếu. Ngày GDKHQ: 3/11/2015. Ngày NYSB: 9/12/2015. Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 46.535.835 cổ phiếu.

5. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** 419.234 cổ phiếu bán ưu đãi cho CB-CNV với giá 15.000 VNĐ/cổ phiếu từ ngày 01/04/2015 đến 14/04/2015.

II. GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NCLQ, CỔ ĐÔNG LỚN

1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn trong năm 2015

				Cổ phiếu trước khi giao dịch	Cổ phiếu sau khi giao dịch	Lý do tăng giảm
1	SSIAM	04/02/2014	Cổ đông lớn	300.000	2.700.000	Đầu tư
2	Vietnam Holding Limited	06/02/2014	Cổ đông lớn	696.750	3.396.750	Đầu tư
3	SSIAM	09/02/2015	Cổ đông lớn	2.700.000	0	Cơ cấu danh mục
4	Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	01/12/2015	Cổ đông lớn	7.928.668	8.038.668	Đầu tư
5	Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	17/12/2015	Cổ đông lớn	8.038.668	9.381.534	Đầu tư và nhận cổ tức bằng CP

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2015

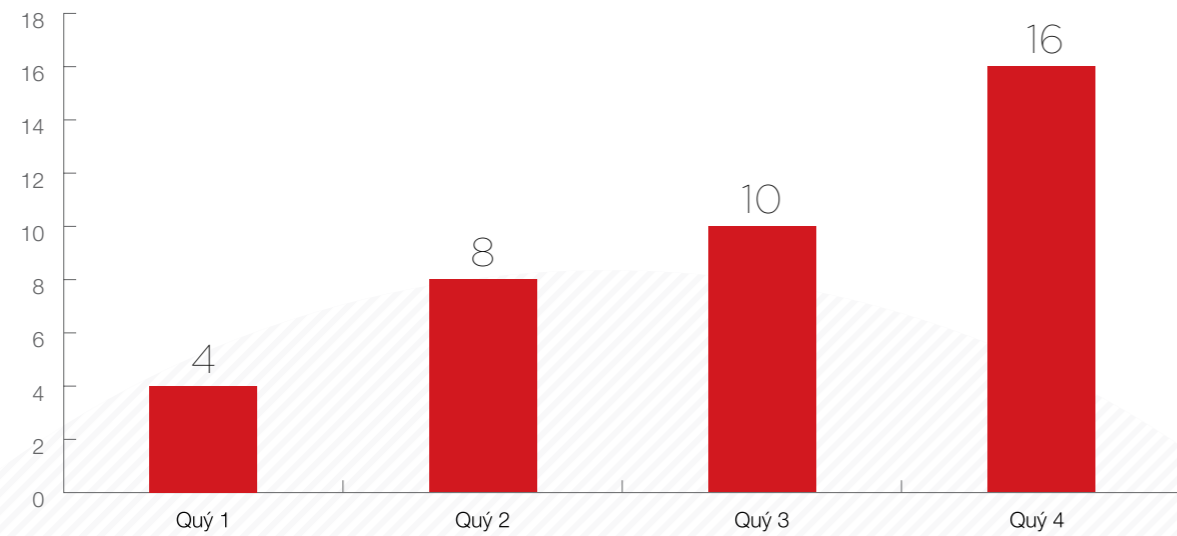
			Cổ phiếu sở hữu đầu kỳ 01/01/2015	Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ 31/12/2015	
1	Lu Yen Kun	Giám đốc sản xuất	0	55.000	Đầu tư
2	Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban kiểm soát	22.656	47.661	Đầu tư
3	Phan Như Bích	Kế toán trưởng	8.625	31.487	Đầu tư

III. QUAN HỆ NĐT TRONG NĂM 2015

Số lượng NĐT cá nhân, công ty chứng khoán, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư tài chính trong và ngoài nước đã được bộ phận Quan hệ NĐT (IR) đón tiếp: trên 260 người (tính đến 31/12/2015).



Số lần tiếp đón NĐT



CÁC SỰ KIỆN THAM DỰ

VIETNAM ACCESS DAY
(27/03/2015)
do chứng khoán Bản Việt tổ chức



INVEST ASIAN
(25/05/2015)
do chứng khoán KimEng Maybank tổ chức



TEXTILE FORUM SUMMIT
(25/06/2015)
do VCOSA tổ chức



Số lần CBTT trong năm 2015 (tính đến 31/12/2015): 42 lần. Số lần vi phạm, nhắc nhở: 0 lần

Số bản tin IR đã viết (tính đến 31/12/2015): 4 kỳ

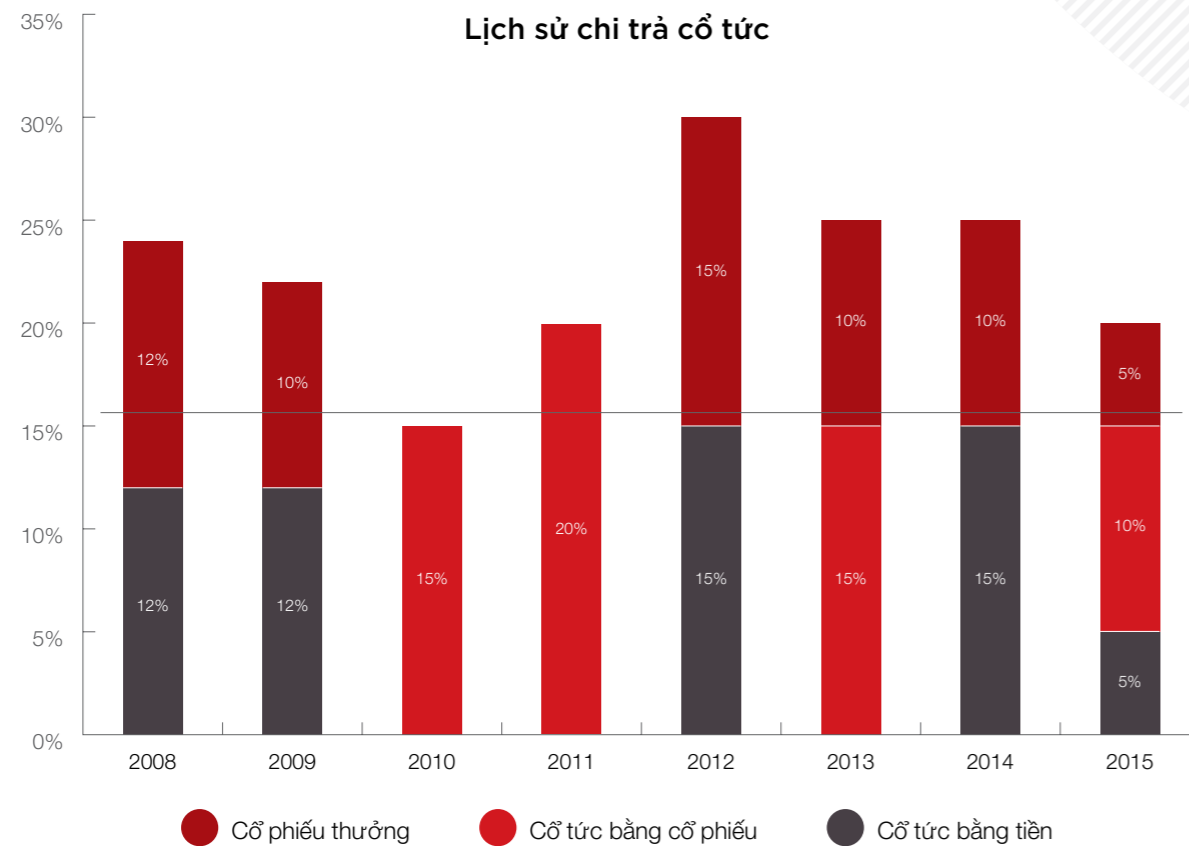
KẾ HOẠCH HĐKD NĂM 2016

Diễn biến giá CP STK từ ngày niêm yết 30/09/2015 đến 26/02/2016



1. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

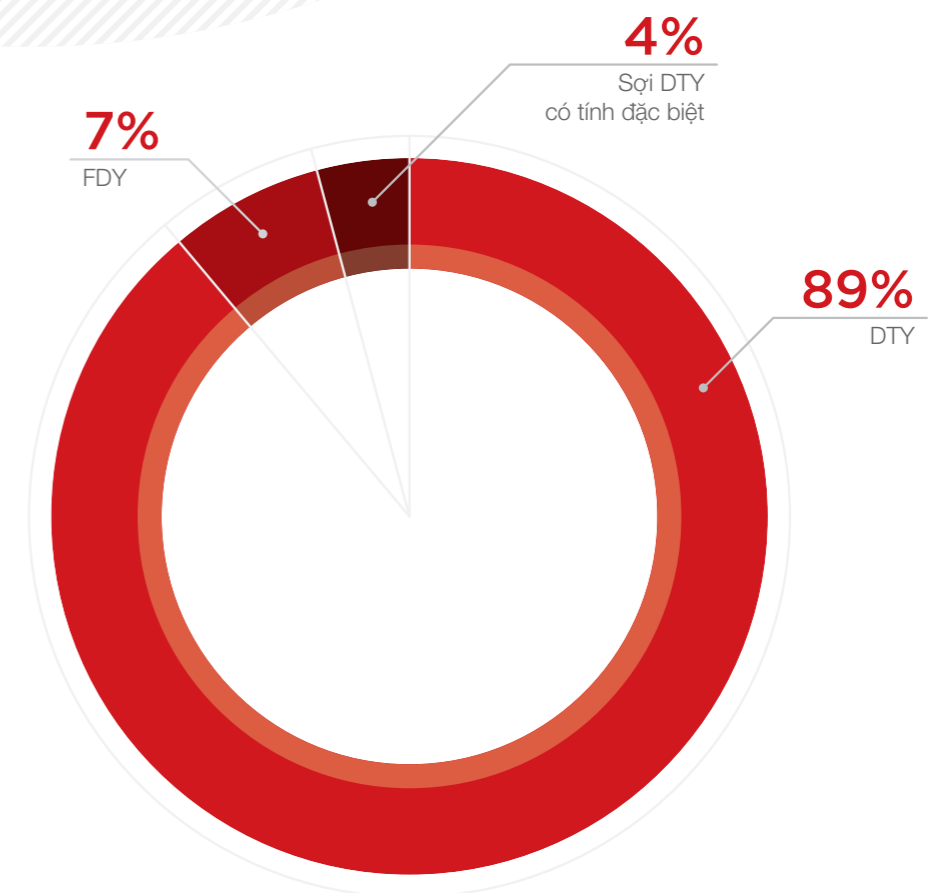
Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Mục tiêu năm 2016	Tỷ lệ tăng trưởng 2016/2015 (%)
1. Tổng sản lượng sợi DTY, FDY tiêu thụ (Kg)	26.885	45.176	68%
2. Doanh thu thuần về bán hàng (tỷ VNĐ)	1.035	1.645	59%
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (tỷ VNĐ)	86,6	138,7	60%
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tỷ VNĐ)	15,3	11,6	(24%)
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ VNĐ)	71,3	127,1	78%



2. CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

Về cơ cấu sản phẩm

- DTY (88%)
- Sợi DTY có tính năng đặc biệt (4%)
- FDY (7%)



Ghi chú: Mức cổ tức chi trả được lấy từ nguồn lợi nhuận của năm tài chính trước đó (mức cổ tức năm 2015 được lấy từ nguồn lợi nhuận của năm tài chính 2014).

Về chỉ tiêu doanh thu thuần

- Công ty kỳ vọng cán cân cung - cầu sẽ phục hồi trong năm 2016, bởi giá sợi đang có xu hướng phục hồi các công ty Trung Quốc sau một thời gian bán phá giá mạnh và lỗ nặng đang cắt giảm sản lượng. Ngoài ra, từ ngày 1/1/2016, thuế suất nhập khẩu đối với mặt hàng sợi POY, DTY và FDY sẽ tăng từ 0% lên 3%. Việc tăng thuế sẽ hạn chế bớt hành vi bán phá giá của Trung Quốc tại Việt Nam.
- Trong trung và dài hạn, xu hướng dịch chuyển các đơn hàng may mặc ở tất cả các thị trường lớn vào Việt Nam ngày càng trở nên rõ ràng. Khi đơn hàng may mặc tăng lên, nhu cầu vải và tiếp đến là sợi sẽ tăng lên, nhất là khi các hiệp định thương mại Việt Nam - EU và TPP có hiệu lực. Làn sóng đầu tư của các công ty dệt may của nước ngoài tại Việt Nam để đón đầu các cơ hội đến từ các hiệp định Thương mại này ngày càng tăng.
- Không nằm ngoài xu thế đó, nhà máy Trảng Bàng - Giai đoạn 3 của Công ty đã chính thức đi vào hoạt động 100% công suất nâng tổng công suất toàn công ty lên 52.000 tấn/năm. Ngoài ra, Công ty cũng hợp tác kinh doanh sản xuất sản phẩm mới có tính năng đặc biệt như sợi tái chế, sợi nhuộm; triển khai và đưa nhà máy Trảng Bàng 4 đi vào hoạt động vào quý IV/2016. Từ đó, Công ty đặt kế hoạch tăng trưởng doanh thu 68% so với năm 2015.

Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế

- Giá bán bình quân dự kiến giảm 5,5% trong khi giá nhập chip dự kiến giảm 10,6% so với năm 2015.
- Một số chi phí sản xuất dự kiến sẽ tăng so với 2015: điện (3%), tiền lương (10%).
- Dự báo VNĐ sẽ mất giá khoảng 4% so với USD trong năm 2016.
- Lãi suất vay USD dự kiến tăng lên khoảng 1% cho khoản vay dự án TB3 và TB4 do lãi suất LIBOR sẽ tăng (dự báo dựa trên FED tăng lãi suất cơ bản 0,25% vào mỗi quý 2016).
- Giả định về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 sẽ là 8,4% do các dự án mở rộng của nhà máy Trảng Bàng được hưởng thuế suất ưu đãi.

3. KẾ HOẠCH CÁC PHÒNG BAN NĂM 2016

Bán hàng

- **Thị trường:** tái cơ cấu lại danh mục khách hàng và thị trường, theo đó tiếp tục khai thác thị trường có yêu cầu về chất lượng cao như Thái Lan; hoặc thị trường có ưu đãi về thuế quan theo các FTA với Việt Nam như thị trường Hàn Quốc (thuế suất nhập khẩu sợi giảm từ 8% xuống 0%); cũng như thị trường trong nước nhằm đón đầu làn sóng dịch chuyển của các doanh nghiệp FDI từ Trung Quốc sang Việt Nam để đón nhận lợi ích từ các hiệp định thương mại của Việt Nam - EU (EVFTA), Việt Nam - Hàn Quốc (KVFTA) hay đặc biệt là TPP.
- **Sản phẩm:** Đối với sản phẩm hiện hữu, STK sẽ nâng cao chất lượng (theo tiêu chuẩn AAA) nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty so với đối thủ và mang lại giá trị lợi ích cao cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty sẽ đa dạng hóa các sản phẩm với công nghệ thiết bị tối tân mà công ty đã đầu tư và trang bị theo xu thế thị trường với các dự án như: sợi tái chế, sợi màu, sợi đặc chủng (với các chức năng đặc biệt như: chống tia cực tím, sợi hút ẩm nhanh khô, sợi co giãn cao, sợi bảo ôn giữ ấm).
- **Thu thập cơ sở dữ liệu khách hàng:** tiếp tục bám sát các khách hàng hiện hữu, theo sát các kế hoạch, tiến độ đầu tư mở rộng để tăng năng suất ở phía khách hàng và các kế hoạch phát triển sản phẩm mới của khách hàng. Thu thập thông tin các khách hàng mới đang có kế hoạch xây nhà máy mới ở Việt Nam.

Kế hoạch sản tiêu

- Nâng cao thêm chất lượng sản phẩm thông qua cải tiến và thay đổi quy trình sản xuất theo hướng đảm bảo tính đồng nhất của nguyên liệu đầu vào và sự ổn định của từng máy móc thiết bị, hướng đến chất lượng sản phẩm được nâng cấp lên chuẩn mới AAA thay vì AA.
- Ứng dụng và phát triển các công cụ hỗ trợ (phần mềm) để thiết lập và giả định các scenario (kịch bản) cho kế hoạch sản xuất và tiêu thụ nhằm tối ưu hóa hiệu quả về giá thành cũng như thời gian giao hàng.
- Phối hợp với các đơn vị thu mua và sản xuất để từng bước chuyển đổi một số mặt hàng nhập khẩu sang mua trong nước để giảm thiểu chi phí nhập khẩu.
- Tiếp tục kiểm soát ở mức an toàn đối với nguyên vật liệu cho sản xuất với số lượng tối thiểu.

Thu mua

- Tiếp tục duy trì lập kế hoạch mua hàng theo dự báo nhu cầu hàng quý và tìm kiếm sản phẩm thay thế và nhà cung cấp mới.
- Kết hợp với nhà máy đi đánh giá nhà cung ứng trực tiếp tại cơ sở sản xuất để nắm được năng lực thực tế từng nhà cung ứng của từng mặt hàng để tối ưu chất lượng sản phẩm.
- Kết hợp nhà máy và kho trong việc mua, nhập - xuất hàng đảm bảo mua hàng đúng tiến độ đặc biệt là không có hàng tồn kho lâu ngày không sử dụng.
- Rà soát lại các tiêu chí nghiệm thu nguyên vật liệu chính nhằm đảm bảo sản phẩm được mua phù hợp với nhu cầu sử dụng của thị trường.

IT

- Triển khai toàn diện hệ thống cấp quang cho toàn Công ty.
- Triển khai mở rộng dự án hệ thống điều khiển trung tâm POC và chính thức ứng dụng POC vào quy trình sản xuất vào tháng 03/2016.
- Đánh giá lại hệ thống SAP nhằm lường trước các rủi ro và tối ưu hóa hệ thống SAP ERP.
- Thành lập đội nghiệp vụ hỗ trợ người dùng SAP dựa trên chức năng từng module.
- Ứng dụng các quy trình của ISO 27001 vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài chính Kế toán

- Cân đối nguồn, trả nợ gốc trước hạn theo lịch trả nợ để tiết kiệm lãi suất và đảo nợ dự án Trảng Bàng 3 sang ngân hàng khác để tiết kiệm lãi suất đi vay.
- Chuẩn bị dòng tiền từ nguồn khấu hao các dự án cũ để tái đầu tư vào dự án Trảng Bàng 4 của công ty.
- Hạch toán khoản ưu đãi thuế cho: Trảng Bàng 1, 2 năm 2015 & 2016: giảm 50% và TB 3, 4 được miễn thuế năm 2016;

Nhân sự

- Lên kế hoạch đào tạo cụ thể cho năm 2016 cho cả khối văn phòng và sản xuất.
- Liên tục cập nhật, đào tạo và đánh giá lại kỹ năng của nhân viên thuộc khối sản xuất và văn phòng.
- Đào tạo thêm để nâng cao tay nghề, các lớp về sản xuất tinh gọn (lean production), sản xuất theo mô hình quản lý hiện đại Kaizen.



[VƯỢT QUA THỬ THÁCH | ĐÓN ĐẦU CƠ HỘI]



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. THÔNG TIN VỀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu STK của HĐQT, BKS, Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)
I Thành viên HĐQT				
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	6.469.560	13,09
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	3.969.076	8,53
3	Đặng Hường Cường	Thành viên HĐQT	3.969.076	8,53
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	0	0
5	Lee Chien Kuan	Thành viên HĐQT	0	0
6	Thái Tuấn Chí	Thành viên HĐQT	0	0
II Thành viên Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	47.661	0,1
2	Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	55.343	0,12
3	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên BKS	0	0
III Ban điều hành				
1	Lu Yen Kun	Giám đốc SX-CN	55.000	0,12
2	Nguyễn Phương Chi	Giám đốc PTCL	0	0
3	Phan Như Bích	Phó GĐTC	31.487	0,06
4	Bùi Tường Hiến	Phó GĐTQL	0	0

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Đánh giá hoạt động của HĐQT

- Tuân thủ pháp luật và điều lệ công ty. Thực hiện đúng chức năng, phát triển chiến lược, định hướng kinh doanh, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành.
- Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ qui định của Thông tư 121 khi có 3/6 thành viên HĐQT độc lập.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

Các cuộc họp của HĐQT

- Năm 2015, HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp trực tiếp và 17 cuộc họp thông qua hình thức gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Ban hành 30 Biên bản và 29 Nghị quyết. Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS. Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Tỷ lệ tham dự họp của các TVHĐQT (Nhiệm kỳ 2012 - 2017) đến ngày 31/12/2015:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	21/21	100%	
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	21/21	100%	
2	Đặng Hường Cường	Thành viên HĐQT	21/21	100%	
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập	18/21	86%	Bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 12/01/2015. Ủy quyền người khác tham dự.
5	Lee Chien Kuan	Thành viên HĐQT độc lập	21/21	100%	
6	Thái Tuấn Chí	Thành viên HĐQT độc lập	19/21	90%	Lý do: Bận công tác

Ghi chú: Bà Cao Thị Quế Anh chính thức là thành viên HĐQT từ ngày 12/01/2015 thay cho Ông Jean Eric Jacquemin đã từ nhiệm ngày 26/12/2014.

- Chi tiết về nội dung và kết quả cuộc họp (Vui lòng xem tại BCTN 2015 bản đầy đủ được đăng tải tại website công ty).

Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHCĐ 2014

- Các nội dung đang thực hiện: các dự án sắp triển khai (Công ty Sợi/dệt/nhuộm, Dự án mở rộng TB - GD4) đang được triển khai và thực hiện theo đúng lộ trình đã đề ra trong giai đoạn 2016 - 2017.

Tình hình triển khai các nghị quyết HĐQT 2015

- Về cơ bản, Công ty đã thực hiện triển khai đầy đủ các nghị quyết của HĐQT trong năm 2015.

Hoạt động của TVHĐQT không điều hành: Không có

Chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty

- Có 4/6 thành viên HĐQT, 3/3 thành viên Ban Kiểm soát đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khoá đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

- Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT
2	Đặng Hường Cường	Thành viên HĐQT
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS
6	Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS
7	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên BKS

3. THỰC HIỆN QUI ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

• Hầu hết các quy định, quy chế và hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định về quản trị Công ty của pháp luật. Trong năm 2015, STK đã cập nhật Bản cáo bạch của Công ty, ban hành quy trình Công bố thông tin, Quy chế quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cập nhật sửa đổi tăng vốn điều lệ của Điều lệ Công ty theo GPKD được Sở KHĐT cấp lần thứ 14 ngày 23/11/2015.

• Điều lệ Công ty, Quy trình Công bố thông tin, Quy chế quản trị Công ty đều được đăng tải trên website Công ty, mục Quan hệ Cổ đông.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

1. Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và HĐQT. Do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty nên quá trình thực hiện các nhiệm vụ được diễn ra nhanh chóng, suôn sẻ và theo đúng định hướng kinh doanh của Công ty.

2. Nhu cầu thị trường trong 06 tháng cuối năm 2015 bị sụt giảm so với 06 tháng đầu năm cũng như cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 60- 70% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong năm, Ban TGD cũng đã cố gắng vượt qua nhiều thách thức khó khăn trong điều hành quản trị và sản xuất, nhất là khi dự án Trảng Bàng - Giai đoạn 3 chính thức đi vào hoạt động. Tuy nhiên, do quy mô phát triển của Công ty ngày càng lớn, HĐQT đề nghị Ban Giám đốc Công ty, trong thời gian tới, ngoài công tác thị trường, cần tập trung hoàn thiện công tác quản trị nội bộ.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2015 không đạt theo kế hoạch ngân sách đã đề ra. Trong năm 2016, HĐQT đề nghị Ban Giám đốc cần phải đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, Phương án cải thiện chất lượng sản phẩm nhằm giảm giá thành và tăng khả năng cạnh tranh của công ty.

4. Ban Giám đốc hiện có 3 thành viên gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc Phát triển Chiến lược phụ trách mảng quan hệ nhà đầu tư và chiến lược, Giám đốc Sản xuất và Công nghệ phụ trách khối sản xuất và phát triển nghiên cứu Công nghệ. Để phát huy năng lực và chia sẻ trách nhiệm công việc chung, trong thời gian tới, HĐQT đề nghị Ban Giám đốc đề cao sự chủ động triển khai, xử lý các công việc mà mỗi Giám đốc phụ trách và sự chủ động phối hợp qua lại giữa các cấp quản lý với nhau nhiều hơn. Trong năm 2015, các Giám đốc cần tập trung hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động trong các đơn vị mà mình phụ trách.

5. Vấn đề nhân sự kế thừa vị trí điều hành cấp cao và các cấp quản lý khác đang là mối quan tâm của cổ đông, nhà đầu tư, đối tác. Vì vậy, tùy theo thẩm quyền, Ban Giám đốc cần chủ động thực hiện hoặc trình HĐQT phê duyệt các chương trình bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ nhân sự kế thừa, đồng thời mở rộng nguồn thu hút chất xám, để đảm bảo sự phát triển bền vững và đáp ứng quy mô phát triển mới của Công ty.

5. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

• Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGD và Ban Điều Hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2015.

• Song hành với TGD và Ban Điều Hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.

• Nâng cao công tác kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp. Triển khai công tác kiểm toán nội bộ.

• Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.

• Thành lập các tiểu ban (chính sách phát triển, quản lý rủi ro, nhân sự, lương thưởng).

6. KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN TÀI TRỢ CHO DỰ ÁN SỢI/DỆT/NHUỘM UNITEX

• Trong năm 2016, Công ty sẽ triển khai hợp tác với đối tác nước ngoài để tiến hành dự án Sợi/Dệt/Nhuộm Unitex tại Khu công nghiệp Thành Thành Công. Hồ sơ thuê đất cũng như tư cách pháp nhân của Công ty liên doanh Unitex đã được thành lập ngày 29/06/2015.

• Vì vậy, khi có kế hoạch triển khai cụ thể HĐQT sẽ xin ý kiến đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về kế hoạch phát hành cổ phiếu để huy động vốn hỗ trợ cho các dự án sắp tới của Công ty.

7. LỊCH LÀM VIỆC CỦA HĐQT NĂM 2016

1. **Họp định kỳ Quý 4/2015:** tuần giữa tháng 01/2016.

2. **Họp về các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016:** đầu tháng 03/2016 (sau khi có Báo cáo tài chính đã kiểm toán).

3. **Họp định kỳ Quý 1/2016:** tuần cuối cùng của tháng 4.

4. **Họp định kỳ Quý 2/2016:** tuần cuối cùng của tháng 7.

5. **Họp định kỳ Quý 3/2016:** tuần cuối cùng của tháng 10.

Lịch họp trên có thể thay đổi theo triệu tập của Chủ tịch HĐQT, tuy nhiên vẫn tạo điều kiện để các thành viên tham dự đầy đủ nhất. Ngoài ra, để hoạt động của Công ty được liên tục, thông suốt, HĐQT có thể họp gián tiếp (đột xuất) thông qua hình thức xin ý kiến qua email đối với những nội dung thuộc thẩm quyền.

8. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu
I	Thành viên HĐQT		
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	90.000.000
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	90.000.000
3	Đặng Hương Cường	Thành viên HĐQT	90.000.000
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	90.000.000
5	Lee Chien Kuan	Thành viên HĐQT	90.000.000
6	Thái Tuấn Chí	Thành viên HĐQT	90.000.000
II	Thành viên Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	32.000.000
2	Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	32.000.000
3	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên BKS	32.000.000
TỔNG CỘNG			636.000.000

Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc

Tổng thu nhập từ lương (kể cả thưởng) trước thuế & BHXH trong năm 2015 của BTGD là 3.931.300.740 đồng.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông qua các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động của STK và chỉ đạo Tổng Giám Đốc triển khai, thực hiện việc tổ chức họp ĐHĐCĐ, phát hành cổ phiếu, chào bán cổ phiếu ra công chúng.

HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám Đốc trong việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng quy định.

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 26/03/2015, ĐHĐCĐ đã có nghị quyết số 02-2015/NQ-ĐHĐCĐ/TK thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

- Tổng số cổ phần: 42.305.336
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.230.533
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phần
- Tỷ lệ thực hiện: 10%

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu kết thúc vào ngày 05/11/2015 như sau:

- Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành: 42.305.336
- Số cổ phiếu đã phân phối: 4.230.499
- Số cổ đông được phân phối: 348

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống được hủy bỏ.

- Tổng số cổ phiếu tại ngày 05/11/2015 là 46.535.835 cổ phiếu.

Vốn điều lệ công ty sau khi phát hành là 465.358.350.000 VNĐ.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các qui định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản Lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản Lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

2. Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ giá trị
Công ty CP Unitex	Bên liên quan	Góp vốn	39.992.000.000
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	3.342.738.426
Công ty Cổ phần Thương Mại Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	13.463.070.903

Ghi chú: HĐQT đã có nghị quyết thông qua các giao dịch với các bên có liên quan nói trên.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1. BÁO CÁO VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS - STK TRONG NĂM 2015 - NĂM 3 CỦA NHIỆM KỲ II: 2013 - 2018

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2015 là sau ĐHCĐ thường niên hàng năm, BKS tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS cho năm kế tiếp, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm phải họp tối thiểu 03 lần theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (Vui lòng xem thông tin chi tiết các cuộc họp tại BCTN 2015 bản đầy đủ được đăng tải tại website Công ty).

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Dự kiến thực hiện/kế hoạch	
(a)	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)	2/1
1. Sản lượng sợi DTY, FDY tiêu thụ (Kg)	40.939	26.885	(14.054)	66%
2. Doanh thu thuần về bán hàng	1.695	1.035	(660)	61%
3. Lợi nhuận sau thuế	116	71,3	(44,7)	61%

2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 do Công ty TNHH Ernst & Young (Việt Nam) thực hiện, với nhận định chung là phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần thực hiện: 1.035.486.717.187 VNĐ
- Giá vốn hàng bán: 848.224.232.392 VNĐ
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 86.647.057.959 VNĐ

Trong đó:

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 85.905.024.327 VNĐ
- Lợi nhuận khác: 742.033.632 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế: 71.320.629.019 VNĐ
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS): 1.537 VNĐ/cổ phần

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHCĐ 2015:

VỀ VIỆC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TB3&TB4 (TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN, GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN), LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRẢ CỔ TỨC (NGÀY TRẢ, TỶ LỆ TRẢ), PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THƯỜNG ĐỂ TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU.

3.1 Về việc triển khai dự án TB3: Cho đến ngày 15/10/2015, Công ty đã ký kết hợp đồng xây dựng nhà xưởng, công trình phục vụ và mua MMTB với tổng trị giá là 34.251.306 USD tương đương 751 tỷ VNĐ, vượt ngân sách 1,02%, tương đương 346.321 USD. Bên cạnh đó, tiến hành quyết toán công trình trong tháng 10/2015 các hạng mục tài sản như: nhà xưởng, nhà văn phòng, máy móc, thiết bị... đưa vào sử dụng chính thức từ tháng 11/2015.

Về việc triển khai dự án Trảng Bàng 4 đã ký hợp đồng mua máy móc thiết bị với tổng giá trị là: 10,9 triệu USD và dự kiến lắp máy vào quý 1 và quý 2 năm 2016.

3.2 Về việc lựa chọn công ty kiểm toán: Thống nhất là Công ty kiểm toán Ernst&Young.

3.3 Phân phối lợi nhuận: Theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2015; Ban điều hành đã thực hiện từ nguồn lợi nhuận sau thuế là: 106.106.992.222 VNĐ được phân phối như sau:

- Chia cổ tức năm 2014 bằng tiền (tỷ lệ 15% vốn điều lệ): 63.458.004.000 VNĐ
- Lợi nhuận chưa phân phối: 42.648.988.222 VNĐ

3.4 Trả cổ tức và cổ phiếu thưởng: Đã thực hiện trong năm 2015:

- Tỷ lệ 15% vốn điều lệ bằng tiền mặt từ nguồn phân phối lợi nhuận năm 2014.
- Tỷ lệ 10% vốn điều lệ bằng cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, đã đăng ký niêm yết và đăng ký lưu ký toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm.

3.5 Triển khai việc niêm yết toàn bộ số cổ phiếu STK trên sàn giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) trong năm 2015.

3.6 Thực hiện việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT.

4. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Trong quá trình hoạt động BKS không ghi nhận có điều gì bất thường trong hoạt động của thành viên HĐQT, BTGD, các bộ phận của công ty. HĐQT và BTGD đã tuân thủ pháp luật & điều lệ.
- Trong các cuộc họp của HĐQT đều có mời các thành viên BKS tham dự đầy đủ.
- Về hoạt động điều hành của công ty, BKS có đánh giá là Công ty đã tuân thủ đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. BKS không ghi nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý của công ty.
- BKS đã được nhận báo cáo của HĐQT, trên cơ sở qua trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của BKS đã đi đến là thống nhất với báo cáo HĐQT.

5. CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

- Đã triển khai thành lập Văn phòng đại diện Công ty tại 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Q. Tân Bình.
- Về tiến độ thực hiện dự án Sợi-Dệt-Nhuộm - Cty Unitex đã thanh toán đủ tiền thuê đất và nhận giấy chứng nhận sở hữu quyền sử dụng đất (giấy hồng).
- Đã tiến hành đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 11 năm 2015 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, do tăng vốn điều lệ lên là 465.358.350.000 đồng.
- Về lộ trình lưu ký và niêm yết cổ phiếu trên HOSE; đã triển khai thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu Sợi Thế Kỷ (MCK: STK) lên sàn giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) ngày 30/09/2015.

6. THÙ LAO THỰC TẾ CỦA BKS

Theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015 thù lao cho BKS là 96.000.000 VNĐ, thù lao thực tế là 32.000.000 VNĐ cho mỗi thành viên. Tổng số tiền đã chi: 96.000.000 VNĐ đúng như nghị quyết ĐHCĐ năm 2015.

7. KIẾN NGHỊ CỦA BKS

BKS không có ý kiến và kiến nghị gì, vì STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành, BKS nhận thấy chưa có phát sinh các bất cập trong quá trình giám sát của mình.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kính gửi Quý Cổ Đông, Khách Hàng, Đối Tác và Các Bên Có Liên Quan,

Chiến lược phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("STK") là cân bằng sự phát triển kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển dài hạn của Công ty. Bên cạnh các mục tiêu về phát triển kinh tế như bảo toàn vốn và tăng trưởng lợi nhuận, STK còn đặt ra các mục tiêu phát triển xã hội liên quan tới con người và cộng đồng, bảo vệ môi trường nhằm cải thiện môi trường và ngăn ngừa sự cạn kiệt nguồn tài nguyên.

Với tinh thần đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của STK luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Khuyến khích việc tuân thủ các qui tắc đạo đức và thực hiện các tập quán quản trị doanh nghiệp lành mạnh;
- Cung cấp môi trường làm việc an toàn, bảo vệ sức khỏe cho người lao động và tạo cơ hội tự phát triển cho người lao động;
- Khuyến khích sự đa dạng về văn hóa và công bằng ở nơi làm việc;
- Hạn chế những tác động bất lợi tới môi trường;
- Tạo cơ hội cho sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương và cộng đồng dân cư.

Năm 2015 là một năm hết sức khó khăn của ngành sợi nói chung và STK nói riêng. Tuy nhiên, STK vẫn kiên định với mô hình phát triển bền vững. Chúng tôi tin tưởng rằng với nỗ lực và sự tận tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên, sự ủng hộ của cổ đông, các khách hàng, đối tác và các bên có liên quan, STK sẽ duy trì được sự phát triển bền vững trong tương lai.



A. TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững. Để tránh sự trùng lặp thông tin, Báo cáo Phát triển bền vững của Sợi Thế Kỷ được xây dựng trên cơ sở tích hợp với Báo cáo thường niên. Các nội dung được chú trọng chất lượng thông tin, truyền tải ngắn gọn đến các cổ đông và nhà đầu tư.

Báo cáo Phát triển bền vững 2015 của Sợi Thế Kỷ được lập dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn GRI-G4.

Kỳ báo cáo:

Báo cáo này được lập cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2015 (cùng niên độ Báo cáo thường niên năm 2015).

Chu kỳ báo cáo:

Được lập theo định kỳ hàng năm.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Địa chỉ liên hệ: Số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Email: ir@century.vn

Điện thoại: (+84.66) 389 9537 (máy lẻ: 113)

Phạm vi và ranh giới của báo cáo:

Báo cáo được lập tại Việt Nam, lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của CTCP Sợi Thế Kỷ.

Cách thức xác định nội dung báo cáo:

Nội dung của báo cáo phát triển bền vững được xác định dựa trên mối quan tâm của các bên có liên quan và bối cảnh kinh doanh của doanh nghiệp.



Các chủ đề của báo cáo phát triển bền vững:



Đảm bảo báo cáo bởi bên thứ ba:

STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo. Ngoài ra một số dữ liệu về hoạt động của STK sau còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:

- Thông tin về Xử lý chất thải được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.
- Thông tin về tiết kiệm năng lượng được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP. HCM.
- Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
- Thông tin về Kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
- Thông tin tài chính được kiểm toán bởi Ernst & Young.

B. NỘI DUNG BÁO CÁO

I. TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP TOÀN CẦU ĐÚNG HÀNG ĐẦU TRONG NGÀNH SỢI DỆT VÀ NGÀNH NGHỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH CỐT LỖI

Với mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, dịch vụ khách hàng vượt trội, STK áp dụng các giải pháp sau:



ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT HIỆN ĐẠI

- Máy Orlikon Barmag.
- SAP Business All-in-One.
- Hệ thống điều khiển trung tâm POC (Plant Operation Center).

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ LÀNH NGHỀ, TẬN TỤY VỚI CÔNG VIỆC

- Tiêu chuẩn tuyển dụng cao.
- Liên tục đào tạo.



ÁP DỤNG CÁC PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI

- ISO 9001 - 2008: Đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng qui trình đã thiết lập và chuẩn mực của ngành.
- 5S: Giúp tạo dựng môi trường làm việc an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, ngăn nắp và loại bỏ những thứ không cần thiết nhằm gia tăng hiệu quả công việc, giảm thời gian lãng phí, là nền tảng cơ bản để có thể thực hiện những phương thức khác ở mức cao hơn là Kaizen và Lean (sản xuất tinh gọn)
- Kaizen: Liên tục cải tiến qui trình hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng sản phẩm.
- Sản xuất tinh gọn: Là phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục tập trung vào việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất, giúp tối ưu hóa nguồn lực, rút ngắn chu kỳ sản xuất đồng thời tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và khắt khe của khách hàng.

II. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nhằm quản lý và kiểm soát doanh nghiệp để đạt được các mục tiêu kinh tế và nâng cao sự tin cậy của nhà đầu tư, STK rất chú trọng tới việc xây dựng các chính sách, qui tắc xác định quyền, nghĩa vụ cũng như qui trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan, qui trình ra quyết định của doanh nghiệp.

Bên cạnh việc xây dựng và ban hành Điều lệ Công ty, Qui Chế Quản Trị, Qui Chế Công Bố Thông Tin, Qui Chế Tài chính Công ty còn ban hành bộ qui tắc ứng xử với các bên có liên quan.

Các giá trị đạo đức của Công ty

Các thành viên STK cam kết sẽ:

- Tuân thủ luật pháp, hiến pháp của nhà nước Việt Nam.
- Tuân thủ những quy định, quy chế theo Điều lệ Công ty, các Nguyên tắc quản trị và các quy định khác mà Công ty đã ban hành.
- Đề cao tính bảo mật thông tin, quản lý và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, có ý thức bảo vệ tài sản Công ty.
- Hành động vì lợi ích tối ưu của Công ty và hạn chế tối đa mâu thuẫn quyền lợi với Công ty.
- Có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng địa phương nơi công ty hoạt động.
- Cạnh tranh công bằng, lành mạnh, đảm bảo các thông tin được cung cấp chính xác, kịp thời, tránh gây thiệt hại đến quyền lợi và lợi ích của các bên liên quan.
- Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.
- Xem người lao động là tài sản quý giá, luôn tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm chăm sóc, chú trọng đến việc đào tạo, phát triển năng lực người lao động.

(Vui lòng xem thông tin chi tiết tại BCTN 2015 bản đầy đủ được đăng tại website Công ty)

Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan

Nguyên tắc đối xử với Cổ đông:

Cổ đông là bên liên quan quan trọng của Công ty. Chính vì thế mối quan hệ giữa STK và cổ đông được đặc biệt chú trọng. STK luôn gắn kết lợi ích của cổ đông với sự phát triển bền vững của Công ty. STK cam kết:

- Đặt lợi ích của cổ đông lên hàng đầu, ngăn chặn những xung đột lợi ích, đảm bảo cho cổ đông một kênh đầu tư an toàn, chính sách cổ tức hấp dẫn, sinh lợi bền vững.
- Cung cấp cho cổ đông các kênh thông tin đa dạng, hiệu quả. STK luôn đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về công bố thông tin như minh bạch, chính xác, kịp thời và rõ ràng.
- Đảm bảo đối xử công bằng với tất cả các cổ đông.
- Đảm bảo việc bảo mật thông tin của nhà đầu tư, cổ đông trừ trường hợp được sự cho phép của người có liên quan hoặc yêu cầu của cơ quan luật pháp.

Nguyên tắc đối xử với Khách hàng:

Mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến việc xây dựng niềm tin với khách hàng, đặt uy tín và chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng vun đắp mối quan hệ với khách hàng bằng những hành động cụ thể như chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng phù hợp với chuẩn mực chung hai bên đã thỏa thuận.

- Công ty cam kết đối xử công bằng, chính trực với tất cả khách hàng, luôn trân trọng khách hàng, xây dựng mối quan hệ trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.
- Hướng tới mục tiêu xây dựng và duy trì sự hài lòng của khách hàng ở mức cao, thiết lập mối quan hệ bền vững với khách hàng thông qua việc tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt với mức giá cạnh tranh, giao hàng đúng hạn và đúng số lượng, dịch vụ hậu mãi tốt.
- Liên tục cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, tạo điều kiện tối ưu cho sự lựa chọn của khách hàng.
- Bảo vệ thông tin khách hàng.

Nguyên tắc đối xử với Người lao động:

Trên cơ sở hệ giá trị của STK “Cùng nhau phát triển: Gắn kết sự phát triển của STK với cộng đồng và mỗi người trong STK”, STK luôn xem người lao động là tài sản quý giá. Công ty luôn tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm chăm sóc đến nhân viên, chú trọng đến việc đào tạo, phát triển năng lực người lao động.

- Công ty xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh, cam kết thực hiện đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng cho người lao động theo đúng nội dung “Thỏa ước lao động tập thể” đã được ký kết, thực hiện đúng quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.
- Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.
- Công ty cam kết không phân biệt đối xử với người lao động.
- Công ty cam kết đảm bảo cho người lao động làm việc trong môi trường an toàn, được chăm lo sức khỏe và được hưởng các chế độ theo đúng quy định. Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo, tạo điều kiện thăng tiến cho nhân viên.
- Công ty thực hiện đánh giá kết quả công việc, khuyến khích nhân viên phản hồi, chia sẻ nguyện vọng và ý kiến để đóng góp cho sự phát triển của công ty.

Nguyên tắc ứng xử đối với Nhà cung ứng:

- Công ty cam kết đối xử công bằng với tất cả các nhà cung ứng, hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, tránh những xung đột lợi ích thực sự hoặc tiềm ẩn với các nhà cung cấp.
- Công ty luôn tuân thủ các quy định về đấu thầu, đàm phán, ký hợp đồng.
- Công ty cam kết không tiết lộ những thông tin bí mật của nhà cung ứng cho đối thủ cạnh tranh của nhà cung ứng.

Nguyên tắc đối xử với Đối thủ cạnh tranh:

STK luôn hướng đến việc nâng cao hình ảnh, vị thế của Công ty trong ngành, xác định mục tiêu cạnh tranh công bằng trên cơ sở chất lượng vượt trội và giá bán hợp lý. Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc cạnh tranh sau:

- Cạnh tranh công bằng, minh bạch, hợp pháp: không đưa ra những nhận xét về sản phẩm hay dịch vụ của đối thủ cạnh tranh một cách không chính xác hay không trung thực, không tham gia vào các hoạt động nhằm phá hoại đối thủ cạnh tranh.
- Công ty cam kết chỉ sử dụng những phương tiện hợp pháp để lấy thông tin mang tính cạnh tranh, tuyệt đối không sử dụng những cách thức không phù hợp hoặc trái giá trị đạo đức.



Nguyên tắc ứng xử với các Cơ quan Nhà nước:

STK luôn hướng đến việc nâng cao hình ảnh, vị thế của Công ty trong ngành, xác định mục tiêu cạnh tranh công bằng trên cơ sở chất lượng vượt trội và giá bán hợp lý. Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc cạnh tranh sau:

- Công ty cam kết tuân thủ luật pháp, hiến pháp của nhà nước Việt Nam.
- Công ty không thực hiện những hành vi tiêu cực để đạt được những ưu đãi, lợi ích đặc biệt từ chính quyền, cơ quan nhà nước.
- Công ty đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ thuế và đóng góp ngân sách cho địa phương theo quy định hiện hành.

Nguyên tắc ứng xử với Truyền thông:

- Danh tiếng, uy tín của Công ty là tài sản quan trọng mà tất cả mọi nhân viên đều có nghĩa vụ phải giữ gìn và phát huy.
- Chúng ta làm việc với truyền thông để hỗ trợ họ hiểu về doanh nghiệp và đảm bảo rằng mọi thông tin chúng ta cung cấp là minh bạch, chính xác, không sai lệch.
- Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR) chịu trách nhiệm phản hồi, cung cấp thông tin trên các phương tiện truyền thông. Các bộ phận khác không được tự ý tiếp xúc, trả lời các vấn đề liên quan đến Công ty.

Nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và các bên có liên quan, STK luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, qui chế quản trị và qui chế công bố thông tin. (Chi tiết về các kết quả hoạt động quản trị doanh nghiệp của STK năm 2015, vui lòng tham khảo báo cáo thường niên 2015 bản đầy đủ được đăng tại website Công ty).

III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của STK. Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể là: Luật môi trường 55/2014/QH13, ban hành ngày 23/6/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT Quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định khác về bảo vệ môi trường. Công ty có cam kết bảo vệ môi trường (đối với Củ Chi) và báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với Trảng Bàng) được các cơ quan chức năng phê duyệt. Công ty đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho các dự án nhà máy sản xuất tại Trảng Bàng. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện 5S với mục tiêu duy trì xanh-sạch-đẹp trong toàn công ty. Để đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty được thực hiện theo đúng pháp luật, Công ty đã bố trí 1 chuyên viên chuyên phụ trách về môi trường đảm nhiệm việc theo dõi thường xuyên để kịp thời điều chỉnh nếu xảy ra sai phạm.

Trong sản xuất, Công ty cũng phát động chương trình “Sản xuất Green” với mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nước thải, chất thải độc hại, sử dụng nguyên liệu tái chế, tiết giảm tiêu hao tài nguyên môi trường, giảm thiểu các ảnh hưởng môi trường từ hoạt động sản xuất.

1. Vật liệu

Hiện nay, khoảng 90% nguyên liệu đầu vào (hạt nhựa PET chip, dầu chuốt sợi, dầu tẩm sợi) và linh phụ kiện của Sợi Thế Kỷ được nhập khẩu từ các nhà cung cấp lớn đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật, Đức, và một phần nhỏ còn lại được nhập từ Trung Quốc và Việt Nam (chủ yếu là ống giấy và thùng carton). Chất lượng của nguyên vật liệu luôn là một trong những yêu cầu hàng đầu của Công ty.

STT	Chủng loại Nguyên vật liệu	Quốc gia nhập khẩu
1	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật, Trung Quốc
2	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
3	Ống giấy	Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan
4	Thùng Carton	Việt Nam
5	Linh phụ kiện	Đức, Đài Loan, Thụy Sĩ, Trung Quốc

Với 3 mục tiêu chính được đặt ra: (1) tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, (2) sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả, (3) sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, trong năm 2015 bộ phận thu mua đã rất tích cực trong việc thực hiện các quy định nghiêm ngặt về lựa chọn nhà cung ứng, mở rộng mạng lưới nhà cung cấp, tìm kiếm sản phẩm thay thế, đàm phán hợp đồng mua hàng... để tiết kiệm chi phí, đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, thông qua đó đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm thiểu tỷ lệ sợi phế.

Do các loại nguyên vật liệu chính như hạt nhựa PET chip (một chế phẩm của dầu và khí đốt thiên nhiên), dầu chuốt sợi, dầu tẩm sợi (có gốc cellulo) là những nguyên vật liệu thân thiện với môi trường nên việc sử dụng các nguyên liệu này trong quá trình sản xuất không tạo ra ô nhiễm môi trường. Các nhà cung ứng các vật liệu chính như Tainan, Kolon, Indorama, Schiller & Schneider, Matsumoto, Takemoto Oil & Fat Company Ltd. mà STK lựa chọn là các công ty quốc tế hàng đầu luôn đảm bảo tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường.

Nhằm sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm và hiệu quả, STK luôn đặt ra các định mức sử dụng nguyên vật liệu và chỉ tiêu hạ tỷ lệ sợi phế. Sợi phế được Công ty bán cho Công ty TNHH Tây Thái Bình Dương và một cá nhân khác. Số lượng sợi phế này sẽ được nấu lại thành keo rồi xuất đi Trung Quốc.

Ngoài ra, Công ty thực hiện đóng thuế môi trường 900 đồng/kg dầu nhập khẩu, phuy đựng dầu sau khi sử dụng xong sẽ được Công ty bán cho nhà thầu với điều kiện phải có giấy xử lý chất thải nguy hại.

Với mục tiêu luôn tìm nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành chạy thử nghiệm sợi tái chế từ hạt nhựa Recycled PETChip (hạt nhựa tái chế từ các chai nhựa polyester), kết quả thu được rất khả quan. Theo kế hoạch năm 2016, Công ty sẽ tiến hành sản xuất sợi tái chế với công suất ban đầu dự kiến hơn 1800 tấn/năm.

2. Năng lượng

Tiết kiệm năng lượng là một trong những vấn đề được quan tâm tại STK. Công ty đã chủ động hợp tác với Trung tâm Tiết kiệm Năng Lượng TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán năng lượng thông qua khảo sát chân đoán, thu thập số liệu nhằm tìm ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng khả thi tại các đơn vị trực thuộc, thông qua đó xây dựng kế hoạch tiết kiệm năng lượng trong 5 năm. Bên cạnh đó, Công ty còn đặt ra các định mức tiêu thụ điện năng cho các loại máy móc thiết bị và định kỳ hàng tháng thực hiện so sánh số liệu tiêu thụ thực tế với định mức để đánh giá kết quả thực hiện cũng như có biện pháp kịp thời để cải thiện việc tiết kiệm điện năng.

Những biện pháp STK đã thực hiện để tiết kiệm năng lượng trong giai đoạn 2013-2015 là:

Giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí
Cải tạo 5 máy kéo sợi DTY M900 từ motor DC sang AC. (sử dụng biến tần thế hệ mới)	Nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng SSR điều khiển gia nhiệt và sử dụng biến tần tiết kiệm điện	Mức tiết kiệm năng lượng: 360 kWh/ngày/5 máy Mức tiết kiệm năng lượng: 2,14% so với mục đích sử dụng. Tiết kiệm chi phí: 180 triệu đồng/năm	3.000.000.000
Tắt bớt quạt hút khu vực extruder. Mở cửa lấy gió trời cho hướng gió về cuối phòng còn 2 quạt hút, hút không khí nóng ra bên ngoài	Tắt bớt thiết bị điện nhưng vẫn đảm bảo nhiệt độ môi trường, nâng cao tuổi thọ máy móc.	Mức tiết kiệm năng lượng: 198,2kWh/ngày Mức tiết kiệm năng lượng: 33% Tiết kiệm chi phí: 98 triệu đồng/năm	0
Cải tạo bộ chấu hồ mới cho máy DTY. Quy cách mới 1,2mm (so với quy cách cũ 1,4mm)	Tiết kiệm khí nén trong quá trình gia công sợi DTY. Giảm lưu lượng khí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sợi DTY	Mức tiết kiệm năng lượng: 1.800kWh/ngày Mức tiết kiệm năng lượng: 18% Tiết kiệm chi phí: 900 triệu đồng/năm	800.000.000
Vận hành lò TEG chân không vào giờ thấp điểm	Tiết kiệm về giá thành khi vận hành lò vào giờ thấp điểm nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất	Mức tiết kiệm chi phí : 40% Tiết kiệm chi phí: 108.000 VNĐ/lần thực hiện giờ thấp điểm	0
Tắt xen kẽ đèn chiếu sáng quanh xưởng vào ban đêm	Tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo đủ độ sáng cho công tác ghi hình và bảo vệ tài sản	Mức tiết kiệm chi phí : 26% Tiết kiệm chi phí: 851.148 VNĐ/tháng	0

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2016

Công ty đề ra mục tiêu tiết kiệm 2% sản lượng điện/ngày, tương đương 3.000kwh/ngày cho năm 2016. Mục tiêu này được xây dựng dựa trên cơ sở tiết giảm năng lượng thông qua đầu tư máy móc thiết bị mới ở dự án Trảng Bàng 3 và Trảng Bàng 4, tiến hành thử nghiệm các giải pháp tiết kiệm điện chuyên sâu cho Trảng Bàng 1 và Trảng Bàng 2 (Mũi Lông xem thông tin chi tiết tại BCTN 2015 bản đầy đủ được đăng tại website Công ty).

3. Nguồn nước

Nguồn nước được sử dụng tại STK là nguồn nước sạch được cung cấp bởi KCN được dùng cho mục đích sản xuất và sinh hoạt. Công ty thực hiện kiểm soát theo định mức nước. Định mức này được xây dựng vào đầu năm, dựa trên khối lượng sợi, chu kỳ cúp điện định kỳ của điện lực (20 lần/năm), chu kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị, quy trình thay nước các hồ AC, tháp giải nhiệt. Mục tiêu này được báo cáo hàng tháng đến các phòng ban và bộ phận sản xuất của nhà máy.

Trong năm 2015, công ty đã tiến hành 1 số biện pháp để tiết kiệm nước:

- Kiểm soát số lượng nước sử dụng hàng ngày, hàng ca (3 ca/ngày) dựa trên bảng theo dõi khối lượng sử dụng nước theo từng ca. Khi có sự chênh lệch lớn, công ty sẽ tiến hành kiểm tra, rà soát lại nguyên nhân để tiến hành khắc phục.
- Thông qua báo cáo hàng tháng để thông báo cho các bộ phận biết tình hình sử dụng nước hiện tại.
- Tái sử dụng nước ngưng tụ từ máy nén khí, các phòng AC.
- Điều chỉnh cánh quạt hút tháp giải nhiệt làm giảm lưu lượng nước bay hơi và giảm lượng nước cấp.
- Có kế hoạch với phòng Tổng vụ xây hồ chứa nước xả máy nén, máy sấy để tưới cây.

	Đvt	2013	2014	2015
Lượng nước sử dụng	m ³	145.137	161.901	212.481
Chi phí tiền nước	VND	859.030.058	1.095.366.084	1.643.732.100
Mức tiêu hao nước	m ³ /tấn sợi	0,003	0,003	0,004

Trong năm 2015, lượng nước sử dụng tăng so với năm 2014. Nguyên nhân là do trong năm 2015, STK tiến hành lắp ráp máy và đưa Trảng Bàng 3 vào hoạt động, lượng công nhân tăng dẫn đến phát sinh tăng đột biến. Năm 2016, Công ty sẽ tiến hành lắp đồng hồ kiểm soát lượng nước tưới cây, rửa xe và nhà ăn để quản lý chặt chẽ hơn nguồn tài nguyên bị tiêu hao.

Năm 2016, Công ty dự kiến triển khai một số giải pháp như tái sử dụng nước từ hồ AC, giảm nước cấp tháp máy nén, giám sát hệ thống làm mát nhằm tiết kiệm nước sử dụng. Công ty đề ra mục tiêu tiết giảm 30m³/ngày đối với Trảng Bàng 1 và 2.

4. Các chính sách phòng chống ô nhiễm

Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành, cụ thể tiến hành quan trắc môi trường 4 lần/năm, báo cáo giám sát môi trường, quản lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại, khí thải theo đúng quy định. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước mưa, nước thải, đảm bảo các chỉ tiêu nước thải trước khi đầu nối ra hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn quy định. (Vui lòng xem thông tin các bảng kết quả đo lường tại BCTN bản đầy đủ được đăng tại website Công ty).

5. Đo kiểm tra môi trường lao động

Để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động, hàng năm Công ty phối hợp với Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động nhằm xác định những nguy cơ, đưa ra những biện pháp giảm thiểu sự ảnh hưởng của những yếu tố nguy cơ đó trong môi trường lao động.

- **Phương pháp đo:** Đo các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường - nhà xuất bản Y học năm 2002.
- **Tiêu chuẩn áp dụng:**
 - Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.
 - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009 - vi khí hậu nơi làm việc.

(Vui lòng xem chi tiết các số liệu đo lường tại BCTN 2015 bản đầy đủ được đăng tại website Công ty).

IV. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Mục tiêu:

Duy trì nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

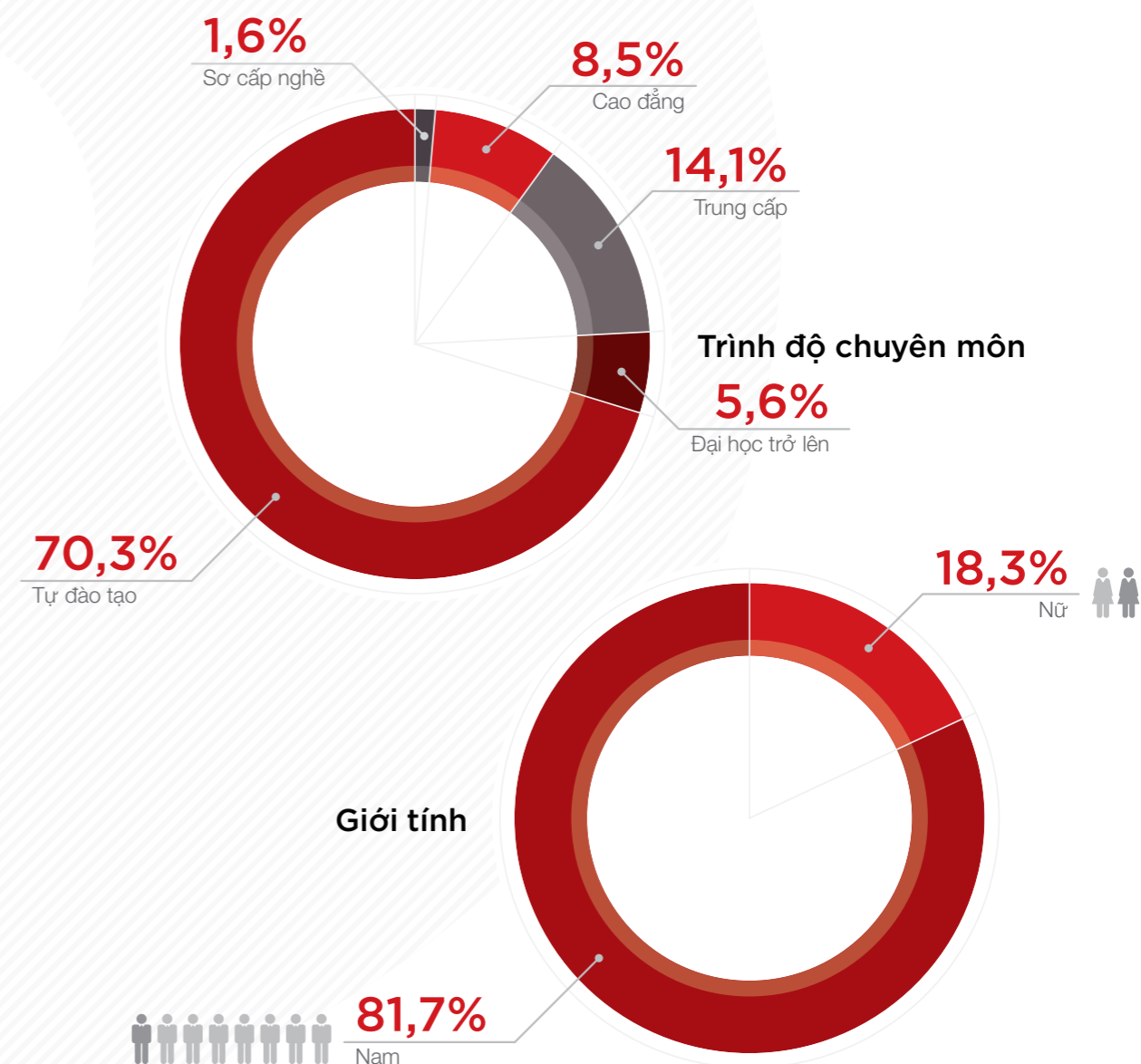
Giải pháp và hành động:

- Chính sách tuyển dụng
- Chính sách lương bổng, đãi ngộ
- Chính sách đào tạo và đề bạt
- Chính sách an toàn lao động

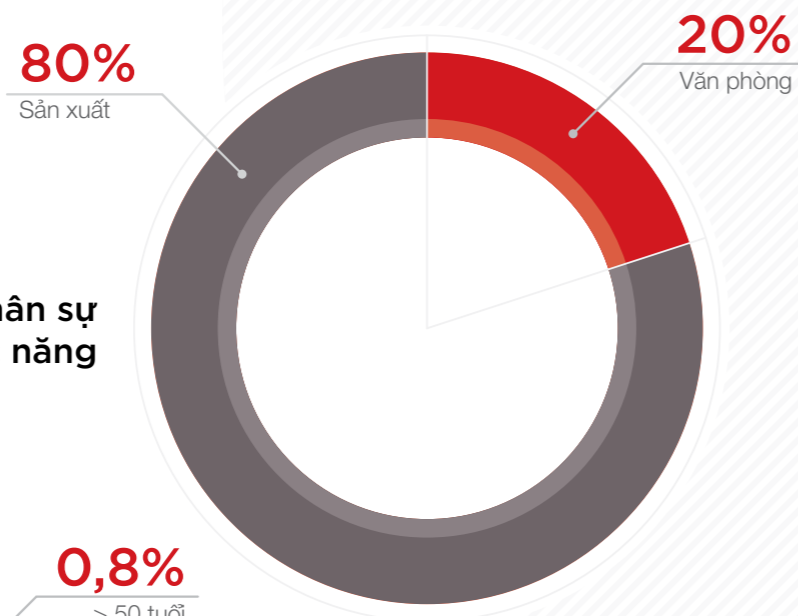
1. CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG:

Nhằm mục đích xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, STK đặt tiêu chuẩn tuyển dụng về trình độ học vấn và tinh thần kỷ luật lao động. Ngoài ra Công ty cũng đặt ra các tiêu chí tuyển dụng để phù hợp cho từng vị trí công việc (ví dụ các công việc nặng nhọc, làm ca kíp sẽ ưu tiên tuyển nam giới).

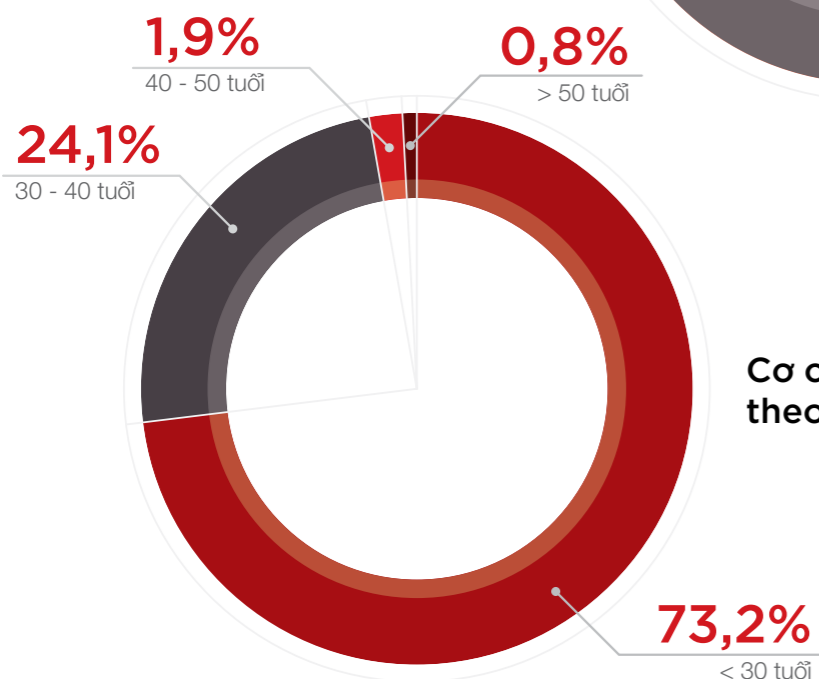
Tổng số lao động chính thức đến hết 31/12/2015: **896**



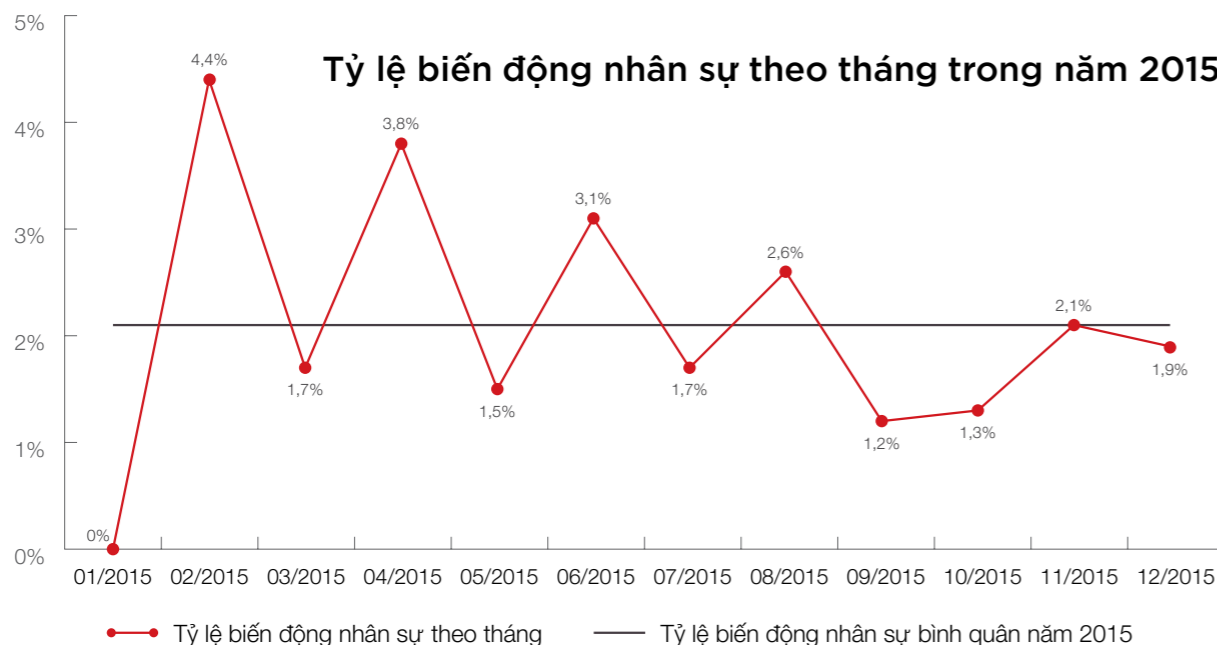
Cơ cấu nhân sự theo khối chức năng



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



Tỷ lệ biến động nhân sự theo tháng trong năm 2015



2. CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động, Công ty sẽ xác định loại hợp đồng có thời hạn hoặc không thời hạn.

Giờ làm việc tại Công ty là 08 giờ/ngày, 06 ngày/tuần. Khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7. Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca. Công ty sẽ bố trí nghỉ bù bất cứ ngày khác trong tuần, không nhất thiết là Chủ nhật.

Lương cơ bản

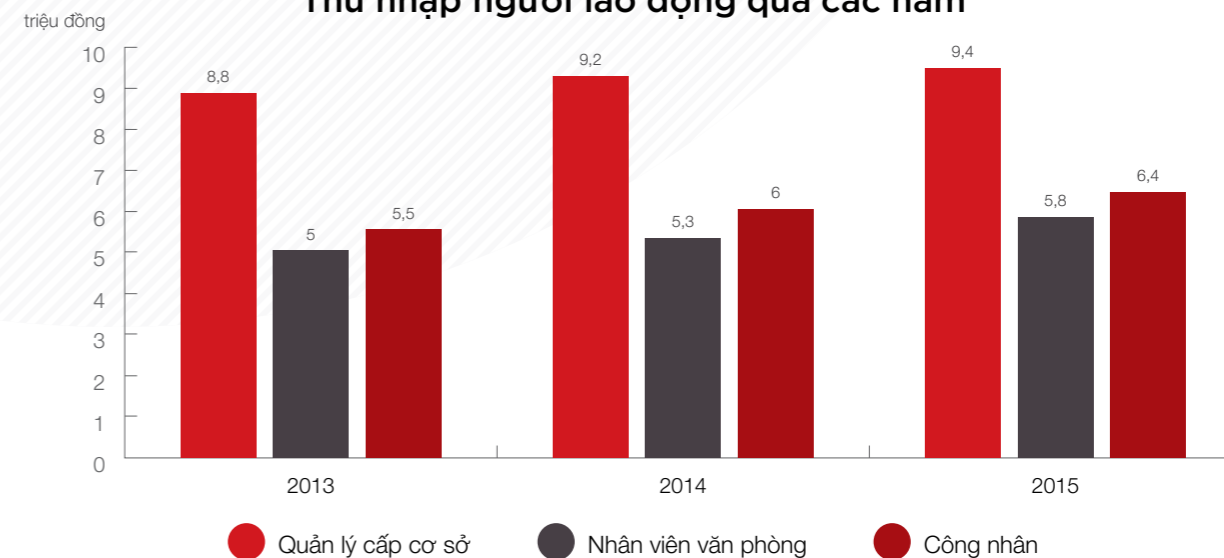
Căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng tại từng thời điểm, Công ty xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bằng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước. Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương. Đồng thời, người lao động được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

Lương thực lãnh

Khối văn phòng
Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.

Khối sản xuất
Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

Thu nhập người lao động qua các năm



Tiền thưởng

Tiền thưởng cho người lao động căn cứ theo quy chế trả lương thưởng của Công ty, được tính vào thu nhập hàng tháng nếu các cá nhân đạt được các tiêu chí thưởng theo quy chế, có các loại tiền thưởng như sau:

- Thưởng tác nghiệp viên.
- Thưởng chấp hành nội quy.
- Thưởng hoàn thành nhiệm vụ.
- Thưởng bậc tay nghề.
- Thưởng theo doanh số bán hàng.
- Thưởng hiệu quả mua hàng.
- Thưởng cho vị trí bốc xếp/phụ kho/xe nâng.
- Thưởng các ngày Lễ.

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB - CNV:

- Thưởng Tết.
- Thưởng hiệu quả hoạt động trong năm.

Chế độ bảo hiểm

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

Phúc lợi

Công ty có nhà trọ miễn phí cho CB-CNV và ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên. Ngoài ra, Công ty còn đãi thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ... và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...

Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Các chế độ BHXH, BHYT được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, làm nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ tham gia các thỏa ước lao động tập thể và bảo hiểm của nhân viên tại công ty là 100%.



3. ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ BẠT

Những nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm: Huấn luyện những kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/LEAN/SAP/POC, an toàn lao động, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.

Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài.

Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo cho nhân viên công ty. Bên cạnh việc đào tạo cho nhân viên mới, Công ty còn liên tục thực hiện tái đào tạo cho nhân viên hiện hữu để đảm bảo được tay nghề, đúng quy trình tác nghiệp. Trong năm 2015, Công ty tập trung mạnh vào việc đào tạo đội ngũ trưởng ca và nhân viên cũ, tiếp tục phát triển văn hóa chia sẻ khi trao cho chủ quản/trưởng ca mỗi đơn vị trách nhiệm trực tiếp đào tạo nhân viên, thực hiện khóa học LEAN để áp dụng vào công việc nhằm nâng cao năng suất làm việc của nhân viên, loại trừ những lãng phí không cần thiết. Chính nhờ văn hóa chia sẻ, nội bộ tự đào tạo cho nhau đã giúp Công ty tiết giảm được chi phí thuê ngoài, góp phần giảm chi phí đào tạo thực tế so với ngân sách.

	2013	2014	2015
Số lượng khóa đào tạo	12	29	45
Đào tạo nội bộ	0	19	37
Thuê ngoài	12	10	8
Ngân sách dành cho đào tạo (đồng)	361.309.733	465.400.000	809.733.599
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (đồng)	292.893.279	205.277.007	351.246.171
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	81%	41%	43%

Về chính sách đề bạt: STK luôn khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt với cơ hội thăng tiến công bằng cho tất cả nhân viên. CBCNV có đủ năng lực có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn. Phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên cho vị trí công việc mới. Nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.

Năm	2013	2014	2015
Số lượng nhân viên được đề bạt qua các năm (người)	14	22	39

4. AN TOÀN LAO ĐỘNG

Nhằm phòng tránh tai nạn lao động, Công ty có chương trình đào tạo về an toàn lao động cho người lao động khi mới nhận việc. Sau đó, định kỳ hàng năm Công ty có chương trình đào tạo lại về an toàn lao động cho tất cả cán bộ công nhân viên.

Để ứng phó với tai nạn xảy ra, định kỳ hàng năm Công ty thực hiện chương trình đào tạo cấp cứu và vệ sinh dịch tễ cho các phòng ban. Khi có tai nạn hoặc bệnh cần cấp cứu, người bị tai nạn hoặc bị bệnh sẽ được sơ cứu tại chỗ trước, sau đó chuyển cho Phòng Y Tế của Công ty. Tùy mức độ tai nạn/bệnh tật nặng nhẹ mà Phòng Y Tế sẽ chuyển người bệnh tới trung tâm y tế phù hợp để xử lý.

Huấn luyện về an toàn-vệ sinh lao động	2013	2014	2015
Tổng số CB-CNV được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động	644	671	889
Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn-vệ sinh lao động (triệu đồng)			
Các biện pháp kỹ thuật an toàn	-	131	135
Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	-	57	58
Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	125	97	100
Chăm sóc sức khỏe người lao động	690	960	1.345
Tuyên truyền, huấn luyện	4,95	15,6	24
Chi khác	-	-	-
Số vụ tai nạn lao động xảy ra trong năm	0	0	0
Số người lao động mắc bệnh nghề nghiệp	0	0	0

5. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CON EM NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để thể hiện sự quan tâm đến đời sống gia đình của CBCNV, hàng năm Công ty đều tổ chức các hoạt động vui chơi, tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con em CBCNV Công ty. Cụ thể: trong năm 2015, Công ty đã trao 348 phần quà cho các bé nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6. Bên cạnh đó, vào dịp kết thúc năm học, Công ty còn trao thưởng cho gần 60 con em CBCNV đã đạt thành tích tốt trong học tập, mỗi phần thưởng trị giá từ 500 ngàn đến 1 triệu đồng.



V. TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG - ĐỊA PHƯƠNG

STK thường xuyên tham gia các hoạt động do HEPZA hoặc Ban quản lý KCN tổ chức, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương cùng tham gia đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương.

Trong năm 2015, STK đã thực hiện đóng góp ngân sách cho nhà nước như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2015			
	Đầu kỳ	Phát sinh	Đã nộp	Cuối kỳ
Thuế TNDN	5,294,170,014	16,294,005,240	21,692,943,962	(104,768,708)
Thuế GTGT	-	5,107,685,617	3,607,679,680	1,500,005,937
Thuế xuất, nhập khẩu	2,529,151,028	24,160,524	1,217,277,697	1,336,033,855
Thuế TNCN	117,671,051	3,364,636,346	3,314,607,234	167,700,163
Khác	13,305,600	695,563,200	708,868,800	-



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

Thông tin chung	94
Báo cáo của Tổng Giám đốc	96
Báo cáo kiểm toán độc lập	97
Bảng cân đối kế toán	98
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	100
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	101
Thuyết minh báo cáo tài chính	103

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103003288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh:

GCNĐKKD điều chỉnh số	Ngày
4103003288 - lần thứ 1	24 tháng 5 năm 2007
4103003288 - lần thứ 2	12 tháng 9 năm 2007
4103003288 - lần thứ 3	6 tháng 8 năm 2008
4103003288 - lần thứ 4	14 tháng 3 năm 2009
4103003288 - lần thứ 5	12 tháng 11 năm 2009
0302018927 - lần thứ 6	13 tháng 1 năm 2010
0302018927 - lần thứ 7	8 tháng 10 năm 2010
0302018927 - lần thứ 8	19 tháng 10 năm 2011
0302018927 - lần thứ 9	6 tháng 7 năm 2012
0302018927 - lần thứ 10	19 tháng 7 năm 2013
0302018927 - lần thứ 11	10 tháng 7 năm 2014
0302018927 - lần thứ 12	25 tháng 7 năm 2014
0302018927 - lần thứ 13	14 tháng 1 năm 2015
0302018927 - lần thứ 14	23 tháng 11 năm 2015

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2015, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu cho Công ty thông qua Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2015. Hội Đồng Quản Trị đã phê duyệt kế hoạch công bố niêm yết theo biên bản họp số 17-2015/BBHHDQT/TK ngày 15 tháng 9 năm 2015. Theo đó, ngày niêm yết lần đầu là ngày 30 tháng 9 năm 2015 với giá niêm yết là 29.000 VNĐ/cổ phiếu. Mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh tại Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 45211000130 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2009, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh:

GCNĐKKD điều chỉnh số	Ngày
45211000130 - lần thứ 1	17 tháng 8 năm 2009
45211000130 - lần thứ 2	27 tháng 5 năm 2010
45211000130 - lần thứ 3	11 tháng 6 năm 2010
45211000130 - lần thứ 4	15 tháng 4 năm 2011
45211000130 - lần thứ 5	14 tháng 1 năm 2014
45211000130 - lần thứ 6	27 tháng 10 năm 2014
0380478317 - lần thứ 7	3 tháng 9 năm 2015

Công ty có một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 0302018927-002 do Phòng Đăng Ký Kinh Doanh Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty và chi nhánh là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch	
Ông Đặng Hường Cường	Thành viên	
Bà Đặng Mỹ Linh	Thành viên	
Ông Lee Chien Kuan	Thành viên	
Ông Thái Tuấn Chí	Thành viên	
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lee Chien Kuan	Thành viên
Ông Thái Tuấn Chí	Thành viên
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Triệu Hòa.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Triệu Hoà
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1575-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2016

Ngô Bửu Quốc Đạt
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2198-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		466.640.814.091	463.417.444.832
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	6.582.910.835	148.163.520.136
111	1. Tiền		6.582.910.835	20.298.520.136
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	127.865.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		74.185.012.876	112.007.195.411
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	21.966.528.130	49.526.060.005
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.239.662.073	60.711.348.389
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	46.820.175.380	1.488.229.552
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		158.647.293	281.557.465
140	III. Hàng tồn kho	8	356.170.304.563	183.506.950.504
141	1. Hàng tồn kho		358.171.424.639	184.045.418.879
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.001.120.076)	(538.468.375)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		29.702.585.817	19.739.778.781
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.839.965.800	6.213.378.919
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	25.757.851.309	13.526.399.862
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	104.768.708	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.252.417.576.983	781.535.198.363
220	I. Tài sản cố định		607.359.893.489	498.794.619.117
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	603.638.169.048	492.328.571.397
222	Nguyên giá		1.066.658.575.562	874.191.340.581
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(463.020.406.514)	(381.862.769.184)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.721.724.441	6.466.047.720
228	Nguyên giá		13.834.916.387	13.834.916.387
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.113.191.946)	(7.368.868.667)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		563.438.286.564	245.318.865.542
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	563.438.286.564	245.318.865.542
250	III. Đầu tư dài hạn		39.992.000.000	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	39.992.000.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		41.627.396.930	37.421.713.704
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	38.760.817.186	35.522.710.260
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	2.866.579.744	1.899.003.444
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.719.058.391.074	1.244.952.643.195

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.029.281.024.074	570.135.332.123
310	I. Nợ ngắn hạn		401.461.743.884	207.533.888.644
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	176.315.367.767	143.401.284.862
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	8.319.539.830	6.993.191.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.173.448.409	7.954.297.693
314	4. Phải trả người lao động		9.171.028.452	10.845.779.461
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	8.307.164.948	7.013.230.059
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		3.697.859.771	3.477.398.912
320	7. Vay ngắn hạn	19	189.906.160.985	25.927.315.002
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.571.173.722	1.921.391.255
330	II. Nợ dài hạn		627.819.280.190	362.601.443.479
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	-	155.183.680.160
338	2. Vay dài hạn	19	627.450.827.440	207.105.841.360
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		368.452.750	311.921.959
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		689.777.367.000	674.817.311.072
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	689.777.367.000	674.817.311.072
411	1. Vốn cổ phần		465.358.350.000	423.053.360.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		465.358.350.000	423.053.360.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		35.297.435.379	40.026.904.470
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(11.826.900.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		187.902.570.621	222.344.935.602
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		116.581.941.602	116.237.943.380
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		71.320.629.019	106.106.992.222
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.719.058.391.074	1.244.952.643.195



Người lập
Lê Thị Liễu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2016



Kế toán trưởng
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	1.035.486.717.187	1.457.929.229.273
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(50.380.093)	(412.068.800)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.035.436.337.094	1.457.517.160.473
11	4. Giá vốn hàng bán		(848.224.232.392)	(1.244.748.364.250)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		187.212.104.702	212.768.796.223
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	13.843.654.980	2.125.649.412
22	7. Chi phí tài chính	22	(52.915.101.730)	(12.542.188.393)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.123.473.125)	(7.583.538.770)
24	8. Chi phí bán hàng	23	(24.084.824.273)	(31.645.142.564)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(38.150.809.352)	(35.290.327.400)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		85.905.024.327	135.416.787.278
31	11. Thu nhập khác		946.353.587	844.878.635
32	12. Chi phí khác		(204.319.955)	(97.424.148)
40	13. Lợi nhuận khác		742.033.632	747.454.487
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		86.647.057.959	136.164.241.765
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(16.294.005.240)	(30.898.342.161)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.2	967.576.300	841.092.618
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		71.320.629.019	106.106.992.222
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.537	2.458
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	1.537	2.458



Người lập
Lê Thị Liễu
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2016



Kế toán trưởng
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		86.647.057.959	136.164.241.765
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		84.850.311.480	81.873.050.003
03	Khoản dự phòng		1.462.651.701	538.468.375
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22	30.790.696.756	3.101.124.321
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(680.652.638)	(879.269.334)
06	Chi phí lãi vay	22	5.123.473.125	7.583.538.770
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		208.193.538.383	228.381.153.900
09	Giảm các khoản phải thu		24.501.437.098	42.034.799.931
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(174.126.005.760)	26.266.384.289
11	Giảm các khoản phải trả		(113.867.587.557)	(73.606.922.392)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.604.195.123)	(3.750.991.718)
13	Tiền lãi vay đã trả		(15.949.238.817)	(7.560.359.902)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.1	(21.692.943.962)	(34.976.515.619)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		216.892.380	104.816.283
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(551.137.639)	(5.331.274.230)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(94.879.240.997)	171.561.090.542
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(499.758.611.252)	(112.693.964.450)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		45.000.000	116.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(39.992.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		681.123.303	763.269.334
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(539.024.487.949)	(111.814.695.116)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ vốn góp và phát hành cổ phiếu	20.1	7.339.430.909	70.026.904.470
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		824.952.869.244	137.704.306.866
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(276.462.602.742)	(175.482.586.944)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(19.633.277.448)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(63.429.461.250)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		492.400.236.161	12.615.346.944

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ [tiếp theo]

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(141.503.492.785)	72.361.742.370
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		148.163.520.136	75.562.455.154
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(77.116.516)	239.322.612
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	6.582.910.835	148.163.520.136



Người lập
Lê Thị Liễu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2016



Kế toán trưởng
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103003288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh:

GCNĐKKD điều chỉnh số	Ngày
4103003288 - lần thứ 1	24 tháng 5 năm 2007
4103003288 - lần thứ 2	12 tháng 9 năm 2007
4103003288 - lần thứ 3	6 tháng 8 năm 2008
4103003288 - lần thứ 4	14 tháng 3 năm 2009
4103003288 - lần thứ 5	12 tháng 11 năm 2009
0302018927 - lần thứ 6	13 tháng 1 năm 2010
0302018927 - lần thứ 7	8 tháng 10 năm 2010
0302018927 - lần thứ 8	19 tháng 10 năm 2011
0302018927 - lần thứ 9	6 tháng 7 năm 2012
0302018927 - lần thứ 10	19 tháng 7 năm 2013
0302018927 - lần thứ 11	10 tháng 7 năm 2014
0302018927 - lần thứ 12	25 tháng 7 năm 2014
0302018927 - lần thứ 13	14 tháng 1 năm 2015
0302018927 - lần thứ 14	23 tháng 11 năm 2015

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2015, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu cho Công ty thông qua Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2015. Hội Đồng Quản Trị đã phê duyệt kế hoạch công bố niêm yết theo biên bản họp số 17-2015/BBHHDQT/TK ngày 15 tháng 9 năm 2015. Theo đó, ngày niêm yết lần đầu là ngày 30 tháng 9 năm 2015 với giá niêm yết là 29.000 VNĐ/cổ phiếu. Mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh tại Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 45211000130 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2009, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh:

GCNĐKKD điều chỉnh số	Ngày
45211000130 - lần thứ 1	17 tháng 8 năm 2009
45211000130 - lần thứ 2	27 tháng 5 năm 2010
45211000130 - lần thứ 3	11 tháng 6 năm 2010
45211000130 - lần thứ 4	15 tháng 4 năm 2011
45211000130 - lần thứ 5	14 tháng 1 năm 2014
45211000130 - lần thứ 6	27 tháng 10 năm 2014
0380478317 - lần thứ 7	3 tháng 9 năm 2015

Công ty có một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 0302018927-002 do Phòng Đăng Ký Kinh Doanh Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty và chi nhánh là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 896 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 733).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế/hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp - Thương Mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, được ghi nhận theo nguyên giá.

3.10 Khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán (VND) của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định trên giá trị thuần có thể thực hiện được từ các khoản đã thu hoặc phải thu, không bao gồm các khoản chiết khấu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	65.758.843	36.853.724
Tiền gửi ngân hàng	6.517.151.992	20.261.666.412
Các khoản tương đương tiền	-	127.865.000.000
TỔNG CỘNG	6.582.910.835	148.163.520.136

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	21.453.733.380	48.522.183.372
BIREL Tekstil Sanayi Ve Ticaret Ltd.Sti	6.296.093.867	-
TONG SIANG Co., Ltd	4.420.786.193	3.875.070.260
Y.R.C. Textile Co., Ltd	4.174.941.355	11.423.972.077
GULCEK Tekstil Sanayi Ve Ticaret Ltd.Sti	4.091.666.475	873.416.728
Các đối tượng khác	2.470.245.490	32.349.724.307
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	512.794.750	1.003.876.633
TỔNG CỘNG	21.966.528.130	49.526.060.005

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
OERLIKON Textile Far East Ltd	2.167.300.000	45.286.527.960
Indorama Polyester Industries Public Co., Ltd	1.843.288.650	-
Các khoản trả trước khác	1.229.073.423	15.424.820.429
TỔNG CỘNG	5.239.662.073	60.711.348.389

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi hộ	45.959.975.781	-
Tạm ứng cho nhân viên	13.000.000	2.500.000
Phải thu khác	847.199.599	1.485.729.552
TỔNG CỘNG	46.820.175.380	1.488.229.552

Trong đó:

Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	45.959.975.781	-
Phải thu từ các bên khác	860.199.599	1.488.229.552

8. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	247.600.344.694	(2.001.120.076)	97.814.484.052	(538.468.375)
Nguyên vật liệu	80.139.941.948	-	55.975.288.762	-
Hàng mua đang đi trên đường	30.431.137.997	-	30.255.646.065	-
TỔNG CỘNG	358.171.424.639	(2.001.120.076)	184.045.418.879	(538.468.375)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(538.468.375)	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(1.825.925.646)	(538.468.375)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	363.273.945	-
TỔNG CỘNG	(2.001.120.076)	(538.468.375)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà xưởng và vật liệu kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	150.598.256.568	660.991.507.589	62.315.221.616	286.354.808	874.191.340.581
Mua mới	-	449.216.000	-	322.727.273	771.943.273
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	118.103.355.022	25.828.983.533	44.031.647.481	4.026.707.351	191.990.693.387
Thanh lý	(47.401.679)	-	(248.000.000)	-	(295.401.679)
Số cuối năm	268.654.209.911	687.269.707.122	106.098.869.097	4.635.789.432	1.066.658.575.562
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	12.311.542.400	61.187.811.258	2.709.787.475	129.348.192	76.338.489.325
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	66.359.007.140	288.907.535.686	26.433.394.907	162.841.451	381.862.769.184
Khấu hao trong năm	13.133.600.874	59.320.596.053	8.746.543.287	165.746.671	81.366.486.885
Thanh lý	(6.320.224)	-	(202.529.331)	-	(208.849.555)
Số cuối năm	79.486.287.790	348.228.131.739	34.977.398.863	328.588.122	463.020.406.514
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	84.239.249.428	372.083.971.903	35.881.836.709	123.513.357	492.328.571.397
Số cuối năm	189.167.922.121	339.041.575.383	71.121.470.234	4.307.201.310	603.638.169.048
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19.2)	173.469.851.217	221.847.068.183	-	-	451.523.111.763

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	13.834.916.387
<i>Trong đó:</i>	
Đã hao mòn hết	113.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	7.368.868.667
Hao mòn trong năm	2.744.323.279
Số cuối năm	10.113.191.946
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	6.466.047.720
Số cuối năm	3.721.724.441

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc thiết bị	547.549.611.051	244.671.300.236
Chi phí lãi vay được vốn hóa (Thuyết minh số 12)	11.082.364.971	242.124.306
Chi phí chạy thử	4.400.869.542	-
Mua tài sản khác	405.441.000	405.441.000
TỔNG CỘNG	563.438.286.564	245.318.865.542
<i>Trong đó:</i>		
Dự án nhà máy Trảng Bàng 3	563.032.845.564	244.913.424.542
Mua tài sản khác	405.441.000	405.441.000

Như được trình bày trong Thuyết minh số 19.2, Công ty đã thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay tổng cộng là 11.082.364.971 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 242.124.306 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư hình thành nhà xưởng và máy móc tại Chi nhánh Trảng Bàng - giai đoạn 3 của Công ty. Chi phí đi vay đã vốn hóa bao gồm tiền lãi vay.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (VNĐ)
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Unitex	49,99	39.992.000.000	-	-

Công ty Cổ phần Unitex (“Unitex”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015. Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Unitex đang trong giai đoạn chờ duyệt phương án xây dựng và phát triển dự án.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất (quyền sử dụng đất) (*)	28.660.151.098	28.948.319.116
Khác	10.100.666.088	6.574.391.144
TỔNG CỘNG	38.760.817.186	35.522.710.260

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 19.2, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

Ngắn hạn

Phải trả các bên khác	176.315.367.767	176.315.367.767	143.401.284.862	143.401.284.862
ITOCHU Corporation	67.518.253.320	67.518.253.320	67.560.686.976	67.560.686.976
PT. INDORAMA Polychem Indonesia	42.303.446.834	42.303.446.834	-	-
Công ty TNHH Tăng Nghị Lực	26.087.871.656	26.087.871.656	-	-
KOLON Global Corporation	15.386.753.900	15.386.753.900	21.774.175.724	21.774.175.724
Các đối tượng khác	25.019.042.057	25.019.042.057	54.066.422.162	54.066.422.162

Dài hạn

Phải trả các bên khác	-	-	155.183.680.160	155.183.680.160
OERLIKON Textile Far East Ltd	-	-	131.599.982.780	131.599.982.780
HONG YAN Engineering Co., Ltd.	-	-	23.583.697.380	23.583.697.380
TỔNG CỘNG	176.315.367.767	176.315.367.767	298.584.965.022	298.584.965.022

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Universal Star Corporation	3.004.167.232	-
Huge - Bamboo Enterprise Co., Ltd	2.000.164.416	-
Golden Empire Limited	1.489.204.115	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.826.004.067	6.993.191.400
TỔNG CỘNG	8.319.539.830	6.993.191.400

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cấn trừ trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.1)	5.294.170.014	16.294.005.240	(21.588.175.254)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	2.529.151.028	24.160.524	(1.217.277.697)	1.336.033.855
Thuế thu nhập cá nhân	117.671.051	3.364.636.346	(3.314.607.234)	167.700.163
Thuế giá trị gia tăng	-	90.901.355.169	(89.231.640.778)	1.669.714.391
Khác	13.305.600	692.563.200	(705.868.800)	-
TỔNG CỘNG	7.954.297.693	111.276.720.479	(116.057.569.763)	3.173.448.409
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.526.399.862	85.672.947.252	(73.441.495.805)	25.757.851.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.1)	-	104.768.708	-	104.768.708
TỔNG CỘNG	13.526.399.862	85.777.715.960	(73.441.495.805)	25.862.620.017

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng bán hàng	5.103.956.311	3.124.592.045
Chi phí tiện ích	2.210.854.055	2.322.269.055
Chi phí lãi vay	692.623.607	436.024.328
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	105.725.397	240.220.166
Chi phí khác	194.005.578	890.124.465
TỔNG CỘNG	8.319.539.830	6.993.191.400

19. VAY

VNĐ

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Các khoản vay ngân hàng	25.927.315.002	25.927.315.002	346.511.407.744	(233.709.513.942)	5.294.552.181	144.023.760.985
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	88.635.488.800	(42.753.088.800)	-	45.882.400.000
TỔNG CỘNG	25.927.315.002	25.927.315.002	435.146.896.544	(276.462.602.742)	5.294.552.181	189.906.160.985
Dài hạn						
Các khoản vay ngân hàng			66.359.007.140	288.907.535.686	26.433.384.907	381.862.769.184
TỔNG CỘNG	233.033.156.362	233.033.156.362	913.588.358.044	(365.098.091.542)	35.833.565.561	817.356.988.425

19.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Các khoản vay tín chấp từ Ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Giá trị gốc (USD)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	71.986.140.236	3.196.611	01/01/2016 đến 30/06/2016	1,7%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	53.901.015.769	2.393.525	02/01/2016 đến 23/06/2016	1,7%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	15.205.500.918	675.215	01/01/2016 đến 08/03/2016	1,7%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH CTBC	2.931.104.062	130.158	28/03/2016	1,7%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	144.023.760.985	6.395.509			

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết của khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Số cuối năm (VNĐ)	Giá trị gốc (USD)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á				
H.0217-13	95.172.267.440	01/03/2012 đến 01/03/2019	3,00%	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (đứng trong giai đoạn 2 của dự án Trảng Bàng) với tổng giá trị là 12.100.000 Đô la Mỹ.
H.1422-15	12.250.000.000	16/01/2016 đến 16/10/2019	2,44%	Quyền sử dụng đất sẽ được nhận tại Khu Công nghiệp Thành Thành Công được hình thành từ khoản vay.
H.1022-14	7.460.000.000	15/01/2016 đến 15/10/2019	2,69%	Quyền sử dụng đất sẽ được nhận tại Khu Công nghiệp Thành Thành Công được hình thành từ khoản vay.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam				
200908121	17.970.960.000	20/07/2012 đến 20/04/2018	3,00%	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị tại Chi nhánh Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
201403738	540.480.000.000	28/01/2017 đến 28/10/2021	2,53%	
TỔNG CỘNG	673.333.227.440	29.938.074		

Trong đó

Vay dài hạn đến hạn trả	1.970.000
Vay dài hạn	27.968.074

B09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

VND

Năm trước:	Vốn cổ phần					Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	315.425.840.000	-	(11.826.900.000)	1.219.011.000	-	198.245.463.380	-	-	-	-	-	503.063.414.380	
Phát hành cổ phiếu	30.000.000.000	40.026.904.470	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70.026.904.470	
Tăng vốn	31.050.960.000	-	-	-	-	(31.050.960.000)	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận thuần phân phối	-	-	-	-	-	(4.380.000.000)	-	-	-	-	-	(4.380.000.000)	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	106.106.992.222	-	-	-	-	-	106.106.992.222	
Cổ tức công bố	46.576.560.000	-	-	-	-	(46.576.560.000)	-	-	-	-	-	-	
Số cuối năm	423.053.360.000	40.026.904.470	(11.826.900.000)	1.219.011.000	-	222.344.935.602	-	-	-	-	-	674.817.311.072	
Năm nay													
Số đầu năm	423.053.360.000	40.026.904.470	(11.826.900.000)	1.219.011.000	-	222.344.935.602	-	-	-	-	-	674.817.311.072	
Phân loại lại (Thuyết minh số 30)	-	-	-	(1.219.011.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tăng vốn (**)	42.304.990.000	(242.000.000)	-	-	-	(42.304.990.000)	-	-	-	-	-	(242.000.000)	
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(4.487.469.091)	11.826.900.000	-	-	-	-	-	-	-	-	7.339.430.909	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	71.320.629.019	-	-	-	-	-	71.320.629.019	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(63.458.004.000)	-	-	-	-	-	(63.458.004.000)	
Số cuối năm	465.358.350.000	35.297.435.379	-	-	-	187.902.570.621	-	-	1.219.011.000	-	-	689.777.367.000	

(*) Vào ngày 17 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tái phát hành 491.234 cổ phiếu quỹ. Việc tái phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-2015/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 1 năm 2015 và số 06-2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 3 năm 2015. Kết quả của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ đã được báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") vào ngày 22 tháng 4 năm 2015.

(**) Vào ngày 11 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành 4.230.499 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Việc phát hành này được thực hiện theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 19-2015/BBHĐQT-TK ngày 11 tháng 11 năm 2015 và được UBCKNN chấp thuận thông qua Công văn số 6512/UBCK_QLPH ngày 15 tháng 10 năm 2015. Kết quả của việc phát hành cổ phiếu phổ thông này đã được báo cáo cho UBCKNN vào ngày 11 tháng 11 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn cổ phần của Công ty là 465.358.350.000 VND theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015.

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	423.053.360.000	315.425.840.000
Tăng trong năm	42.304.990.000	107.627.520.000
Số cuối năm	465.358.350.000	423.053.360.000
Cổ tức đã công bố	(63.458.004.000)	(46.576.560.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(63.429.461.250)	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	(46.576.560.000)

20.3 Cổ phiếu

VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)
Cổ phiếu đã được duyệt	46.535.835	465.358.350.000	42.305.336	423.053.360.000
Cổ phiếu đã phát hành				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	46.535.835	465.358.350.000	42.305.336	423.053.360.000
Cổ phiếu phổ thông	46.535.835	465.358.350.000	42.305.336	423.053.360.000
Cổ phiếu quỹ				
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	-	-	(491.234)	(4.912.340.000)
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(491.234)	(4.912.340.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.535.835	465.358.350.000	41.814.102	418.141.020.000

21. DOANH THU**21.1 Doanh thu bán hàng**

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	1.035.486.717.187	1.457.929.229.273
Trừ: Hàng bị bán trả lại	(50.380.093)	(412.068.800)
Doanh thu thuần	1.035.436.337.094	1.457.517.160.473

21.2 Doanh thu tài chính

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.162.531.677	1.362.380.078
Lãi tiền gửi	681.123.303	763.269.334
TỔNG CỘNG	13.843.654.980	2.125.649.412

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	5.123.473.125	7.583.538.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.000.931.849	1.857.525.302
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	30.790.696.756	3.101.124.321
TỔNG CỘNG	52.915.101.730	12.542.188.393

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	11.288.948.526	18.171.368.705
Phí L/C, chứng từ	6.278.889.510	8.120.577.474
Phí môi giới	5.389.705.721	4.055.257.446
Chi phí khác	1.127.280.516	1.297.938.939
TỔNG CỘNG	24.084.824.273	31.645.142.564

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	17.800.976.103	15.920.765.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.897.039.502	8.845.234.819
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.517.094.767	3.311.307.386
Công cụ, dụng cụ	3.350.865.946	3.726.288.741
Chi phí khác	3.584.833.034	3.486.731.038
TỔNG CỘNG	38.150.809.352	35.290.327.400

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	733.487.334.581	961.014.354.207
Chi phí nhân công	71.730.746.556	67.584.487.809
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	81.101.897.351	81.048.824.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.057.257.927	194.477.621.343
Chi phí khác	13.847.594.282	7.558.546.249
TỔNG CỘNG	1.063.224.830.697	1.311.683.834.214

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với Nhà máy Củ Chi, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng là 22% lợi nhuận chịu thuế (2014: 22%).

Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, Công ty đang trong quá trình xin hướng dẫn từ cơ quan thuế về các ưu đãi thuế áp dụng. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể từ cơ quan thuế về vấn đề này. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang áp dụng mức thuế 10% (giảm 50% theo thuế suất thuế TNDN là 20%) trên lợi nhuận chịu thuế (2014: 22%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.294.005.240	30.898.342.161
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(967.576.300)	(841.092.618)
TỔNG CỘNG	15.326.428.940	30.057.249.543

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	86.647.057.959	136.164.241.765
<i>Điều chỉnh</i>		
Khác biệt trong việc ghi nhận doanh thu xuất khẩu	(426.216.523)	415.565.922
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.462.651.701	538.468.375
Thay đổi trích trước chi phí hoa hồng	1.941.488.262	1.635.399.473
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	56.530.791	(41.405.000)
Thay đổi trích trước tiền nghỉ phép năm	840.427.677	515.254.022
Thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	508.301.004	(500.547.635)
Lãi chưa thực hiện của Chi nhánh	9.800.108.173	1.260.413.108
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.837.495.427	1.360.122.655
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	102.667.844.471	141.347.512.685
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	102.667.844.471	141.347.512.685
Trích thiếu (thừa) chi phí thuế TNDN của năm trước	294.944.729	(198.110.630)
	16.294.005.240	30.898.342.161
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.294.170.014	9.372.343.472
Thuế TNDN đã trả trong năm	(21.692.943.962)	(34.976.515.619)
Thuế TNDN (trả trước) phải trả cuối năm	(104.768.708)	5.294.170.014

26.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.193.660.139	933.449.502	260.210.637	277.290.884
Chi phí phải trả	1.009.941.435	683.808.161	326.133.274	359.787.884
Trích trước phép năm	188.741.787	113.355.884	75.385.903	113.355.884
Trợ cấp thời việc phải trả	73.690.550	68.622.831	5.067.719	(9.109.100)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	400.224.015	118.463.043	281.760.972	118.463.043
Khác biệt trong việc ghi nhận doanh thu xuất khẩu	(2.130.120)	91.424.503	(93.554.623)	91.424.503
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.451.938	(110.120.480)	112.572.418	(110.120.480)
	2.866.579.744	1.899.003.444		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh			967.576.300	841.092.618

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Unitex	Bên liên quan	Góp vốn	39.992.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	13.463.070.903	6.370.556.492
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	3.342.738.426	7.345.661.934

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm (thêm bốn người so với năm trước) như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	5.768.479.115	2.154.309.109

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên hợp đồng thỏa thuận.

Số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu từ bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)				
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	317.116.972	1.003.876.633
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	195.677.778	-
			512.794.750	1.003.876.633
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Unitex	Bên liên quan	Chi hộ	45.959.975.781	-

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	71.320.629.019	106.106.992.222
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	46.393.175	43.167.889
Lãi trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.537	2.458
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.537	2.458

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm đã bao gồm cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần và chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm và giảm trừ cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh tăng 4.230.499 cổ phiếu để phản ánh số cổ phiếu phát hành trong năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 20.1).

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	769.410.622	941.631.080
Từ 1 đến 5 năm	2.621.642.488	2.019.807.040
Trên 5 năm	17.283.309.785	16.469.480.859
TỔNG CỘNG	20.674.362.895	19.430.918.979

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

VND

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	81.048.824.606	824.225.397	81.873.050.003
Giảm các khoản phải thu	32.728.967.456	9.305.832.475	42.034.799.931
Tăng chi phí trả trước	(2.926.766.321)	(824.225.397)	(3.750.991.718)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	208.339.278.655	(208.234.462.372)	104.816.283
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(204.259.904.127)	198.928.629.897	(5.331.274.230)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Các khoản phải thu khác	1.485.729.552	2.500.000	1.488.229.552
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	281.557.465	281.557.465
Tài sản ngắn hạn khác	284.057.465	(284.057.465)	-
Phải trả dài hạn khác	311.921.959	(311.921.959)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	311.921.959	311.921.959
Quỹ đầu tư và phát triển	-	1.219.011.000	1.219.011.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.219.011.000	(1.219.011.000)	-

31. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm sợi tổng hợp và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, trụ sở chính và chi nhánh tạo ra doanh thu của Công ty tọa lạc trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Giám Đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

32. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	235.934	855.484

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Người lập
Lê Thị Liễu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2016



Kế toán trưởng
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà



[VƯỢT QUA THỬ THÁCH | ĐÓN ĐẦU CƠ HỘI]